BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 6

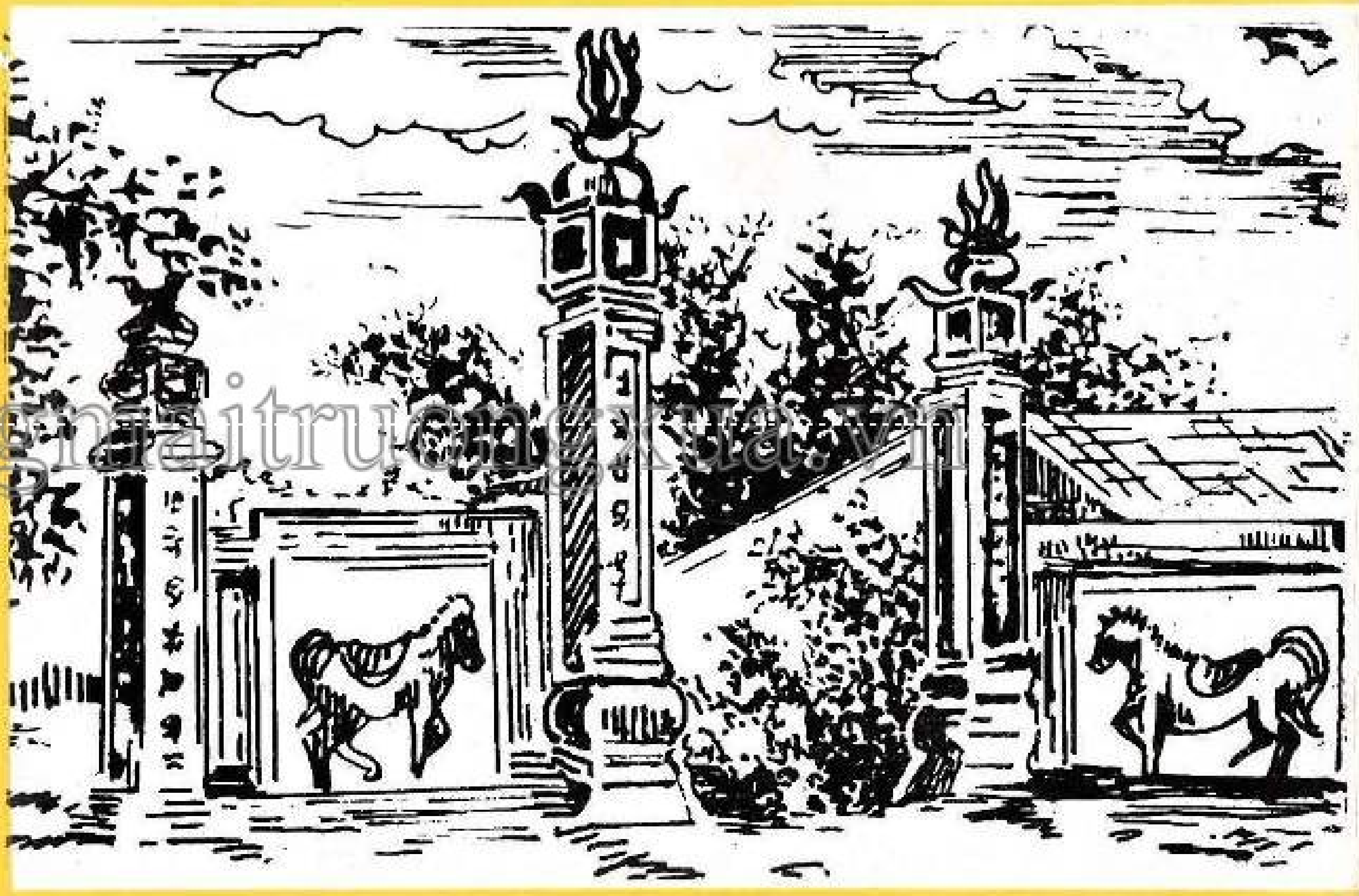

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KIÊN - NGUYỄN CAO LŨY

LỊCH SỬ 6

(Tái bản lần thứ mười bốn)

ruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập :
LÊ ĐÌNH HÀ

Trình bày bìa :
PHẠM NGỌC TỚI

Sửa bản in :
MAI HƯƠNG

Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

9(075) / GD - 01 1105/135 - 00 Mã số : 2H606 t1

thuongmaitr

MỞ ĐẦU

Bài 1

VÀI ĐIỀU SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ

1. Lịch sử là gì ?

Các em quan sát thấy mọi vật chung quanh ta như đất đá, cây cối, giống vật, con người đều sinh ra, tồn tại và biến đổi. Như vậy chúng đều có lịch sử.

Lịch sử là cái gì đã trải qua, đã diễn ra qua thời gian không kể ngắn dài.

Ở đây, chúng ta chỉ muốn nói đến lịch sử của con người.

ruongxua.vn

Con người từ đâu mà ra ? Sống và hoạt động ra sao ? Có những biến đổi, tiến bộ gì ?

Đó là những câu hỏi mà môn học lịch sử có nhiệm vụ phải làm cho sáng tỏ.

?

– Lịch sử là gì ?

– Môn học lịch sử nghiên cứu những vấn đề gì ?

2. Học lịch sử để làm gì ?

Cuộc sống của mỗi người, mỗi dân tộc là sự diễn biến liên tục từ quá khứ đến hiện tại, tương lai. Hiện tại còn in bóng dáng của quá khứ và đi lên từ quá khứ.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng sức lực ngày nay nhưng cũng bằng sức lực những ngày đã qua, bằng vốn cũ của dân tộc và của các nước trên thế giới. Chính vì thế chúng ta cần học lịch sử.

Học lịch sử giúp chúng ta hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được quá trình lao động sáng tạo của tổ tiên ; tiếp thu được những kinh nghiệm quý báu trong sản xuất, chiến đấu, xây dựng ; thừa hưởng những tinh hoa của các nền văn minh nổi tiếng.

Học lịch sử không phải chỉ để biết, để nằm mơ với dĩ vãng mà phải ứng dụng vào việc xây dựng cái mới, làm giàu thêm *truyền thống dân tộc.*

Học tập, tự hào về quá khứ nhưng chúng ta không bắt chước máy móc quá khứ mà phải vận dụng cho phù hợp với yêu cầu của hiện tại và viễn cảnh tương lai.

?

– Học lịch sử để làm gì ?

– Học lịch sử như thế nào cho đúng ?

3. Dựa vào đâu để biết lịch sử ?

Mọi việc vừa xảy ra thì lập tức lại trôi chảy theo dòng thời gian và có thể vĩnh viễn qua đi.

thuongmaitr

Chính vì vậy, người xưa truyền cho nhau những điều đáng ghi nhớ trong lịch sử bằng cách kể chuyện. Kể chuyện nối tiếp từ đời này sang đời khác. Kho truyện *truyền miệng* dân gian (truyền thuyết, thần thoại, cổ tích...) ấy không thật có giá trị lịch sử chân xác nhưng ít nhiều phản ánh sự thực lịch sử, có thể giúp chúng ta tìm hiểu được bóng dáng lịch sử.

Bên cạnh kho truyện dân gian là những *di tích, di vật* của người xưa để lại trên mặt đất và trong lòng đất. Đó là những nhà cửa, công cụ sản xuất, những đồ dùng trong sinh hoạt, những vũ khí, xương cốt... mà các nhà khảo cổ tìm thấy được.

Nghiên cứu các di tích, di vật ấy giúp chúng ta đoán định khá chính xác lịch sử đã qua.

Đến một giai đoạn phát triển cao, con người biết sáng tạo ra *chữ viết.* Lịch sử được ghi lại thành văn. Nhiều cuốn lịch sử cách ngày nay hàng nghìn năm vẫn được gìn giữ cẩn thận.

Lịch sử thành văn giúp chúng ta hiểu được tương đối đầy đủ và dễ dàng về những thời đã qua.

Như vậy, chúng ta có thể dựng lại lịch sử tổ tiên từ thời nguyên thủy đến nay, nhờ chủ yếu vào ba nguồn tài liệu :

- Tài liệu truyền miệng.
- Tài liệu vật chất.
- Tài liệu chữ viết.

?

1. Tại sao cần học lịch sử ?
2. Em thử kể lại một câu chuyện truyền miệng có nói về lịch sử dân tộc ta.
3. Em có biết một di tích lịch sử nào không ? Hãy kể về di tích đó.
4. Em có thể kể tên một cuốn sử cũ của ta được không ?

Bài 2

CÁCH TÍNH NIÊN ĐẠI TRONG LỊCH SỬ

ruongxua.vn

1. Cách tính thời gian của người xưa

Con người sinh sống với thiên nhiên, thấy nhiều hiện tượng cứ lặp đi lặp lại. Hết sáng lại tối (ngày), trăng khuyết rồi lại trăng tròn (tháng), một thời gian lạnh rồi nóng (mùa), xuân đi rồi xuân lại đến (năm).

Ngày, tháng, mùa, năm có quan hệ mật thiết với đời sống con người. Gieo hạt không đúng ngày, đúng tháng thu hoạch sẽ sút kém hoặc mất trắng.

Từ thực tế ấy, con người nghĩ đến *lịch*. Lúc đầu có nhiều cách tính lịch, tùy theo đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, nhưng nhìn chung thường dựa vào chu kì xoay chuyển của Mặt Trăng chung quanh Trái Đất (âm lịch) hoặc chu kì xoay chuyển của Trái Đất chung quanh Mặt Trời (dương lịch).

Dựa vào Mặt Trăng để tính tháng thì tiện lợi vì cứ trung bình 29 ngày 12 giờ là một chu kì của trăng nhưng tính năm thì không hợp với thời tiết nữa vì cứ gần hết 3 năm lại thiếu một tháng. Người ta phải thêm tháng nhuận để khớp với chu kì của Trái Đất nên âm lịch hiện dùng thực ra là *âm – dương lịch*.

?

– Do đâu con người nghĩ đến lịch ?

– Con người dựa trên cơ sở nào làm ra lịch ?

2. Cách tính niên đại theo công lịch

Dương lịch được cải tiến nhiều lần thành *công lịch*. Ngày nay công lịch được sử dụng phổ biến trên thế giới.

Công lịch lấy năm tương truyền chúa Giêxu (người sáng lập ra đạo Thiên chúa) ra đời là năm đầu tiên của công nguyên (kỉ nguyên của công lịch). Trước năm đó là trước công nguyên.

Công lịch còn quy định cứ 100 năm là một thế kỉ, 1000 năm là một thiên niên kỉ.

thuongmaitr

Hình 1 – Sơ đồ thời gian

Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ I.

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ XX.

Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40. Đó là năm thứ 40 công nguyên.

Triệu Đà xâm lược nước ta năm 179 trước công nguyên (viết tắt là 179 tr. CN), nghĩa là sự kiện này xảy ra cách ngày nay 2001 năm + + 179 năm = 2180 năm.

?

1. Thế kỉ XV bắt đầu từ năm nào đến năm nào ?
2. Năm 696 tr. CN, thuộc vào thiên niên kỉ nào ?
3. Công lịch vì sao được dùng phổ biến trên thế giới ?

ruongxua.vn

Chương I

VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY

Bài 3

BẦY NGƯỜI NGUYÊN THỦY

1. Từ vượn đến người tối cổ

Cách đây khoảng 6 triệu năm[1], trên mặt đất (nhất là vùng Đông Phi và phía nam châu Á) thấy xuất hiện loài vượn phương Nam. Vượn này đứng thẳng, đầu nhô về phía trước, đôi tay khéo léo, óc phát triển.

Đặc biệt, chúng không chỉ sử dụng hòn đá có sẵn trong thiên nhiên để kiếm sống mà biết ghè hai hòn đá vào nhau để tạo ra công cụ sắc hơn, tốt hơn.

Sự kiện loài vượn biết chế tạo ra *công cụ sản xuất* đầu tiên, đánh dấu một bước ngoặt kì diệu, vượn bắt đầu thoát khỏi sự lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên và trở thành người. Đó là người tối cổ.

?

– Con người có gốc tích từ đâu ?

– Em hãy nói về sự khác nhau cơ bản giữa vượn và người ?

2. Những di tích về người tối cổ trên đất nước ta

Việc nghiên cứu người tối cổ ở Việt Nam đã được tiến hành mấy chục năm nay. Ta chưa tìm thấy di tích của người tối cổ có tuổi hàng triệu năm, càng chưa tìm thấy những di tích loài vượn cổ.

---

(1) Theo tư liệu của những công trình nghiên cứu gần đây.

thuongmaitr

Nhưng năm 1960, ta đã tìm thấy công cụ bằng đá của người nguyên thủy Việt Nam *ở núi Đọ* (Thanh Hóa). Qua mấy lần khảo sát, ta thu lượm được hàng ngàn mảnh tước có cạnh sắc để cắt, nạo. Nhiều hòn đá được ghè đẽo qua loa để chặt. Hiện vật hiếm là những chiếc rìu tay, có hình dạng cân xứng hơn, ghè đẽo nhiều hơn, một đầu tròn để cầm, một đầu gần nhọn.

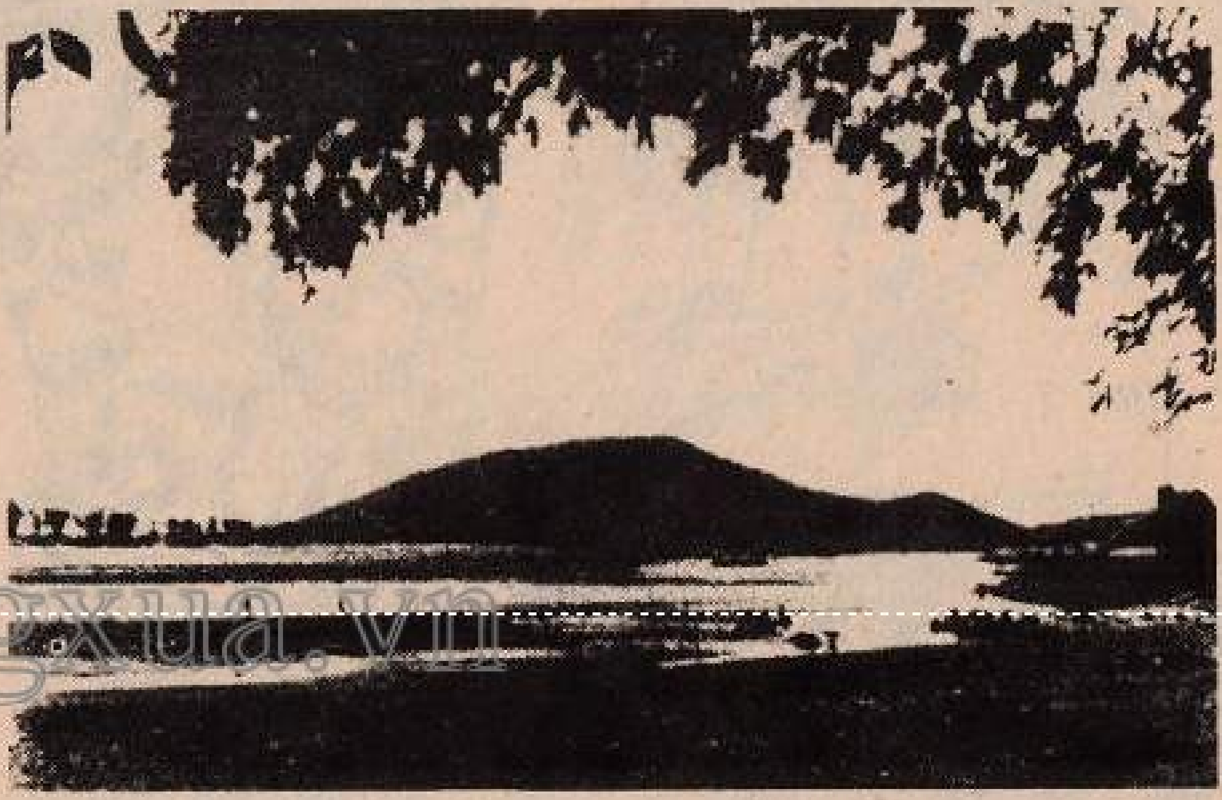

Hình 2 – Núi Đọ

ruongxua.vn

Ở miền Nam, ta cũng tìm thấy những công cụ đá tương tự như ở núi Đọ : tại Hàng Gòn, Dầu Giây (Đồng Nai) ; Dốc Mơ, Vườn Dũ (Sông Bé).

Gần đây, ở núi Quân Yên và núi Nuông (Thanh Hóa), ta lại tìm thấy các công cụ đá giống như núi Đọ.

Năm 1964 – 1965, chúng ta phát hiện được một số răng hóa thạch của người tối cổ ở hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), cùng với nhiều xương hóa thạch của động vật cổ sống vào thời đó như gấu, voi, đười ươi, tê giác, vượn khổng lồ...

?

– Những di tích về người tối cổ ở nước ta tìm thấy ở đâu ?

– Các nhà khoa học tìm thấy gì ở đó ?

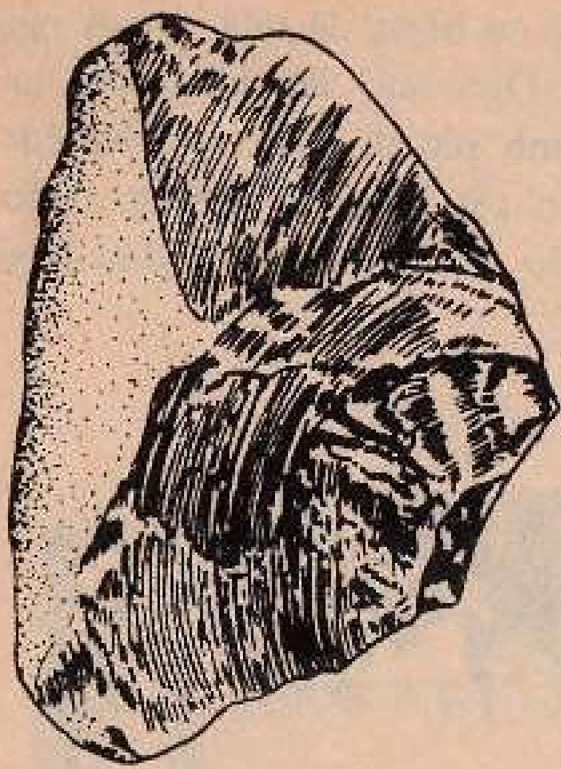

Hình 3 – Mảnh tước

Hình 4 – Công cụ chặt thô sơ

Hình 5 – Rìu tay

thuongmaitr

3. Đời sống của bầy người nguyên thủy

Người tối cổ sống theo bầy. Những bầy người nguyên thủy ở nước ta sống bằng *hái lượm* và *săn bắt*. Xương những thú lớn để lại chứng tỏ bầy người muốn săn được chúng phải đông, tổ chức phối hợp tốt.

Hình 6 – Cuộc sống của bầy người nguyên thủy

?	– Em hãy nhìn bức tranh và mô tả về cuộc sống của họ.

Bầy người sống trong hang động và cả ngoài trời, gần nguồn nước, dưới mái lều đơn giản che bằng da thú, lá cây.

Họ biết ghè đẽo đá làm công cụ, biết chặt đẽo những gậy tre, giáo gỗ, biết dùng lửa để sưởi ấm, nướng thức ăn và xua đuổi thú dữ.

ruongxua.vn

Hình 7 – Cảnh săn một con lợn rừng

Mỗi bầy người có thể có khoảng 20 – 30 người, sống trong 5 – 7 gia đình. Có thể đấy là những gia đình thuộc chế độ mẫu hệ.

Đời sống của họ kéo dài ở tình trạng bấp bênh, tiến lên từng bước chậm chạp.

?

1. Em hãy mô tả lại cuộc sống của bầy người nguyên thủy.
2. Em hãy nói về sự giống nhau và khác nhau giữa bầy vượn và bầy người nguyên thủy.

Bài 4

THỊ TỘC VÀ BỘ LẠC NGUYÊN THỦY

1. Người tinh khôn xuất hiện

Trải qua hàng chục vạn năm, người tối cổ chuyển thành người cổ, tiến dần thành *người tinh khôn* với trán thẳng, cằm nhô, óc phát triển, xương nhỏ nhắn.

Người tinh khôn xuất hiện khá sớm ở Việt Nam và Đông Nam Á. Chúng ta đã tìm thấy răng và mảnh xương trán của người tinh khôn ở hang Kéo Lèng (Lạng Sơn), rất nhiều *mảnh tước nhỏ* ở mái đá Ngườm (Bắc Thái).

Người tinh khôn sống trên một địa bàn rộng từ Lào Cai, Hà Giang đến Hà Tĩnh, từ Sơn La đến lưu vực sông Lục Nam.

?

– Người tinh khôn khác người tối cổ thế nào ?

– Người tinh khôn sống ở những vùng nào trên đất nước ta ? Làm sao em biết được ?

truongxua.vn

2. Những tiến bộ trong cuộc sống

Người tinh khôn đã biết chế tạo công cụ đá nhiều hình loại, và bắt đầu biết mài cho nhẵn, sắc. Họ có thể chặt cây, phát rừng.

Cuộc sống của con người tiến bộ rõ rệt. Trong các hang động có người tinh khôn ở, ta tìm thấy những lớp vỏ ốc dày (có chỗ đến 3m), trong đó còn thấy nhiều loại xương thú vật chứng tỏ nghề săn phát triển. Đặc biệt, con người đã biết làm đồ gốm (đựng và nấu ăn), đồ trang sức, bước đầu *biết trồng trọt* (rau, dưa, bầu, bí, hoa quả), *chăn nuôi* (chó, lợn), chôn người chết và thờ cúng vật tổ.

Em có thể hiểu rõ thêm được những điều gì qua hình 8 ?

?

– Cuộc sống của người tinh khôn tiến bộ hơn người tối cổ như thế nào ?

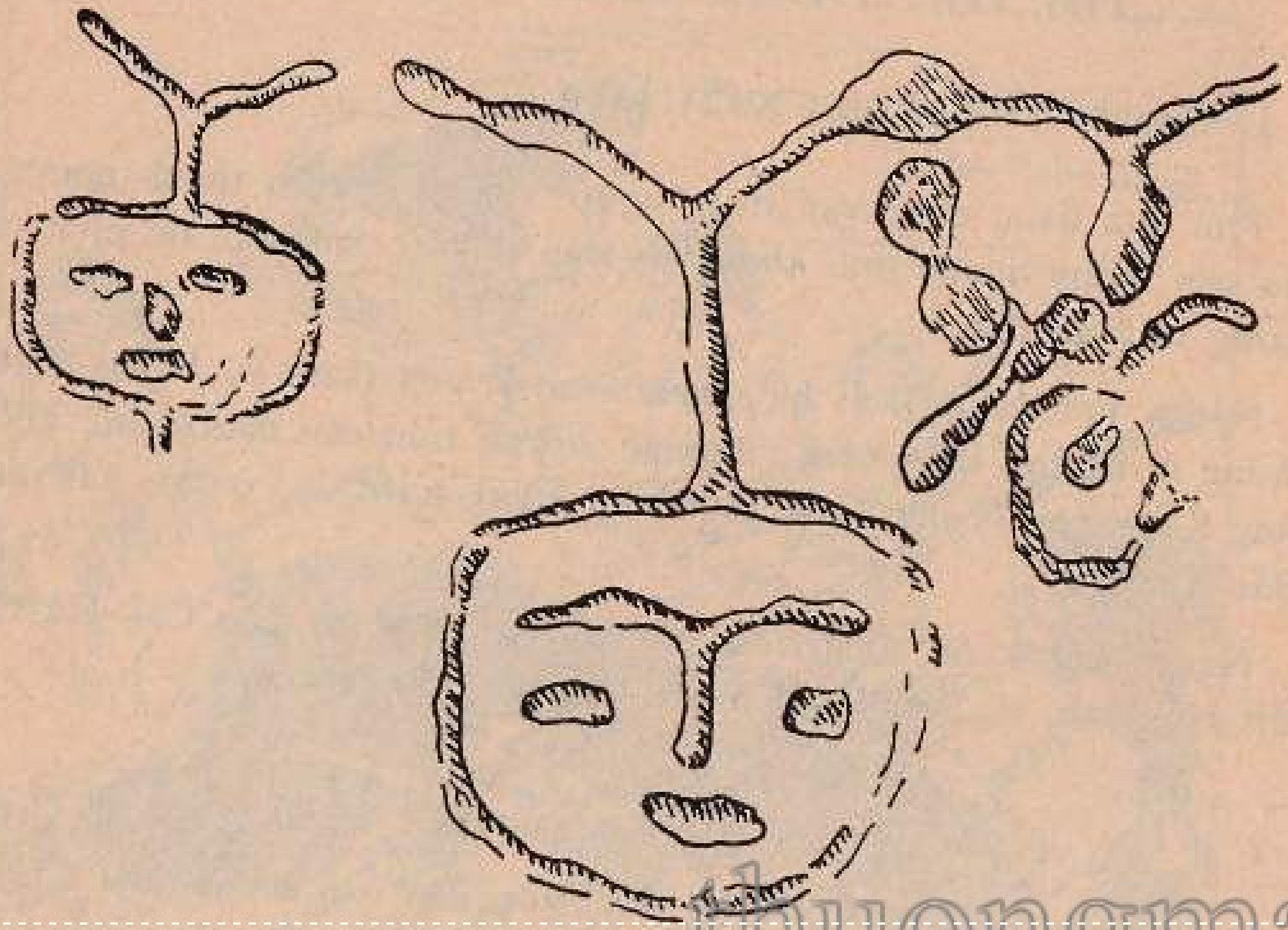

Hình 8 – Ba mặt người vẽ trên vách hang Đồng Nội (Hòa Bình)

3. Thị tộc và bộ lạc nguyên thủy

Những người cùng có quan hệ *huyết thống*, sống với nhau trong một thị tộc. Mỗi thị tộc có tới vài trăm người. Đàn bà chuyên hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi, làm chủ gia đình ; đàn ông chuyên săn bắn. Mọi người lao động chung trên những khu đất của toàn thị tộc. Họ sống *bình đẳng*.

Thị tộc trên thuộc thị tộc mẫu hệ, sống định cư lâu dài.

Nhiều thị tộc trong một vùng hợp nhau thành bộ lạc.

?

1. Thị tộc nguyên thủy khác bầy người nguyên thủy như thế nào ?
2. Em hãy phân biệt thị tộc và bộ lạc.
3. Em có biết vì sao cuộc sống của con người tiến bộ lên thì thị tộc ra đời ?

thuongmaitr

Bài 5

NHỮNG CÔNG CỤ SẢN XUẤT MỚI VÀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA XÓM LÀNG

1. Những công cụ sản xuất mới

Các nhà khảo cổ đã khai quật nhiều nơi ở và mộ cổ ở Thanh Hóa, bờ biển Quảng Ninh – Hải Phòng, một số đảo trong vịnh Hạ Long, ven biển và đồng bằng các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Sơn La, Lai Châu, lưu vực sông Đồng Nai...

Chúng ta đã tìm thấy những chiếc *rìu đá mài* nhẵn. Một số rìu đá có mang dấu cưa. Với kĩ thuật cửa, con người có thể nhanh chóng tạo thành những công cụ có kích thước và hình dạng như ý muốn. Nếu trước khi mài chỉ biết ghè đẽo sẽ tốn rất nhiều công sức. Người ta còn thấy có bôn (chỉ mài vát một bên lưỡi), đục.

Đặc biệt họ còn biết khoan. Người ta cho mũi khoan chuyển động trên mặt đá và khoét thành một lỗ tròn.

xuongxua.vn

Trong một số di chỉ ở ven biển còn tìm thấy cuốc đá, lưỡi cuốc mỏng và thường cong về phía trước.

? – Những công cụ đồ đá thời này có tiến bộ như thế nào ?

2. Nghề nông trồng lúa nước ra đời

Với những công cụ mới tốt hơn nên khoảng năm, sáu nghìn năm cách ngày nay, dân cư nguyên thủy đã phân bố rộng khắp.

Tại miền *chân núi* (thung lũng và bồn địa giữa các núi) đã nảy sinh *nghề nông trồng lúa nước*, một hình thái nông nghiệp đặc trưng của khu vực Đông Nam Á.

Đa số học giả thế giới thừa nhận rằng Đông Nam Á là quê hương của *lúa hoang*. Các cư dân ở đây có thể từ thực tiễn trồng khoai nước trong các thung lũng ven sông, suối đã biết dần dần thuần hóa cây lúa

hoang thành *lúa nửa hoang* (có bàn tay con người chăm sóc) rồi đến các loại lúa trồng thực sự, từ dạng lúa tẻ cồ, hạt thon bầu (như ở vùng Tây Bắc nước ta) đến các dạng nếp mọng hạt bầu ngắn. Từ miền đất thấp chân núi, cây lúa được đưa lên trồng ở nương rẫy vùng cao thành lúa nếp nương hạt bầu dài. Đặc biệt, khi biển lùi, các dòng sông chuyên chở cuội sỏi, phù sa lấp đầy dần vùng cửa sông cồ để tạo dựng đồng bằng ven biển, con người tiến xuống chinh phục miền đất cao châu thổ. *Lúa* trồng một vụ vào đầu mùa mưa, lớn lên trong mùa mưa, đầu mùa khô thì chín.

?

– Nghề nông trồng lúa nước đã ra đời ở đâu ? Thời gian nào ?

– Em hãy nói về sự tiến triển từ lúa hoang đến lúa trồng.

3. Xóm làng nông nghiệp

Nhiều di chỉ cuối thời đại đồ đá có diện tích lớn ở gần nhau cho ta thấy thời đó đã có những công xưởng chế tác đá lớn, nhiều xóm làng đông đúc. Như vậy so với trước có *sự tăng nhanh về dân số*. Trên khắp mọi miền của đất nước đã tụ cư nhiều nhóm bộ lạc trồng lúa.

Nhờ có nông nghiệp trồng lúa, đời sống của con người đã ổn định.

Trong xóm làng (công xã) đã có một bộ phận khá đông thành viên được *chuyên môn hóa*. Họ sản xuất để thỏa mãn nhu cầu của công xã và trao đổi với các bộ lạc khác. Thị tộc nguyên thủy bắt đầu tan rã. Đất nước ta bước sang một thời kì mới.

?

1. Những điều gì nói lên sự tăng nhanh về dân số ?
2. Việc chuyên môn hóa sản xuất dẫn đến kết quả gì ?
3. Em thử tìm hiểu vì sao thị tộc nguyên thủy lại tan rã ?

thuongmaitr

Chương II

THỜI DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC ĐẦU TIÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

A - QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP NƯỚC VĂN LANG

Bài 6

CỘI NGUỒN DÂN TỘC

1. Khung cảnh miền Bắc Việt Nam cách đây khoảng 4000 năm

tuongxua.vn

Khoảng 4000 năm trước, miền Bắc Việt Nam vẫn là miền nhiệt đới gió mùa, khí hậu ẩm ướt. Miền này có nhiều núi cao, rừng rậm, sông ngòi, hồ đầm, đồng bằng và biển cả.

Rừng chiếm phần lớn diện tích đất đai, phủ kín khắp vùng núi, vùng trung du và lan cả xuống đồng bằng. Các giống chim, thú rừng sinh trưởng rất phong phú.

Đồng bằng nhỏ hẹp (vì biển khi ấy ăn sâu vào đất liền và rừng mọc xen kẽ) nhưng đất đai rất màu mỡ (vì có nhiều phù sa của sông bồi đắp).

Trong khung cảnh thiên nhiên đó, đã có cư dân sống rải rác trên khắp mọi miền, từ bắc đến nam, từ đồi núi trung du đến đồng bằng, ven biển, hải đảo. Song, nơi cư dân sống tập trung hơn cả là đồng bằng sông Hồng và sông Mã.

?	–Điều kiện tự nhiên có liên quan đến cuộc sống của con người như thế nào ?

2. Thuật luyện kim ra đời

Mấy chục năm gần đây, các nhà khoa học nước ta đã tìm ra hàng loạt các di chỉ thuộc thời đại đầu đồng thau có niên đại cách ngày nay khoảng 3500 – 4000 năm.

Ở trung du và vùng cao châu thổ sông Hồng có di chỉ Phùng Nguyên. Ở lưu vực sông Mã và vùng ven biển Thanh Hóa có di chỉ Cồn Chân Tiên và Hoa Lộc. Ở lưu vực sông Đồng Nai có di chỉ Bến Đò.

Trong các di chỉ này, người ta tìm thấy rất nhiều công cụ và đồ trang sức bằng đá mài nhẵn, đẹp, đạt đến trình độ kĩ thuật tinh xảo (rìu, cuốc, dao hái, mũi khoan, vòng tay, khuyên tai, hạt chuỗi...) ; những đồ gốm có hoa văn rất đẹp (nồi, bình, vò, bát đĩa, tượng động vật...) ; xương thú và cả dụng cụ đánh cá... Song điều quan trọng nhất là người ta còn tìm thấy những cục đồng thau (đồng – thiếc), xỉ đồng, dùi đồng, dây đồng.

Đồ đồng khi gia nhập thế giới đồ đá, đồ gốm, tre gỗ dần làm thay đổi sức sản xuất và gây ra những biến đổi mạnh mẽ trong xã hội.

thuongmaitr

?

– Các di chỉ thuộc thời đại đồng thau tìm thấy ở đâu ? Thuộc miền nào của đất nước ?

– Em thử hình dung đồng thau ra đời có tác động như thế nào đến sản xuất và xã hội ?

3. Cuộc sống của các bộ lạc Việt cổ

Dựa vào các di chỉ tìm thấy, chúng ta biết các bộ lạc Việt cổ, cách đây khoảng 4000 năm, đã sống định cư trong những xóm làng rộng lớn hàng chục vạn mét vuông. Họ là cư dân nông nghiệp, trình độ sản xuất phát triển khá cao. Lúa nước là cây trồng chủ yếu ở vùng đồi gò trung du và vùng cao châu thổ. Dụng cụ sản xuất là cuốc đá, rìu đá, dao, hái đá.

Nghề gốm rất phát triển. Bình vò có kích thước to làm ra để chứa đựng sản phẩm thu được. Họ đã biết nuôi chó, lợn, trâu, bò, gà. Nghề săn vẫn tồn tại nhưng chiếm địa vị thứ yếu. Nghề đánh cá phát triển

Hình 9 – Lược đồ các di chỉ vào đầu thời đồng thau ở Việt Nam

truongxua.vn

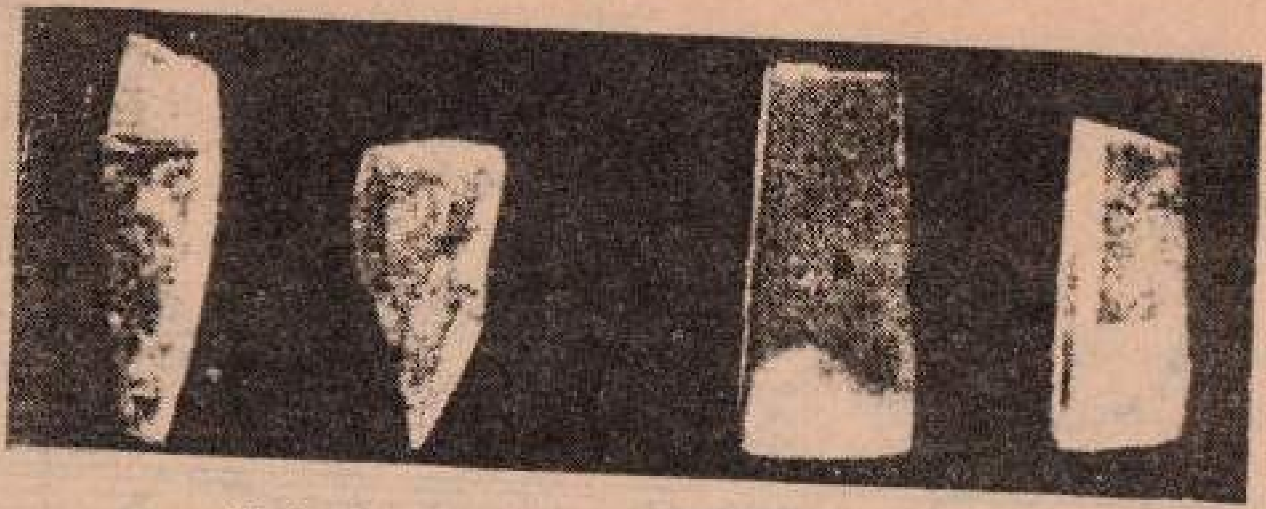

Hình 10 – Mũi nhọn và rìu đá Phùng Nguyên

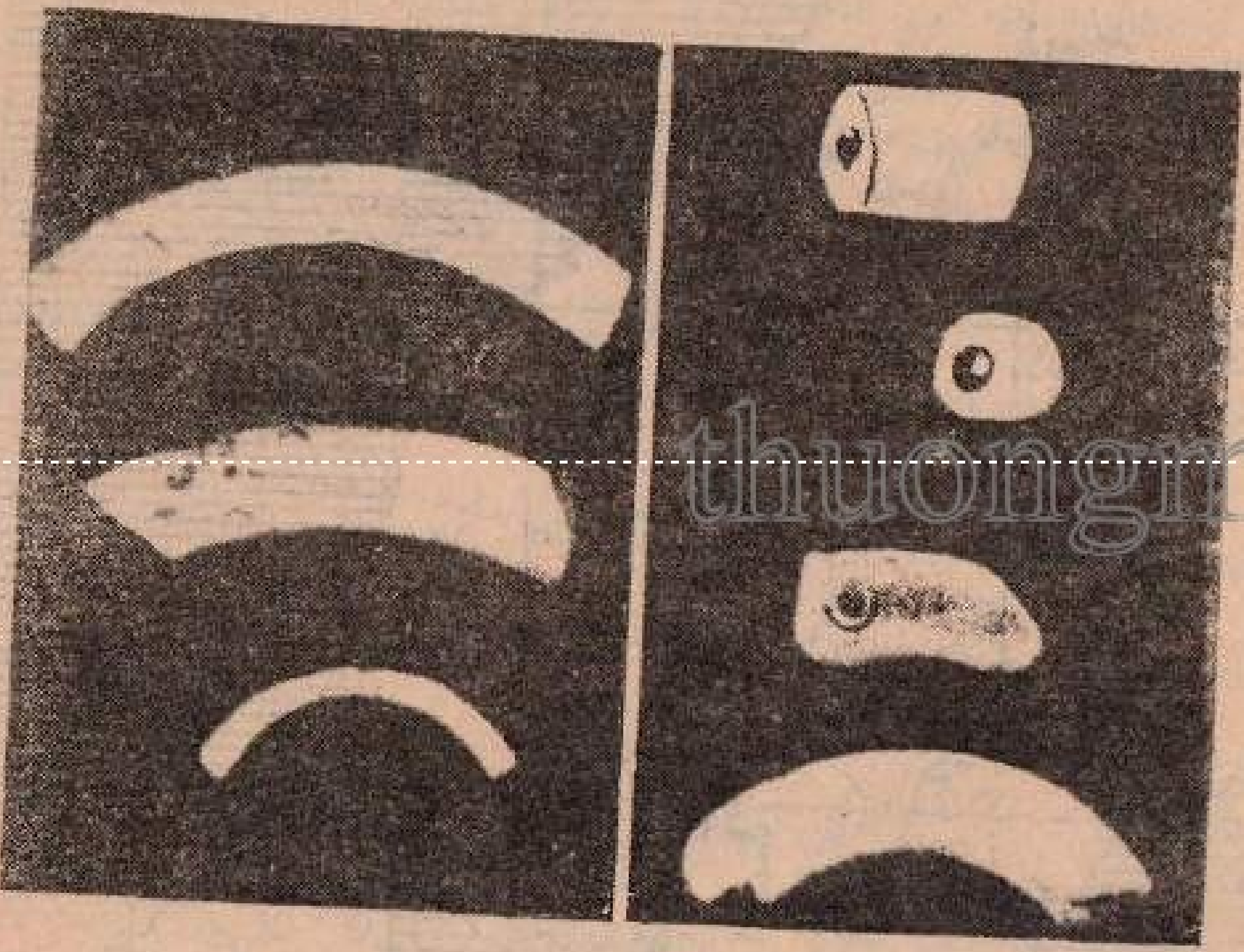

Hình 11 – Đồ trang sức bằng đá ở Phùng Nguyên

ở các bộ lạc gần sông, biển. Các nghề thủ công đan lát, xe chỉ, dệt vải, đúc đồng đều có dấu tích để lại.

Điều đáng chú ý là các bộ lạc Việt cổ có khiếu thẩm mĩ cao thể hiện ở các công cụ đá, ở các đồ trang sức và đặc biệt ở đồ gốm. Các công cụ đá nhẵn bóng, cân xứng. Đồ trang sức có màu sắc được khoan,

thuongmaitr

Hình 12 – Đồ gốm ở Phùng Nguyên

tiện tinh vi, xinh xắn đến ngạc nhiên. Đồ gốm có hoa văn uyển chuyển nhịp nhàng, phối hợp khéo léo giữa hoa văn và kiểu dáng, khiến chúng ta ngày nay cũng phải khâm phục.

Họ có tập quán chôn người chết gần nơi cư trú, đầu quay về hướng đông. Trong mộ thường chôn theo các công cụ, đồ trang sức và đầu thú vật. Sự chênh lệch về đồ chôn theo giữa các mộ không nhiều, chứng tỏ sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội chưa rõ rệt nhưng bắt đầu nảy nở.

truongxua.vn

Trong các bộ lạc Việt cổ ở nước ta thì các bộ lạc ở đồng bằng sông Hồng và sông Mã có trình độ tiên tiến nhất. Họ sống tập trung và xen kẽ, thường trao đổi sản phẩm với nhau, xâm nhập lẫn nhau nên có quan hệ xa gần càng ngày càng khăng khít. Họ là cội nguồn, đã tạo nên những cơ sở vật chất và tinh thần đầu tiên cho thời buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Truyền thuyết Âu Cơ – Lạc Long Quân đẻ ra một bọc trăm trứng nở trăm con, 50 con theo mẹ lên miền núi đồi, 50 con theo cha xuống miền sông biển là nhằm giải thích sự có mặt của các bộ lạc và nói lên cội nguồn thống nhất, cao quý của dân tộc ta.

?

1. Bộ lạc Việt cổ sống bằng những nghề gì ? Nghề nào là chính ?
2. Cuộc sống của người Việt cổ như thế nào ?
3. Truyền thuyết Âu Cơ – Lạc Long Quân, nhằm nói lên điều gì ?

Bài 7

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG SẢN XUẤT

1. Nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi

Lưu vực sông Hồng, sông Mã, quê hương buổi đầu của dân tộc chúng ta, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều, nắng lắm, thuận lợi cho cây trồng. Nhưng hàng năm thường xảy ra bão, mưa to gây ra úng lụt, uy hiếp nghiêm trọng mùa màng.

Khi các bộ lạc Việt cổ mở rộng việc chinh phục đồng bằng và sản xuất nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong cuộc sống thì nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi được đặt ra ngày càng bức thiết.

Cùng với sự tiến bộ của nghề luyện kim và sự gia tăng dân số, các bộ lạc Việt cổ biết đắp bờ vùng bờ thửa ; đào ao chuôm giữ nước ; đào ngòi lạch, đắp kè đập đề dẫn nước và nhất là biết đắp đê ngăn nước.

Câu chuyện huyền thoại Sơn Tinh – Thủy Tinh phản ánh công cuộc vật lộn chống lũ lụt thắng lợi của người dân Việt cổ cấy cày trên đồng ruộng lưu vực sông Hồng.

thuongmaitr

?

– Khi nào nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi được đặt ra cấp thiết ? Vì sao ?

– Người xưa trị thủy và làm thủy lợi như thế nào ?

2. Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp

Nghề luyện kim ra đời và phát triển đã tạo ra những công cụ sản xuất mới như rìu đồng, lưỡi liềm đồng, lưỡi cày đồng rồi đến cuốc, thuổng, mai... bằng sắt. Công cụ kim loại thay thế dần công cụ đá.

Việc sản xuất nông nghiệp từ chỗ dùng cuốc đá xới lật từng nhát đất một đã tiến lên dùng rìu đồng đề khai phá đất đai và dùng cày đồng đề làm ruộng trồng lúa. Cày có thể dùng sức kéo của trâu bò hoặc của con người. Lưỡi cày xuất hiện cùng với việc làm thủy lợi là một bước ngoặt trong quá trình phát triển của kĩ thuật. Năng suất cây trồng tăng lên. Diện tích nông nghiệp mở rộng dần với ba loại hình : nương

Hình 13 – Lưỡi liềm đồng

ruongxua.vn

Hình 14 – Lưỡi câu đồng

rẫy, vườn và ruộng. Sản xuất lúa từ một vụ tiến lên hai vụ. Cơ cấu cây trồng qua kinh nghiệm thực tế đi đến ổn định.

Cây lúa nước (phổ biến là lúa nếp rồi đến lúa tẻ) là cây trồng chính. Xoay quanh cây lúa là đậu, rau, bầu, bí, khoai, củ, mía, đay, gai, dâu tằm. Cây ăn quả có trám, na, vải, nhãn, dưa hấu, cau...

Truyện dân gian còn để lại sự tích An Tiêm ra bãi biển trồng dưa và sự tích Trầu – Cau.

Cùng kết hợp với trồng trọt còn có chăn nuôi, đánh cá và săn bắt hái lượm. Tỉ lệ trâu bò được chăn nuôi ngày càng tăng so với các thú

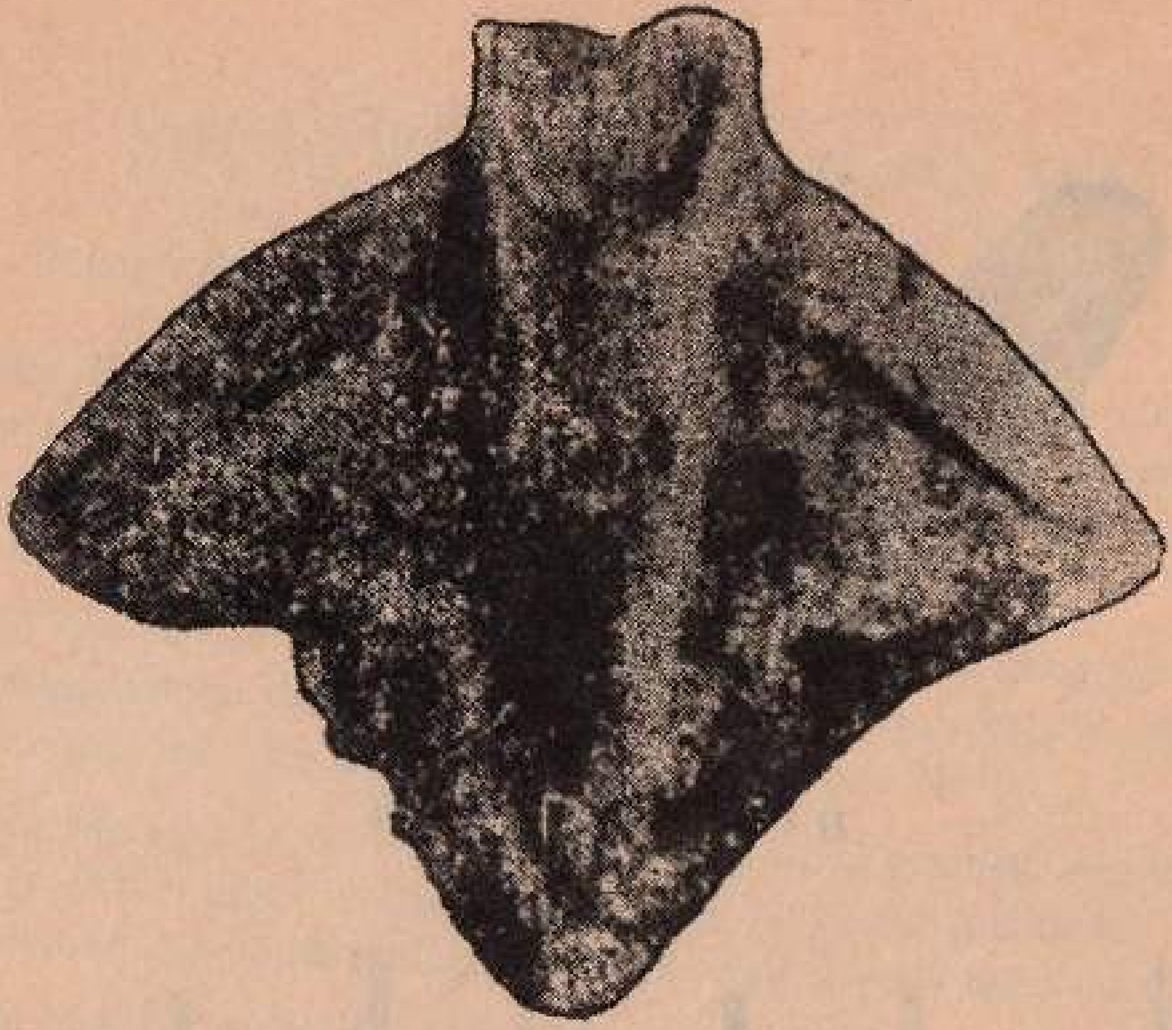

Hình 15 – Lưỡi cày đồng

thuongmaitr

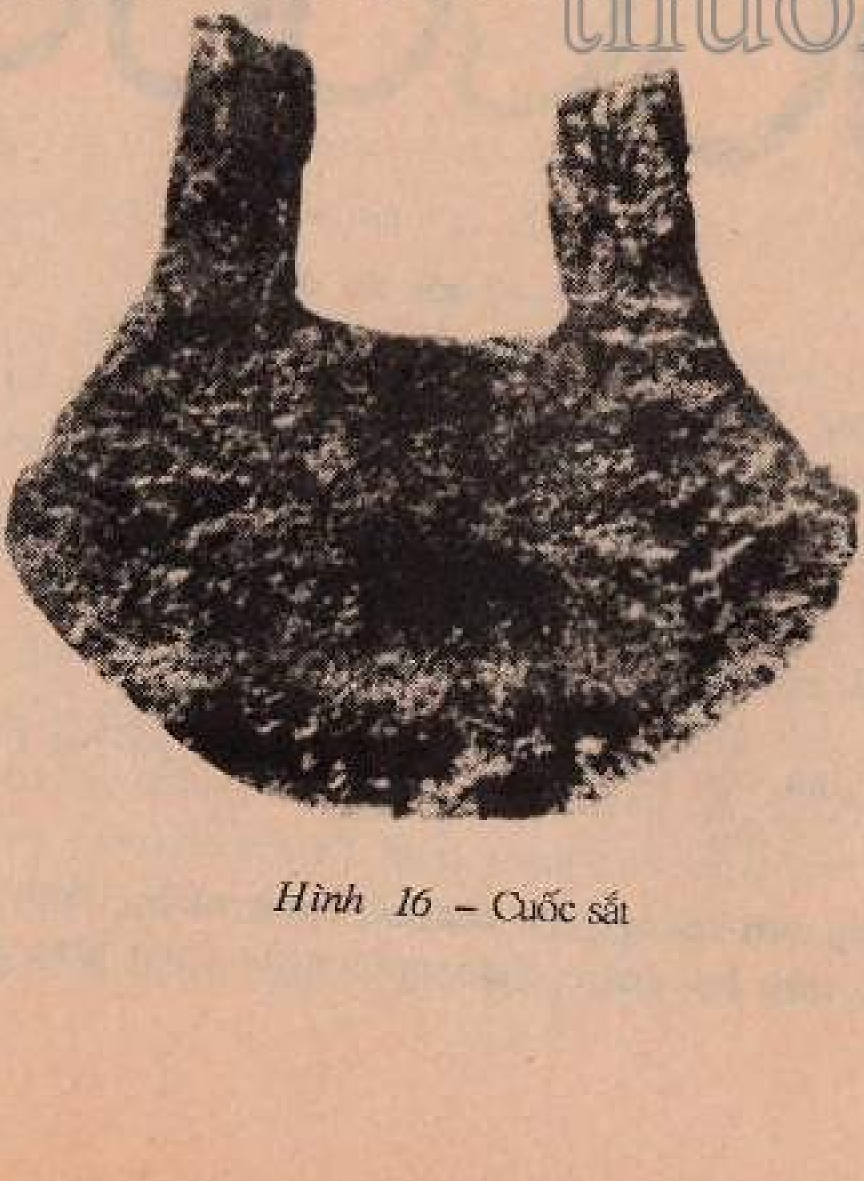

Hình 16 – Cuốc sắt

vật khác. Voi cũng đã được thuần dưỡng. Nghề đánh cá cũng phát triển cùng với kĩ thuật đóng thuyền.

? – Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp là gì ? Tại sao có sự biến đổi đó ?

3. Những biến đổi trong sản xuất thủ công. Trống đồng Đông Sơn

Bên cạnh nông nghiệp, các nghề thủ công nghiệp cũng phát triển mạnh mẽ.

Nghề chế tác đá sau khi đạt đến trình độ cao nhất thì dần dần nhường bước cho nghề luyện kim. Những thợ chế tác đá giỏi chuyển sang làm đồ trang sức bằng đá quý.

Nghề gốm phát triển theo hướng thực dụng, bớt loại hình, bớt hoa văn trang trí nhưng có độ cứng, bền, nhẵn hơn và thông dụng hơn.

uongxua.vn

Hình 17 – Mũi tên đồng

Nghề mộc và đan lát do có những công cụ bằng đồng nên biến đổi rõ rệt. Người ta biết vót tên, vót nan, làm cối chày, đẽo những giáo gỗ, mái chèo, làm quan tài gỗ, đóng thuyền, làm nhà...

Thợ dệt đã làm được những loại vải mịn, cung cấp sợi làm lưới đánh cá. Nghề sơn bắt đầu xuất hiện.

Trong các nghề thủ công thì quan trọng nhất là nghề luyện kim (đúc đồng và rèn sắt).

Bước phát triển đầu tiên của nghề luyện kim là đúc ra những công cụ sản xuất và vũ khí. Khi đồng được phát hiện ngày càng nhiều thì người ta dùng đồng thau để đúc trống, thạp, đúc các đồ dùng và đồ mĩ nghệ. Chúng ta đã tìm thấy nhiều khuôn đúc bằng đất, bằng đá và cả nồi nấu đồng. Di chỉ Đông Sơn (Thanh Hóa) là giai đoạn phát triển cao nhất của nghề đúc đồng và bước đầu của nghề rèn sắt.

Hiện vật bằng đồng tìm thấy có thể phân loại như sau :

Về công cụ sản xuất có cày, cuốc, thuổng, rìu, mai, đục, dũa, dao khắc, kim... Về vũ khí có rìu chiến, dao găm, kiếm ngắn, giáo, mũi lao, mũi tên, tấm che ngực, che cổ tay cổ chân...

Hình 18 – Muôi đồng

Về đồ dùng có thạp, thố, bình, ấm, lọ, chậu, muôi.

Về đồ trang sức có vòng tay, nhẫn, hoa tai, móc đai lưng.

Về nhạc cụ có trống, chuông, khèn, lục lạc.

Về tượng nghệ thuật có tượng người, tượng thú.

thuongmaitr

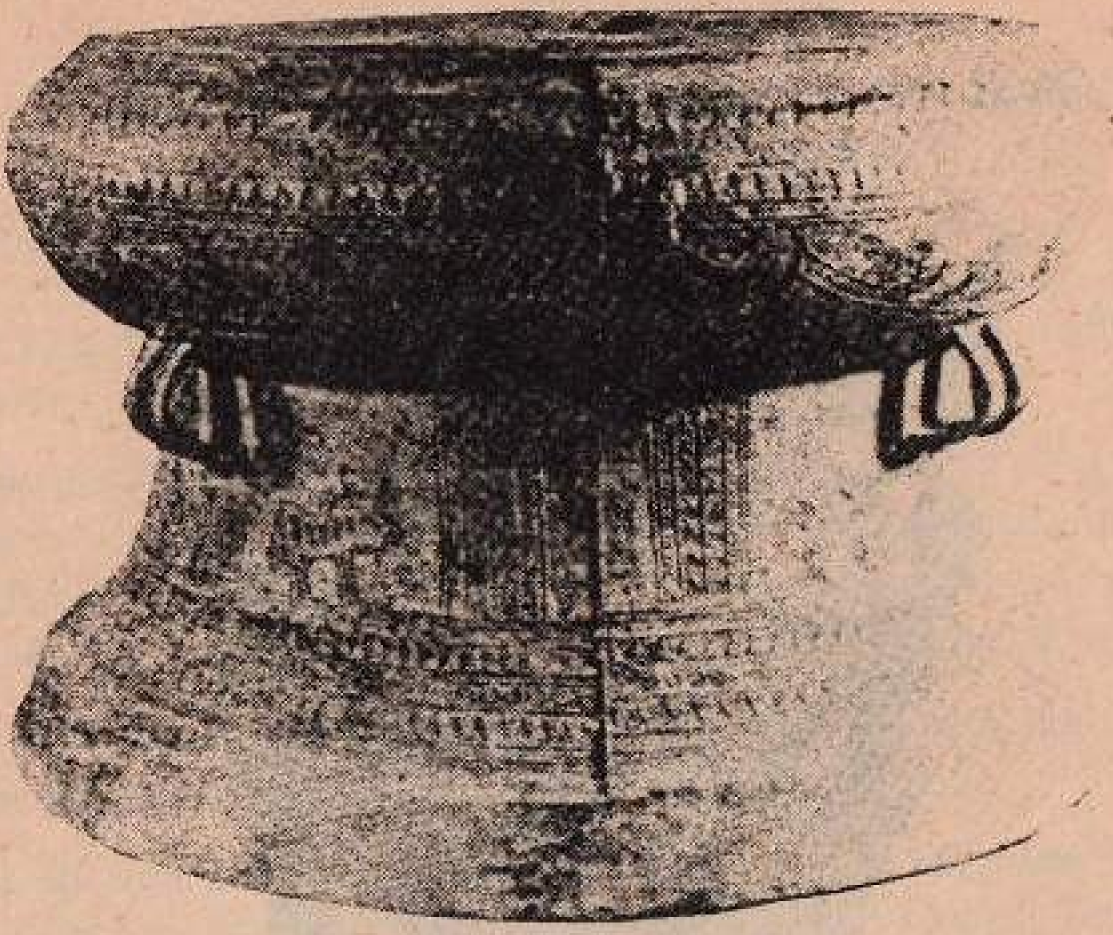

Hình 19 – Trống đồng

uongxua.vn

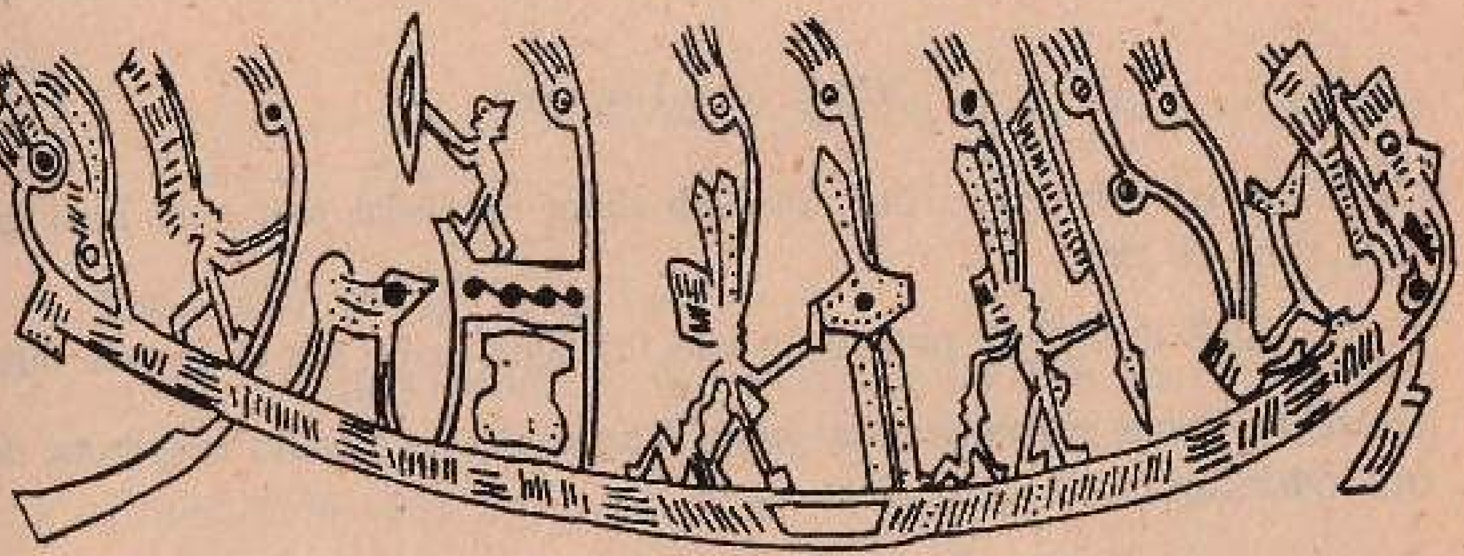

Hình 20 – Hoa văn trống đồng

Hiện vật tiêu biểu cho tài năng và kĩ thuật tuyệt vời của nghề đúc đồng là trống đồng. Nghiên cứu trống đồng Đông Sơn với những hoa

Hình 21 – Thạp đồng

văn trang trí trên mặt trống, ta hình dung ra nhiều mặt sinh hoạt của cuộc sống tổ tiên.

Khi nghề đúc đồng phát triển cao thì nghề luyện sắt cũng xuất hiện.

Huyền thoại về người anh hùng làng Dóng phản ánh về sự ra đời của nghề luyện sắt.

?

1. Những hiện vật bằng đồng tìm thấy có thể phân làm mấy loại ? Những loại gì ?
2. Vì sao trống đồng là vật tiêu biểu nhất ?
3. Em tập suy nghĩ xem việc làm thủy lợi, việc sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp liên quan với nhau như thế nào ?

Bài 8

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG XÃ HỘI

1. Biến đổi trong gia đình

Sản xuất phát triển dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong từng gia đình, trong từng làng bản và xã hội.

Trong gia đình, khi nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, lao động sản xuất ổn định thì vai trò của người đàn ông càng ngày càng quan trọng. Chế độ mẫu hệ bắt đầu chuyển dần sang *chế độ phụ hệ*. Những truyền thuyết về Sơn Tinh, Chử Đồng Tử, Trầu cau... đều phản ánh quan hệ hôn nhân vợ theo chồng.

Song cho đến khi chế độ phụ hệ đã được xác lập, tàn dư của chế độ mẫu hệ vẫn còn tồn tại lâu dài trên đất nước ta.

Dân số sinh sôi nảy nở, *số hộ gia đình cũng tăng lên*. Theo thống kê hộ khẩu vào đầu thời Bắc thuộc, ở quận Giao Chỉ có 746.237 người, 92.440 hộ (trung bình 8 người một hộ) ; quận Cửu Chân có 166.013 người, 35.743 hộ (trung bình 4 – 5 người một hộ).

Các hộ gia đình nhỏ này (thường bao gồm hai thế hệ : bố mẹ và con cái) trở thành những tế bào của xã hội và cũng là những đơn vị sản xuất kinh tế (chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa).

?

– Trong gia đình có những biến đổi gì ? Các em thử tìm hiểu nguyên nhân của những biến đổi đó.

2. Biến đổi trong làng bản

Cùng với quá trình ra đời và phát triển của gia đình nhỏ, công xã thị tộc (dựa trên cơ sở quan hệ họ hàng là chính) dần dần nhường chỗ cho *công xã nông thôn* (dựa trên cơ sở quan hệ láng giềng là chính).

Làng bản bao gồm một số gia đình làm riêng, ăn ở riêng. Các gia đình đó có quyền sử dụng ruộng đất để trồng trọt nhưng quyền sở hữu ruộng đất vẫn thuộc làng bản.

Đứng đầu các làng bản có già làng (bậc cao tuổi có uy tín nhất) quản lí mọi công việc trong làng bản và giao dịch với những làng bản khác.

Nhiều làng bản họp lại thành vùng (bộ lạc). Đứng đầu một vùng là thủ lĩnh. Tầng lớp thủ lĩnh này quản lí mương máng, kênh ngòi, đê đập hoặc là những người đóng góp nhiều vào việc phát triển ngành nghề thủ công, tổ chức buôn bán ngược xuôi.

Thủ lĩnh còn có nhiệm vụ cầm đầu bộ lạc chiến đấu chống lại sự xâm lấn của các bộ lạc khác, chủ trì các buổi lễ thờ cúng các vị thần linh.

?

– Dân trong các làng, vùng phân chia ra thành mấy loại người ?

– Sự phân chia đó ảnh hưởng ra sao đến xã hội ?

3. Biến đổi ngoài xã hội

Công cụ bằng kim loại phát triển và cách làm ăn riêng lẻ từng gia đình thời cổ góp phần đẩy mạnh năng suất lao động, tạo ra sản phẩm thừa, dẫn đến việc trao đổi buôn bán, nảy sinh kẻ giàu, người nghèo.

Đào những ngôi mộ, cách đây khoảng 3000 năm, người ta thấy có nhiều mộ không có hiện vật hoặc rất ít hiện vật chôn theo người chết. Trái lại, ở một số mộ, có hàng chục, hàng trăm hiện vật bằng đồng chôn theo. Thế giới người chết phản ánh thế giới người sống. Sự bình đẳng nguyên thủy đã bị lung lay. Trong xã hội bắt đầu hình thành các tầng lớp khác nhau.

Một số ít người có chức, có quyền từng bước chiếm sản phẩm thừa hoặc của cải chung làm của riêng. Họ trở thành tầng lớp *quý tộc*, sống sung sướng.

Một số ít người khác (tù binh và dân nghèo) chuyên phục dịch trong các gia đình quý tộc. Đó là tầng lớp *nô tì*.

Số người còn lại, chiếm phần lớn, là tầng lớp *dân tự do của công xã*, giữ vai trò lực lượng chủ yếu trong sản xuất. Của cải do họ làm ra cũng phải cung phụng một phần cho bọn quý tộc.

?

1. Tại sao em biết được trong xã hội bắt đầu có sự phân hóa thành kẻ giàu người nghèo ?
2. Ba tầng lớp trong xã hội là những tầng lớp nào ?
3. Em thử tìm hiểu xem những biến đổi trong gia đình, trong làng bản và ngoài xã hội ảnh hưởng lẫn nhau như thế nào ?

Bài 9

NHÀ NƯỚC VĂN LANG VÀ CÁC VUA HÙNG

1. Lí do ra đời Nhà nước

Trải qua hơn một nghìn năm tồn tại và phát triển, cư dân nguyên thủy có những biến đổi to lớn trong sản xuất và trong xã hội. Của cải làm ra ngày một nhiều, không những đủ ăn mà còn dư thừa, số dân đông hẳn lên và phân chia ra thành ba tầng lớp có cuộc sống sang hèn, giàu nghèo, sướng khổ khác nhau.

Lúc bấy giờ, theo truyền thuyết và sử cũ, ở lưu vực sông Hồng và sông Cả, sông Mã có 15 bộ lạc Lạc Việt sinh sống. Mỗi bộ lạc có thủ lĩnh cai trị.

Dân cày cấy ruộng công, nạp một số sản phẩm cho thủ lĩnh ; lao động không công trên những khu ruộng rộng lớn, màu mỡ cho quý tộc.

Thủ lĩnh và quý tộc giành quyền phân phối ruộng đất, quản lí kênh ngòi tưới nước, sử dụng tài sản chung, bóc lột của cải thừa và sức lao động của dân.

Mâu thuẫn giữa quý tộc và người dân đã nảy sinh nhưng chưa gay gắt.

15 bộ lạc Lạc Việt khi ấy đều sinh sống chủ yếu bằng nghề nông. Trị thủy và làm thủy lợi có ý nghĩa sống còn với người dân. Họ đều nhận thấy phải hợp sức nhau lại mới đủ khả năng đào những kênh ngòi dài, mới đắp nổi những đoạn đê, con đập lớn, mới điều hòa được nguồn nước cho sản xuất.

Mặt khác, 15 bộ lạc đó thường bị giặc chung quanh đến quấy phá, phải liên minh với nhau mới chống được nạn xâm lấn.

Chính do nhu cầu về thủy lợi, về quản lí xã hội cùng với nhu cầu liên kết chống xâm lấn đã dẫn đến việc ra đời Nhà nước đầu tiên ở nước ta.

?

– Vì sao có Nhà nước thì mới làm tốt được thủy lợi và tổ chức tốt được việc chống ngoại xâm ?

2. Nhà nước Văn Lang

Trong 15 bộ lạc nói trên, bộ lạc Văn Lang mạnh nhất, có địa bàn trải rộng ở hai bên bờ sông Hồng, từ chân núi Ba Vì đến chân núi Tam Đảo. Bộ lạc này có vị thủ lĩnh tài giỏi, đã đóng vai trò trung tâm tập hợp các bộ lạc khác và dần trở thành người cầm đầu cả 15 bộ lạc.

Người thủ lĩnh ấy xưng vua, sử cũ gọi là vua Hùng, cha truyền con nối nhiều đời.

Vua Hùng đặt tên nước là Văn Lang đóng đô ở Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ). Vua thường chủ trì các nghi lễ tôn giáo và chỉ huy quân sự. Giúp việc vua Hùng có các Lạc hầu.

Hình 22 – Lăng tưởng niệm vua Hùng (Phú Thọ)

thuongmaitr

Cả nước được chia ra 15 bộ (vốn là 15 bộ lạc cũ). Đứng đầu mỗi bộ (vùng) là Lạc tướng (cha truyền con nối).

Dưới bộ là các công xã nông thôn, đứng đầu là Bồ chính (Già làng) và có thể thêm Hội đồng công xã. Mỗi công xã có một ngôi nhà chung để làm nơi hội họp và sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng.

Quân đội thường trực và luật pháp chắc bấy giờ chưa có. Mỗi khi có chiến tranh mới huy động lực lượng vũ trang của các công xã. Việc thưởng phạt cũng tùy theo phong tục tập quán từng công xã, từng bộ mà áp dụng.

Nhà nước Văn Lang của các vua Hùng thuộc kiểu Nhà nước đơn giản, mới thành hình, nhưng đã góp phần quan trọng vào việc cố kết lòng người của toàn bộ cộng đồng công xã Lạc Việt để dựng nước và giữ nước.

?

1. Tổ chức của Nhà nước Văn Lang như thế nào ?
2. Qua truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh và Phù Đổng Thiên Vương, em thấy Nhà nước Văn Lang đã có những công lao to lớn gì ?

truongxua.vn

Bài 10

LỐI SỐNG VÀ Ý THỨC CỦA XÃ HỘI VĂN LANG

1. Đời sống vật chất

Người dân Văn Lang về cơ bản là nông dân trồng lúa, cư trú trong các làng bản.

Bữa ăn hàng ngày là cơm – rau – cá. Cái bát là vật thường dùng. Ngày lễ ngày hội thì giết trâu, bò, lợn, gà để cúng tế và ăn chung. Bánh chưng (tượng trưng cho mặt đất), bánh giầy (tượng trưng cho vòm trời) thuộc hai loại bánh rất độc đáo để thờ cúng trời đất, tổ tiên những ngày đầu năm. Ăn trầu, nhuộm răng là những tục lệ phổ biến.

Về mặc, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc váy các kiểu. Trời nóng cởi trần, ngày lạnh có thêm kiểu áo chui đầu (như mảnh chăn đơn khoét lỗ). Tóc thường cắt ngắn, bỏ xõa, búi tó hoặc tết đuôi sam thả sau lưng... Quanh năm đầu quấn khăn, chân đi đất. Trai gái đều đeo đồ trang sức bằng đá hiếm, bằng đồng. Người làm nghề chài lưới có tục xăm mình.

Từ miền ven biển trở vào nội địa, nhà ở là kiểu nhà sàn, mái cong hình thuyền hay mái tròn như mai rùa làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Cầu thang lên xuống đặt ở phía trước nhà hay đầu hồi. Người ở trên sàn, vật nuôi ở gầm sàn.

Làng bản thường quây tụ ở ven đồi, gần suối hoặc trên những dải đất cao ven sông. Phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền. Người Lạc Việt, do đó, giỏi bơi lội, thạo dùng thuyền. Voi cũng dùng để đi lại nhưng chỉ dành cho quý tộc.

? – Em hãy nói những đặc điểm cơ bản về đời sống vật chất của người Văn Lang là gì ?

thuongmaitr

2. Đời sống tinh thần

Cư dân Văn Lang rất ưa ca hát, nhảy múa. Họ hát múa lứa đôi trong những đêm trăng hoặc ngày hội. Họ còn hát trong lúc sản xuất, chèo thuyền, săn bắn. Những nhạc cụ hay được dùng là : trống đồng, khèn, sáo, bộ gõ, cồng...

Khiếu thẩm mĩ khá phát triển. Người dân thích trang trí, làm đẹp. Đồ trang sức tinh vi, phong phú. Đồ gốm nhiều kiểu dáng, nhiều hoa văn sáng tạo đạt đến mức như tác phẩm nghệ thuật. Trống đồng Đông Sơn là đỉnh cao của kĩ thuật đúc đồng và cũng là đỉnh cao của trình độ thẩm mĩ, nghệ thuật tạo hình Lạc Việt.

Đời sống tinh thần của xã hội Văn Lang được biểu hiện tập trung trong các ngày hội. Đó là những ngày náo nức, tấp nập, gái trai ăn mặc đẹp, vui chơi ca hát nhảy múa. Tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng khèn cùng hòa tấu rộn ràng. Ngoài ra còn cảnh đua thuyền trên sông nước, múa hóa trang, thi giã gạo, kể chuyện có diễn xuất, lễ hiến tế...

Mọi sinh hoạt nói trên đều gắn với điều cầu mong thiết thực của cuộc sống như : mong mưa thuận gió hòa, mong được mùa, mong sinh sản nhiều, mong yên ổn làm ăn.

Về tín ngưỡng thờ các thế lực thiên nhiên (thần đất, thần núi, thần sông) và các con vật thiêng (thần rồng, thần chim, thần hổ). Tiến lên một mức cao hơn, người xưa biết thờ cúng tổ tiên và những người anh hùng có công với làng bản.

?

– Em hãy nói những đặc điểm cơ bản về đời sống tinh thần của người Văn Lang là gì ?

3. Ý thức cộng đồng

Trải qua nhiều năm sống, lao động và chiến đấu, cư dân Lạc Việt nảy nở những tình cảm cộng đồng. Họ thấy cần thiết phải nương tựa vào nhau, thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau mới sống được.

Từ tình cảm cộng đồng dẫn đến ý thức cộng đồng. Họ bước đầu hiểu được mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người ; hiểu được nguồn gốc của bản thân, biết sự tích của những vị anh hùng ; biết những phong tục, tập quán cần bảo tồn. Mở rộng hơn, họ thấy rõ sức mạnh của cộng đồng trong việc làm thủy lợi, trao đổi sản phẩm và đấu tranh gìn giữ làng bản, đất nước. Từ đó họ có ý thức chung về lối sống, về dân tộc, về lãnh thổ.

Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta như : cần cù, giản dị, lạc quan, đoàn kết, kiên cường, bất khuất là bắt nguồn từ những tình cảm, những ý thức cộng đồng buổi ban đầu ấy.

?

1. Tại sao có tình cảm cộng đồng mới dẫn đến ý thức cộng đồng ?
2. Ý thức cộng đồng của cư dân Văn Lang là gì ?
3. Các em thử tìm hiểu mối quan hệ giữa ý thức cộng đồng với cuộc sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang ?

B – NƯỚC ÂU LẠC

Bài 11

NƯỚC ÂU LẠC RA ĐỜI

1. Âu Việt và Lạc Việt

Ngay từ khi mới thành lập, Văn Lang đã là một nước gồm nhiều tộc người (gọi chung là Việt cổ). Lạc Việt là bộ phận chủ yếu của cư dân Văn Lang. Người Lạc Việt sinh sống ở vùng trung du và đồng bằng sông Hồng. Miền núi phía bắc nước Văn Lang là nơi cư trú của người Âu Việt. Ở nhiều nơi, người Âu Việt và người Lạc Việt sống xen kẽ nhau. Âu và Lạc đều là người Việt.

Người Âu Việt đã đúc được công cụ sản xuất và vũ khí bằng đồng thau. Họ làm rẫy ở các đồi thoải, cấy lúa nước ở các ruộng trũng, chăn nuôi gia súc và đánh cá sông, suối. Đặc biệt, họ rất thạo về cung nỏ và săn bắn. Người Âu Việt mặc áo chui đầu, gài cúc bên trái như người Lạc Việt.

thuongmaitr

Người Lạc Việt có nhiều lúa gạo, đồ gốm, ngọc trai... Họ đem đổi cho người Âu Việt lấy đồng, thiếc, sừng tê, ngà voi... Âu Việt và Lạc Việt có quan hệ tình cảm gắn bó. Truyền thuyết Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ hay chuyện chàng Cá lấy nàng Hươu sao của người Mường đều nói lên mối quan hệ lâu đời giữa cư dân miền xuôi và miền núi nước ta.

?

– Trong cách làm ăn sinh sống, người Âu Việt có những điểm gì giống người Lạc Việt ? Có gì khác không ? Do đâu mà có sự giống nhau, khác nhau đó ?

2. Đánh tan quân Tần xâm lược

Vào cuối thế kỉ III tr.CN, Lạc Việt và Âu Việt đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Công cụ sản xuất bằng kim loại được cải tiến, diện tích trồng trọt mở rộng, dân đông thêm. Song, nguy cơ đe dọa xâm lấn từ phương Bắc cũng tăng lên.

Bấy giờ, ở Trung Quốc, nhà Tần vừa thành lập (năm 221 tr.CN). Thực hiện ý đồ bành trướng, năm 218 tr.CN, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem 50 vạn quân chia làm 5 mũi xâm lược đất Bách Việt ở phía nam. Quân Tần tràn đến đâu, lập thêm quận huyện mới đến đấy. Các quận huyện này tương ứng với các tỉnh Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Quý Châu của Trung Quốc ngày nay. Quân xâm lược tàn bạo ngày càng hung hăng tiến sâu vào đất của người Âu Việt, người Lạc Việt.

Trước nạn xâm lược của quân Tần, người Âu Việt và Lạc Việt đã tập hợp nhau lại để tự vệ. Quân Tần đông, tấn công ồ ạt. Không thể dàn quân, mặt đối mặt mà đánh địch, họ phải bảo nhau tính chuyện kháng cự lâu dài. Bỏ cửa, bỏ nhà, bỏ cả ruộng vườn, nương rẫy, họ kéo nhau vào rừng sâu, lên núi cao... Lương thực, vũ khí, gia súc... chuyển đi theo người. Già, trẻ, gái, trai cùng nhau lập mưu bàn kế, cử người tài giỏi làm tướng chỉ huy. Thục Phán, thủ lĩnh của người Âu Việt bấy giờ, là một người trẻ tuổi, rất gan dạ và thông minh. Ông được cử ra chỉ huy chiến đấu. Ban ngày, họ tìm nơi lẩn tránh, đêm đến mới bất thần xông ra đánh địch. Quân Tần đóng ở những làng xóm không người ở, không cướp được lương ăn, thường xuyên bị mai phục, đánh tỉa.

uongxua.vn

Sử sách Trung Quốc phải thú nhận tình cảnh quân Tần "... tiến không được, thoái không xong. Đàn ông quanh năm mặc áo giáp, đàn bà suốt ngày chuyển lương, khổ không sống nổi...".

Cuộc kháng chiến của người Việt chống quân Tần cứ thế tiếp diễn qua nhiều năm. Hàng vạn quân xâm lược bị tiêu diệt. Chủ tướng Đồ Thư phải bỏ mạng. Đến khi Tần Thủy Hoàng chết, nông dân Trung Quốc nổi lên khởi nghĩa ở khắp nơi, nhà Tần phải rút quân xâm lược (năm 208 tr.CN).

?

– Cuộc kháng chiến chống quân Tần xâm lược của người Lạc Việt và người Âu Việt đã diễn ra thắng lợi như thế nào ? Vì sao có thắng lợi đó ?

3. Thục Phán lập nước Âu Lạc

Đánh thắng quân Tần xong, Thục Phán đã hợp nhất hai tộc người Âu Việt và Lạc Việt, lập ra nước Âu Lạc. Ông lên làm vua, lấy hiệu là An Dương Vương (Thục An Dương Vương).

Lúc đầu An Dương Vương vẫn đóng đô ở Phong Châu (Bạch Hạc, Phú Thọ). Một thời gian sau, vua quyết định dời đô xuống Cổ Loa (miền đất cao của châu thổ sông Hồng thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội).

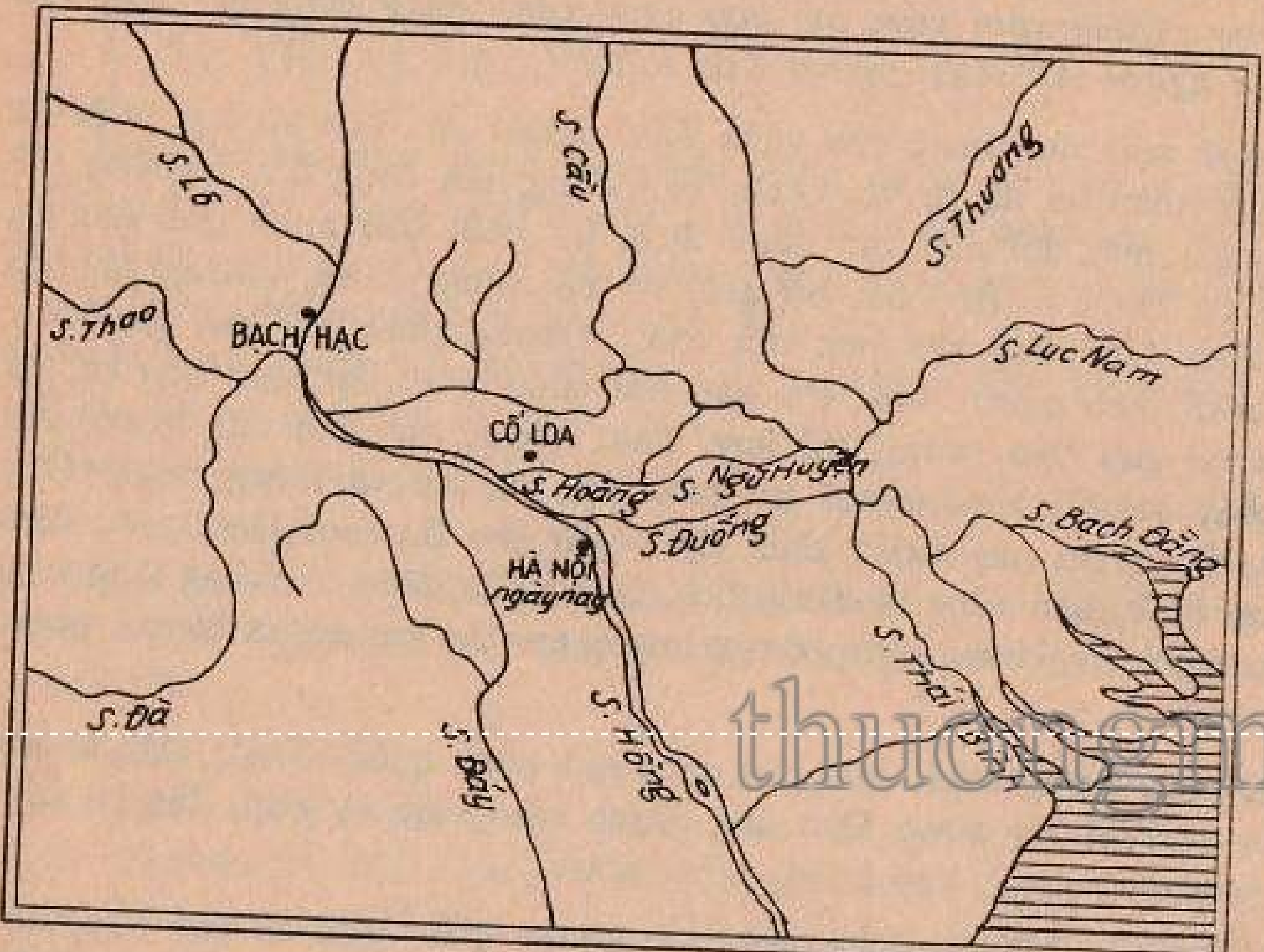

Hình 23 – Lược đồ Cổ Loa và đồng bằng sông Hồng thế kỉ III tr. CN

Đất Cổ Loa cao ráo, quang đãng, dân cư đông đúc. Dòng sông Hoàng vốn là một nhánh của sông Hồng, uốn lượn bao quanh phía nam Cổ Loa rồi thông sang sông Cầu. Từ sông Hoàng qua sông Hồng có thể ngược lên mạn bắc, sang sông Cầu có thể xuôi ra Biển Đông.

?

– Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào ?

- Hãy quan sát lược đồ và suy nghĩ xem Cổ Loa có ưu thế như thế nào so với Phong Châu ?

Bài 12

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NƯỚC ÂU LẠC

1. Những tiến bộ trong sản xuất

Trong quá trình rèn đúc công cụ, vũ khí kim loại, nhân dân Âu Lạc dần dần nắm được kĩ thuật rèn đúc sắt. Bên những lưỡi cày đồng được sử dụng rộng rãi, có thêm những lưỡi cuốc, lưỡi mai bằng sắt. Họ cũng đã biết dùng trâu bò để kéo cày, khiến việc làm đất trồng trọt đỡ vất vả, lại nhanh hơn, kĩ hơn. Do đó lúa gạo, khoai, đậu... sản xuất ra được nhiều hơn. Chăn nuôi nhờ thế cũng phát triển mạnh. Đàn gia súc trâu, bò, lợn, gà, chó... tăng lên nhanh chóng. Cây ăn

Hình 24
Mũi tên đồng Cổ Loa

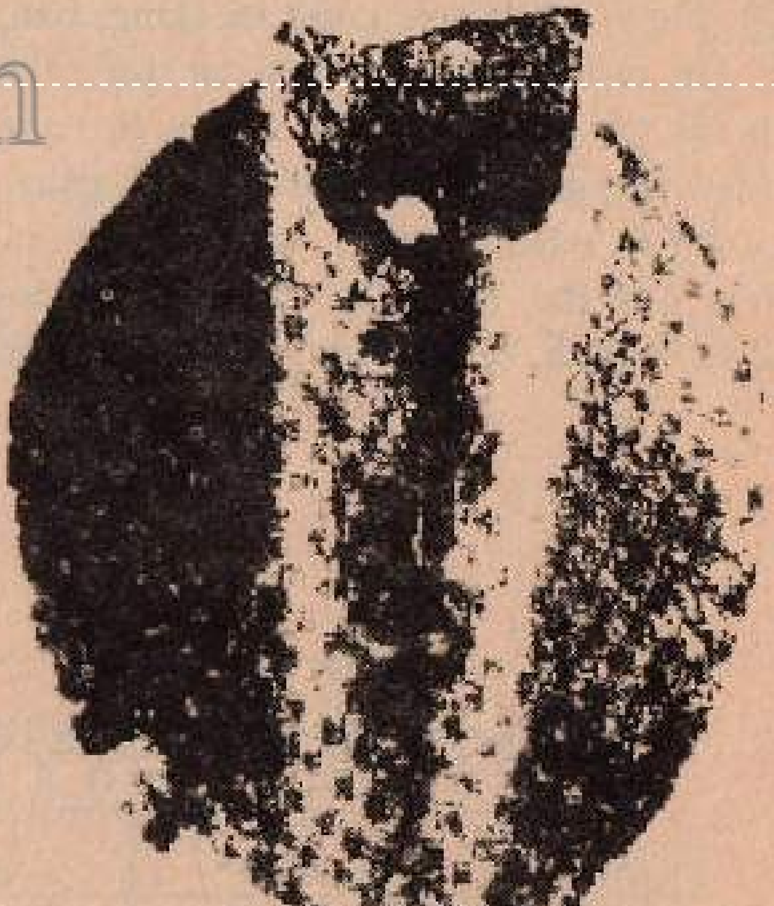

Hình 25 – Lưỡi cày đồng Cổ Loa

uongxua.vn

quả các loại như chuối, cam, vải, nhãn, na, dừa... được trồng nhiều hơn trong các vườn quanh nhà. Nhà nào cũng trồng cau và trầu không.

Thủ công nghiệp cũng có những bước tiến mới trong việc làm đồ gốm, khai quặng mỏ và luyện kim. Những người làm nghề gốm đã làm ra nhiều đồ dùng các loại như vò, nồi, bình, bát... thông dụng trong cuộc sống hàng ngày. Gốm có thứ mịn, thứ thô nhưng nhìn chung có độ nung cao hơn, bền hơn. Người ta còn nung gạch ngói để dùng trong việc xây dựng. Người Âu Lạc đã đúc nhiều thứ đồ dùng trong nhà và đồ trang sức bằng đồng thau. Đồ minh khí để chôn theo người chết cũng được đúc bằng đồng.

?

– Hãy nêu những tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp của nhân dân Âu Lạc ?

2. Bộ máy nhà nước và xã hội Âu Lạc

Nước Âu Lạc thời An Dương Vương cũng được chia thành các bộ (vùng). Dưới bộ là các công xã (làng, bản). An Dương Vương là người đứng đầu nước Âu Lạc. Vua là chủ cả nước, chỉ huy quân đội và có quyền cắt cử các quan. *Lạc tướng* là người đứng đầu cai quản một bộ. *Bồ chính* là người đứng đầu chỉ huy công xã. Tuy không chiếm số đông nhưng họ là những người có uy quyền và giàu có. Họ cùng với vua là giai cấp quý tộc, thống trị và bóc lột đông đảo thành viên các công xã và nô tì. Thành viên công xã là những người sản xuất chủ yếu của xã

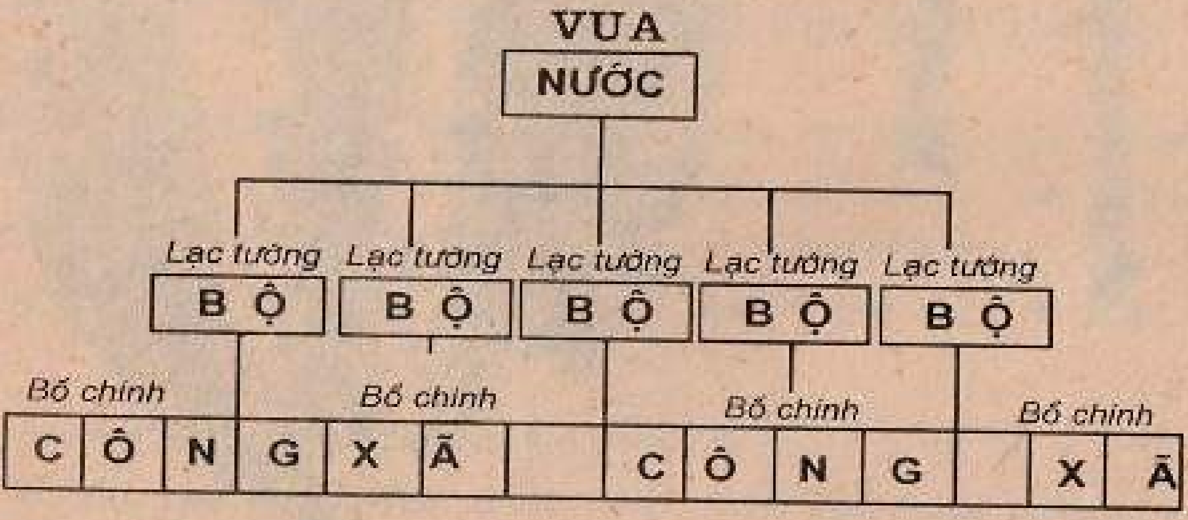

Hình 26 – Sơ đồ 1 : Bộ máy nhà nước Âu Lạc

hội. Họ phải nộp một phần lúa thu hoạch hoặc sản phẩm làm ra cho vua và quý tộc. Họ phải đi xây dựng các công trình công cộng (đê, đập...), đi lính, đi phu phục dịch. Nô tì hoàn toàn bị lệ thuộc vào chủ, có thể bị bán hoặc đổi chác. Trong xã hội Âu Lạc, số nô tì có thể nhiều hơn thời trước song vẫn chỉ là số ít so với nông dân và thợ thủ công.

Xã hội Âu Lạc về căn bản giống xã hội Văn Lang, nhưng sự phân biệt giàu nghèo và địa vị sang hèn rõ nét hơn. Tuy vậy, tinh thần đoàn kết tương trợ trong các làng xã vẫn đậm đà, mạnh mẽ.

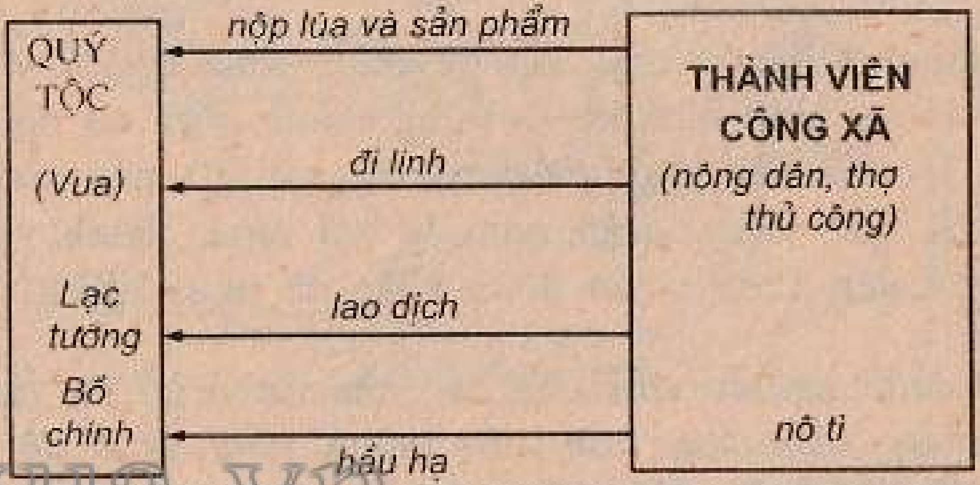

uongxua.vn

Hình 27 – Sơ đồ 2 : Các quan hệ trong xã hội Âu Lạc

? – Hãy giải thích các sơ đồ.

Bài 13

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NƯỚC ÂU LẠC

(tiếp theo)

3. Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng

Để bảo vệ kinh đô mới của nước Âu Lạc, An Dương Vương cho xây dựng ở đây một tòa thành lớn, bằng đất, rất độc đáo.

Lệnh vua ban ra, dân Cổ Loa phải bồng bế nhau đi ở nơi khác để vua lấy đất xây thành. Hàng nghìn thợ khéo từ mọi vùng đất nước được điều về Cổ Loa. Hàng vạn người dân phải thay nhau đi phu phục dịch. Công trường Cổ Loa tấp nập ngày đêm. Thành đắp ngày một cao ; hào rộng, sâu. Nhưng mùa mưa tới, lũ lụt xói mòn, thành lại sụt lở, qua nhiều lần thất bại, người ta phải lấy đá tảng kè chân thành ở những chỗ vực sâu nước xoáy, lấy mảnh gốm vỡ rải giữa các lớp đất đắp thành, thành mới vững. Sử cũ chép :"Thành rộng hơn nghìn trượng (1) như hình trôn ốc". Truyền thuyết kể rằng dân Âu Lạc đắp thành 18 năm ròng, cứ đắp rồi lại lở, sau nhờ có thần Rùa vàng (Kim Quy) giúp, vua mới xây xong.

Di tích thành Cổ Loa nay còn ba vòng, tổng cộng dài hơn 16 km. Vòng thành trong hình chữ nhật. Vòng thành giữa và ngoài, đắp men bờ các đầm ao, nối liền những đồi gò cao sẵn có, nên mang hình cong tự nhiên. Trải qua những trận mưa lũ xói mòn, thành vẫn còn nhiều đoạn cao từ 8 đến 12m, nhiều đoạn khác đã bị san bằng.

Theo kết luận nghiên cứu của các nhà khảo cổ thì thành Cổ Loa có độ cao trung bình 5m, mặt trên thành rộng từ 6 đến 12m, chân thành rộng đến 20 hoặc 30m. Phía ngoài thành đắp thẳng đứng, phía trong đắp dốc thoai thoải. Trên các vòng thành, từng quãng một, lại đắp thêm một ụ đất cao và nhô ra làm đồn canh. Riêng vòng thành trong có đến 18 ụ như thế. Bên ngoài mỗi vòng thành đều có hào sâu bao quanh. Các vòng hào nối với nhau, thông với sông Hoàng, đầm Cả

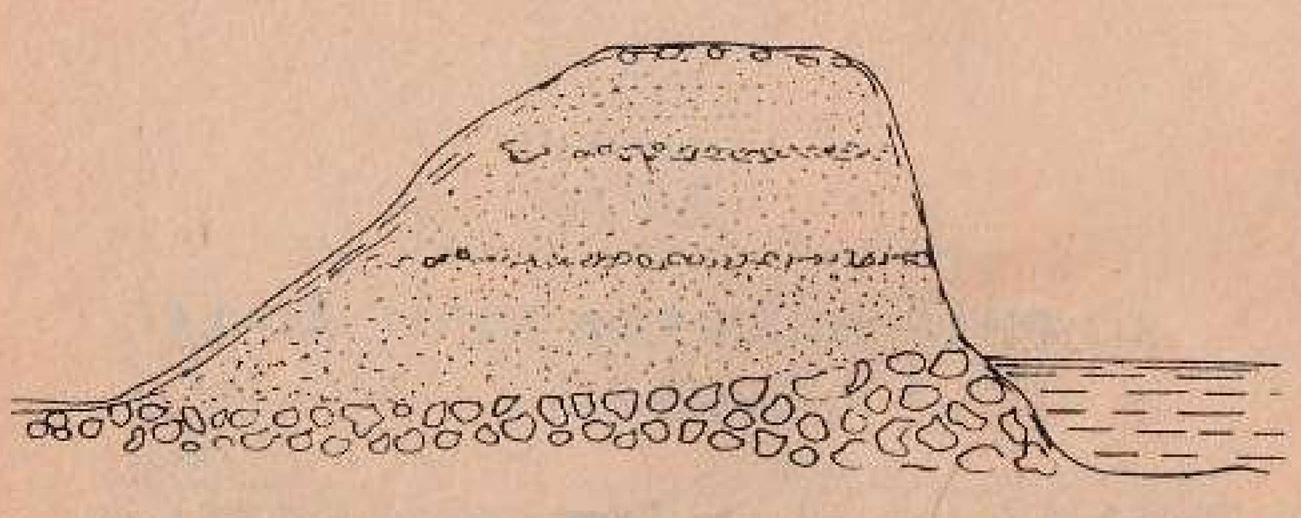

Hình 28 – Hình vẽ : Cắt ngang một đoạn tường thành Cổ Loa

(1) Trượng là đơn vị đo chiều dài thời xưa. Mỗi trượng bằng khoảng 4m.

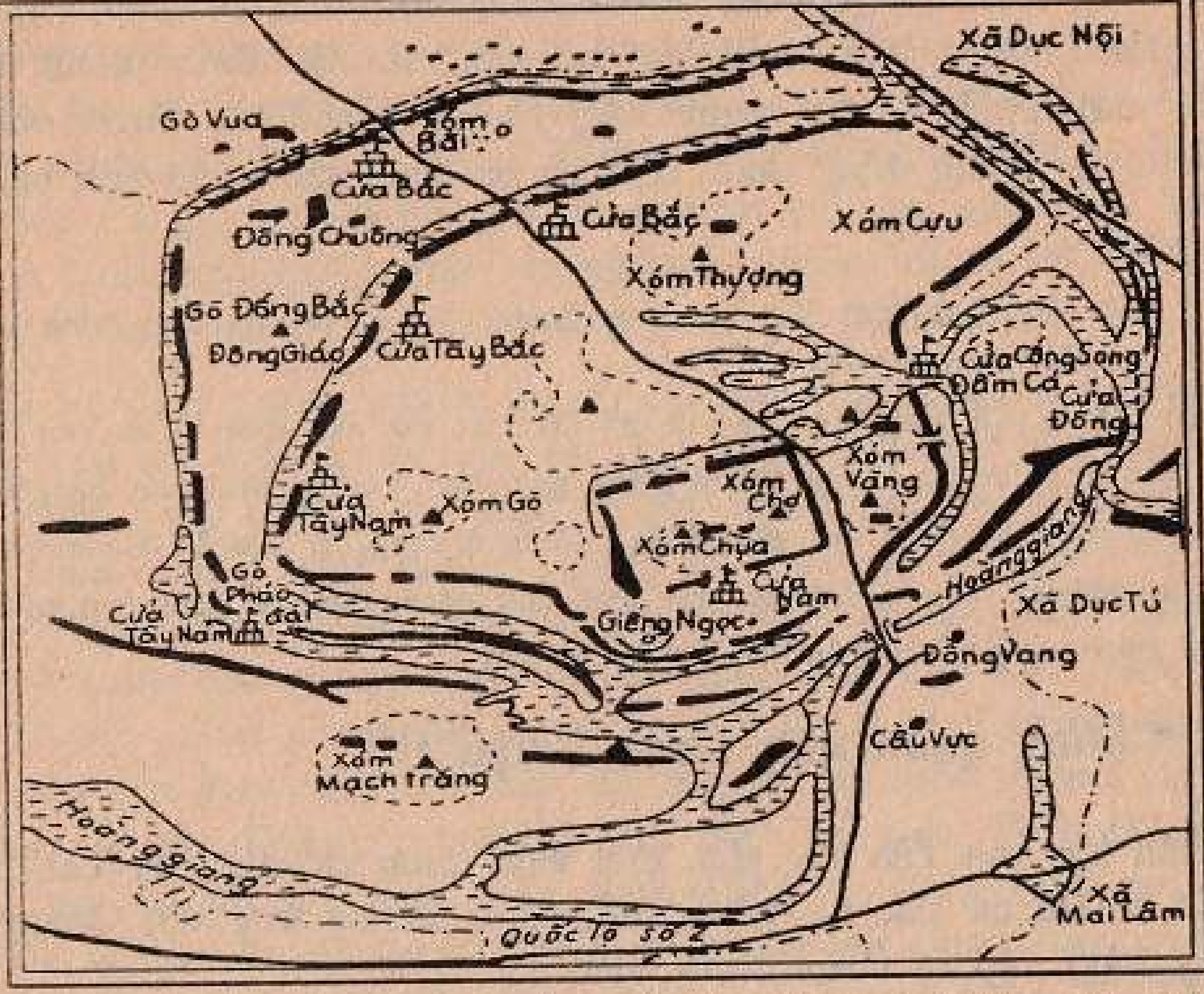

Lũy thành ▬ Sông Đầm lầy ao hồ ⊖ Cống nước)(Cổng thành
Mộ cổ Di chỉ • Gò ▬ Hiện vật phát hiện lẻ tẻ ▲

truongxua.vn

Hình 29 – Sơ đồ khu di chỉ Cổ Loa

(nơi hàng trăm thuyền bè có thể đậu được). Đường đi lối lại trong thành quanh co khuất khúc. Doanh trại quân đội đóng ở bên ngoài vòng thành giữa, khu vực giữa thành trong và thành giữa là nơi ở của các quan. Vòng thành trong bao bọc nơi vua và hoàng gia ở. Cung cấm xây trên gò đất cao nhất. Bên trái cung cấm là điện Ngự triều (nay dựng đình Cổ Loa).

• – Hãy quan sát sơ đồ khu di chỉ Cổ Loa và suy nghĩ xem nhân dân Âu Lạc đã vượt qua những khó khăn như thế nào trong việc xây thành Cổ Loa ? Ngoài những khó khăn do điều kiện tự nhiên có thể còn có khó khăn nào khác nữa không ?

Với hàng triệu mét khối đất đá, với kiểu cách xây dựng độc đáo, thành Cổ Loa là một công trình sáng tạo to lớn của nhân dân Âu Lạc.

Ngoài thành Cổ Loa kiên cố, nước Âu Lạc còn có một đội quân lớn gồm hàng vạn người với hai binh chủng : quân thủy và quân bộ.

Quân lính được trang bị các vũ khí bằng đồng như rìu chiến, giáo, mác, dao găm... Đặc biệt có một loại nỏ bắn một lần được nhiều mũi tên. Ngoài mũi tên bằng tre, người Âu Lạc còn chế tạo được nhiều hình loại mũi tên bằng đồng thau, đầu có ba cạnh sắc (xem ảnh bài 12).

?

– Những chi tiết nào chứng tỏ thành Cổ Loa là một công trình phòng ngự kiên cố của nước Âu Lạc ?

Bài tập – Khi khai quật khu di chỉ Cổ Loa, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều mảnh gốm trong đó có những khuôn giếng, gạch ngói và ống dẫn nước bằng sành, cùng với những lưỡi cày đồng, rìu, giáo đồng... Cũng ở vùng Cổ Loa đã đào được một kho hàng vạn mũi tên đồng với nhiều hình loại khác nhau. Hãy suy nghĩ xem những di vật trên đã giúp ta hiểu biết thêm gì về thời Âu Lạc ?

4. Chống quân xâm lược Triệu Đà

Nhân lúc nhà Tần suy yếu, một viên quan cũ của nhà Tần là Triệu Đà đã chiếm cứ đất ba quận phía nam (tương ứng với Quảng Đông, Quảng Tây), lập ra nước Nam Việt.

thuongmaitr

Hình 30 – Lược đồ : Nam Việt và Âu Lạc thế kỉ III tr. CN

Sau khi lập nước Nam Việt, Triệu Đà nhiều lần đem quân xâm lược, hòng thôn tính Âu Lạc. Quân dân Âu Lạc, với vũ khí tốt và thành Cổ Loa kiên cố, dưới sự chỉ huy của những tướng tài như Cao Lỗ, Nồi Hầu, đã nhiều lần đánh bại quân Triệu. Thấy không thể thắng được Âu Lạc, Triệu Đà giả vờ xin hòa rồi dùng mưu mô quỷ quyệt kết hợp với tấn công quân sự. An Dương Vương thiếu phòng bị đã thất bại nhanh chóng. Sự việc đó xảy ra vào khoảng năm 179 tr.CN.

Theo sử cũ và theo truyền thuyết thì một mặt Triệu Đà giảng hòa và dùng của cải mua chuộc quý tộc Âu Lạc, mặt khác cho con trai là Trọng Thủy sang làm rể Âu Lạc. Nhiều người đã can ngăn vua đừng gả Mị Châu cho Trọng Thủy. Tướng Cao Lỗ đã nói với vua : "Nó mượn cớ cầu hòa và cầu hôn để cướp nước ta đó thôi". Song An Dương Vương không nghe, lại còn bạc đãi, đuổi Cao Lỗ. Trọng Thủy vừa ở rể vừa dò la phép chế nỏ của người Âu Lạc cùng với sự bố trí phòng ngự của thành Cổ Loa. Sau đó, thác cớ về nước thăm cha, Trọng Thủy đã nói cho Triệu Đà biết hết tình hình Âu Lạc. Triệu Đà lập tức cho chế nỏ, rồi bất ngờ đem quân đánh thẳng vào thành Cổ Loa. Không giữ được thành, An Dương Vương cùng con gái (Mị Châu) phi ngựa chạy về phía nam. Đến bờ biển, cùng đường vua chém Mị Châu và nhảy xuống biển (Chuyện Rùa Vàng).

uongxua.vn

Đến năm 111 tr.CN, nhà Hán lên thay nhà Tần đã thôn tính cả Nam Việt, Âu Lạc từ tay nhà Triệu lại lọt vào tay nhà Hán.

? – Triệu Đà âm mưu xâm chiếm Âu Lạc như thế nào ? Vì sao An Dương Vương đã thất bại nhanh chóng ? Thất bại này cho ta bài học gì ?

Bài 14

SƠ KẾT CHƯƠNG I VÀ II

1. Hãy xem kĩ hình vẽ hai băng ghi thời gian dưới đây và giải thích :

a) – Cách ghi thời gian trên băng số 1

– Cách ghi thời gian trên băng số 2

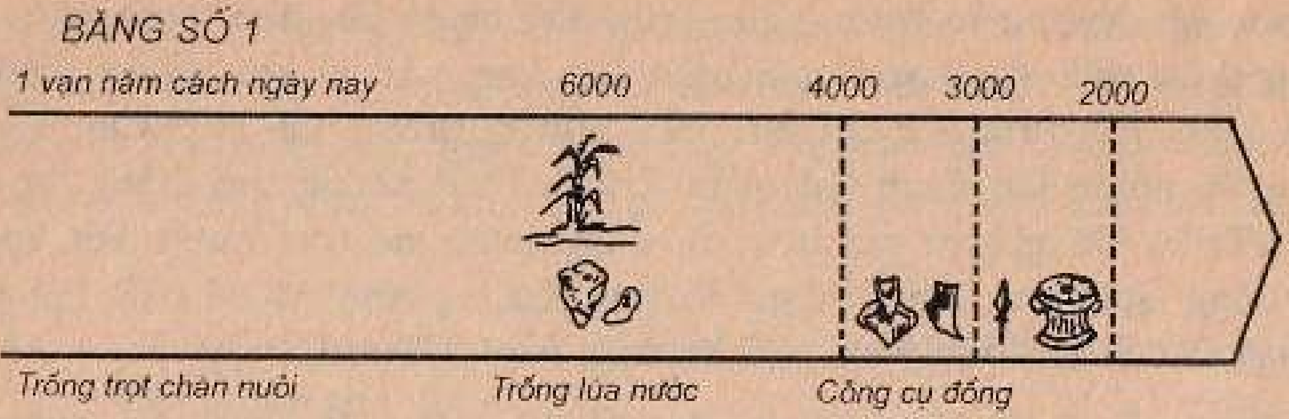

Hình 31 – Băng ghi thời gian số 1

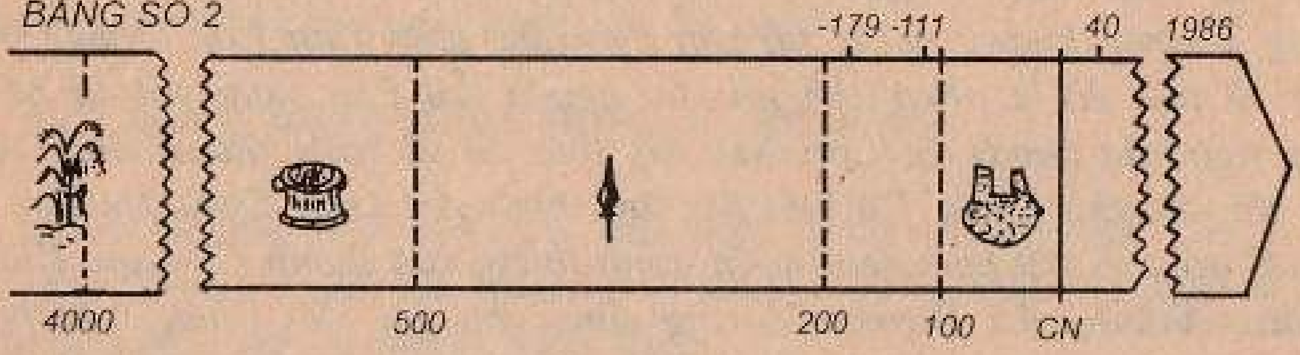

Hình 32 – Băng ghi thời gian số 2

b) – Những hình vẽ trên băng số 1 nói lên điều gì ?

– Những sự kiện gì đã xảy ra vào những năm ghi ở phía trên băng số 2 ?

2. Từ khi nước Âu Lạc bị Triệu Đà xâm chiếm đến khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) cách nhau bao nhiêu năm ?

a) Hãy nói cách tính của em.

b) Hãy ghi các sự kiện đó trên một băng thời gian mà em tự xây dựng.

Cách đây khoảng 4.000 năm, nhờ phát hiện ra kim loại rồi biết rèn đúc kim loại (đồng rồi sắt), tổ tiên chúng ta đã từng bước khai phá được các miền trung du và đồng bằng rộng lớn, phát triển nghề nông trồng lúa nước, làm thay đổi cả bộ mặt tự nhiên của đất nước ta thời bấy giờ. Sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất đã dẫn tới sự phân hóa rõ hơn trong xã hội và sự ra đời của nước Văn Lang với các vua Hùng ở nửa đầu thiên niên kỉ I tr.CN. Kế tiếp, nước Âu

thuongmaitr

Lạc ra đời và phát triển. Nhân dân ta thời các vua Hùng, vua Thục đã xây dựng được một nếp sống với những phong tục tập quán riêng : tục nhuộm răng, ăn trầu, tục giã bánh giầy, gói bánh chưng, tục thờ cúng tổ tiên...

Nhân dân Văn Lang và Âu Lạc cần cù lao động sản xuất, đã sáng tạo ra những công trình văn hóa kĩ thuật độc đáo : Trống đồng Đông Sơn với hình dáng cân đối, hài hòa, hoa văn phong phú, kĩ thuật tinh xảo nổi tiếng khắp Đông Nam Á một thời ; thành Cổ Loa với những vòng thành và hào liên tiếp là một thành tựu to lớn về khoa học kĩ thuật quân sự của ông cha ta thuở ấy.

Xã hội nước ta thời các vua Hùng, vua Thục là xã hội đã có sự phân hóa giai cấp đầu tiên. Vua và các lạc hầu, lạc tướng, bồ chính là giai cấp quý tộc thống trị, bóc lột. Đông đảo thành viên các công xã (nông dân, thợ thủ công) và nô tì là những người bị thống trị, bị bóc lột.

Thời các vua Hùng, vua Thục cũng đã ghi lại những chiến công đầu tiên rất vẻ vang của nhân dân ta trong sự nghiệp chống ngoại xâm. Từ giặc "mũi đỏ", "giặc Ân" đến đạo quân xâm lược hàng chục vạn tên của bạo chúa Tần Thủy Hoàng đều bị đánh tan. Nhân dân Âu Lạc cũng nhiều lần đánh đuổi được quân xâm lược nhà Triệu. Nhưng sau, vì An Dương Vương mất cảnh giác lại không được lòng dân nên nỗi "cơ đồ đắm biển sâu". Âu Lạc bị rơi vào ách đô hộ của nhà Triệu, rồi nhà Hán. Từ đó bắt đầu một thời kì đen tối nhất trong lịch sử nước ta : thời kì bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ mà sử cũ quen gọi là thời Bắc thuộc. Song nhân dân ta không chịu khuất phục. Những cuộc đấu tranh giành độc lập không ngừng nổ ra, mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Chương III

HƠN MỘT NGÀN NĂM ĐẤU TRANH GIÀNH LẠI NƯỚC

Bài 15

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG
(năm 40)

1. Đất nước ta dưới ách đô hộ của nhà Hán

Từ khi mất độc lập, đất đai Âu Lạc bị sáp nhập vào đất Trung Quốc và chia thành quận, huyện.

Nhà Triệu chia Âu Lạc làm 2 quận : Giao Chỉ (Bắc Bộ) và Cửu Chân (Thanh, Nghệ, Tĩnh). Nhà Hán đặt thêm quận Nhật Nam (từ đèo Ngang vào đến Quảng Nam). Nhà Hán lại còn nhập 3 quận này với 6 quận khác ở đảo Hải Nam và đất liền Trung Quốc lập thành châu Giao.

Đứng đầu châu Giao là một thứ sử. Mỗi quận có một thái thú coi việc cai trị và một đô úy coi việc quân sự. Ở các huyện (tương đương với bộ thời An Dương Vương) nhà Hán vẫn cho lạc tướng trị dân như cũ.

Dân ta phải nộp cống cho chính quyền đô hộ những của quý, vật lạ như đồi mồi, ngọc trai, sừng tê, ngà voi, lông chim trả ... Lại còn phải nộp rượu, gạo, trâu bò để nuôi bọn quan quân đô hộ. Ngoài ra còn phải nộp các thứ thuế như thuế muối, thuế sắt.

Quan lại nhà Hán còn đua nhau cướp đất, cướp dân của các làng xã để lập ấp trại riêng. Chúng còn đưa một số đông dân Hán đến ở lẫn với dân ta, bắt dân ta theo phong tục Hán, từ cách ăn mặc đến

việc cưới hỏi, ma chay. *Thôn tính* đất đai gắn liền với *đồng hóa* về văn hóa là âm mưu của bọn phong kiến Trung Quốc.

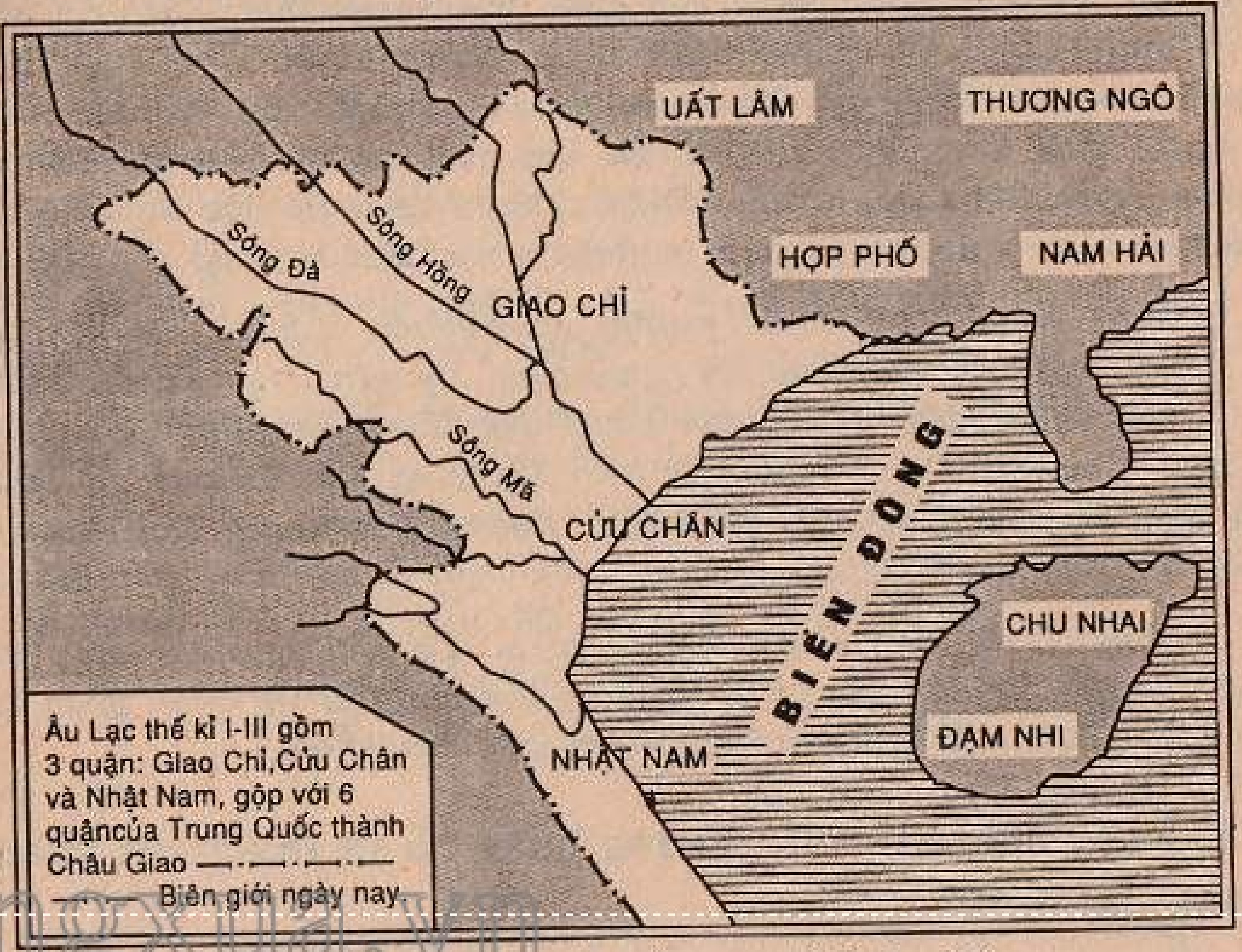

uongxua.vn

Hình 33 – Lược đồ : Âu Lạc thế kỉ I – III

Từ đầu thế kỉ I, tình hình Trung Quốc rối loạn, bọn quan lại đô hộ ở châu Giao càng ra sức áp bức, bóc lột nhân dân ta. Thái thú Tô Định ở Giao Chỉ nổi tiếng tham lam tàn bạo "thấy tiền thì giương mắt lên". Y thu thuế rất gắt gao, ráo riết bắt dân ta nộp cống và thẳng tay đè nén, "trói buộc" các lạc tướng và con cháu họ.

?

– Hãy phân tích những biện pháp đô hộ của nhà Hán (nhằm mục đích gì cụ thể ? Tác động như thế nào đến đời sống của nhân dân ta ?).

• Hãy suy nghĩ xem vì sao nhân dân và quý tộc nước ta đều oán hận chính quyền đô hộ ?

2. Hai Bà Trưng chuẩn bị nổi dậy

Bấy giờ ở huyện Mê Linh (vùng đất từ Ba Vì đến Tam Đảo, nay thuộc Hà Tây, Vĩnh Phúc) có hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái nhà lạc tướng thuộc dòng dõi Hùng Vương. Sinh ra và lớn lên trong

cảnh nước mất nhà tan,[1] hai chị em sớm có lòng căm thù quân xâm lược. Bà Trưng Trắc là người "can đảm, dũng lược" khác thường. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, con trai lạc tướng huyện Chu Diên (vùng Đan Phượng – Hà Tây và Từ Liêm ngoại thành Hà Nội). Thi Sách cũng là người giàu lòng yêu nước, có chí khí quật cường. Hai gia đình lạc tướng huyện Mê Linh và Chu Diên cùng nhau mưu việc lớn. Họ còn liên kết được với các thủ lĩnh ở nhiều nơi chuẩn bị cùng nổi dậy.

Ở vùng Kinh Môn (Hải Dương) có Nguyễn Huyến cùng con gái là Thánh Thiên đã lập được đội nghĩa binh. Nguyễn Huyến chết, Thánh Thiên liên hệ với cậu ruột ở mạn Yên Dũng (Bắc Giang) nổi dậy chiếm cứ một vùng. Từ Đông Triều, bà Lê Chân cùng dân đi khai phá miền ven biển lập nên căn cứ An Biên (Hải Phòng) với những dân binh vừa sản xuất vừa luyện tập võ nghệ.

Ở vùng Thiên Bản (Nam Định) có bà Lê Thị Hoa đã cùng dân làng nổi dậy. Bị đàn áp, bà Hoa cùng bốn con trai và nghĩa quân kéo vào Cửu Chân, lập căn cứ mới ở ven biển Nga Sơn.

3. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ và thắng lợi nhanh chóng (năm 40)

thuongmaitr

Giữa lúc Hai Bà Trưng đang tích cực chuẩn bị nổi dậy, thì thái thú Tô Định lừa bắt và giết hại Thi Sách. Việc làm tàn bạo đó của Tô Định không uy hiếp được Trưng Trắc mà càng như đổ thêm dầu vào lửa. Bà cùng em gái quyết tâm đứng lên đền nợ nước, trả thù nhà.

Trong nhân dân ta đến nay còn lưu truyền "Lời thề Trưng Trắc", những câu ca ngợi lòng yêu nước thương chồng của bà :

"Một xin rửa sạch nước thù,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kẻo oan ức lòng chồng.
Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này !".

(Thiên Nam ngữ lục)[2]

Có thể nói đây chính là những mục tiêu của cuộc khởi nghĩa.

---

(1) Theo truyền thuyết thì Hai Bà Trưng mồ côi cha từ nhỏ, được mẹ là bà Man Thiện nuôi dậy.

(2) *Thiên Nam ngữ lục* là áng sử ca dân gian thế kỉ XVII.

Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), trên cửa Hát (Hát Môn – Hà Tây), Hai Bà Trưng phất cờ nổi dậy. Nghĩa quân nhanh chóng đánh phá được cơ quan chỉ huy quân sự của nhà Hán và làm chủ Mê Linh.

Theo truyền thuyết thì lão tướng Nguyễn Tam Trinh ở Mai Động (Hà Nội), lúc ấy đã 62 tuổi dẫn đầu 5000 nghĩa binh, nàng Quốc ở Hoàng Xá (Kiêu Kị – Gia Lâm, Hà Nội) đem hơn 2000 tráng sĩ, ông Cai (Thanh Oai – Hà Tây) mặc giả gái với đội nữ binh hơn 3000 người, bà Vinh Huy (Cổ Châu – Bắc Ninh) mặc giả trai với hơn 1000 tráng đinh... đều kéo đến Hát Môn.

Bà Lê Chân từ Hải Phòng, bà Thánh Thiên từ Bắc Giang, bà Lê Thị Hoa từ Thanh Hóa ... cũng kéo quân tới.

Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến xuống đánh chiếm Cổ Loa, rồi từ Cổ Loa tấn công Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh), trụ sở chính của bọn đô hộ. Quân Hai Bà đi đến đâu như gió lướt đến đấy :

Ngàn tây nổi áng phong trần,
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

uongxua.vn

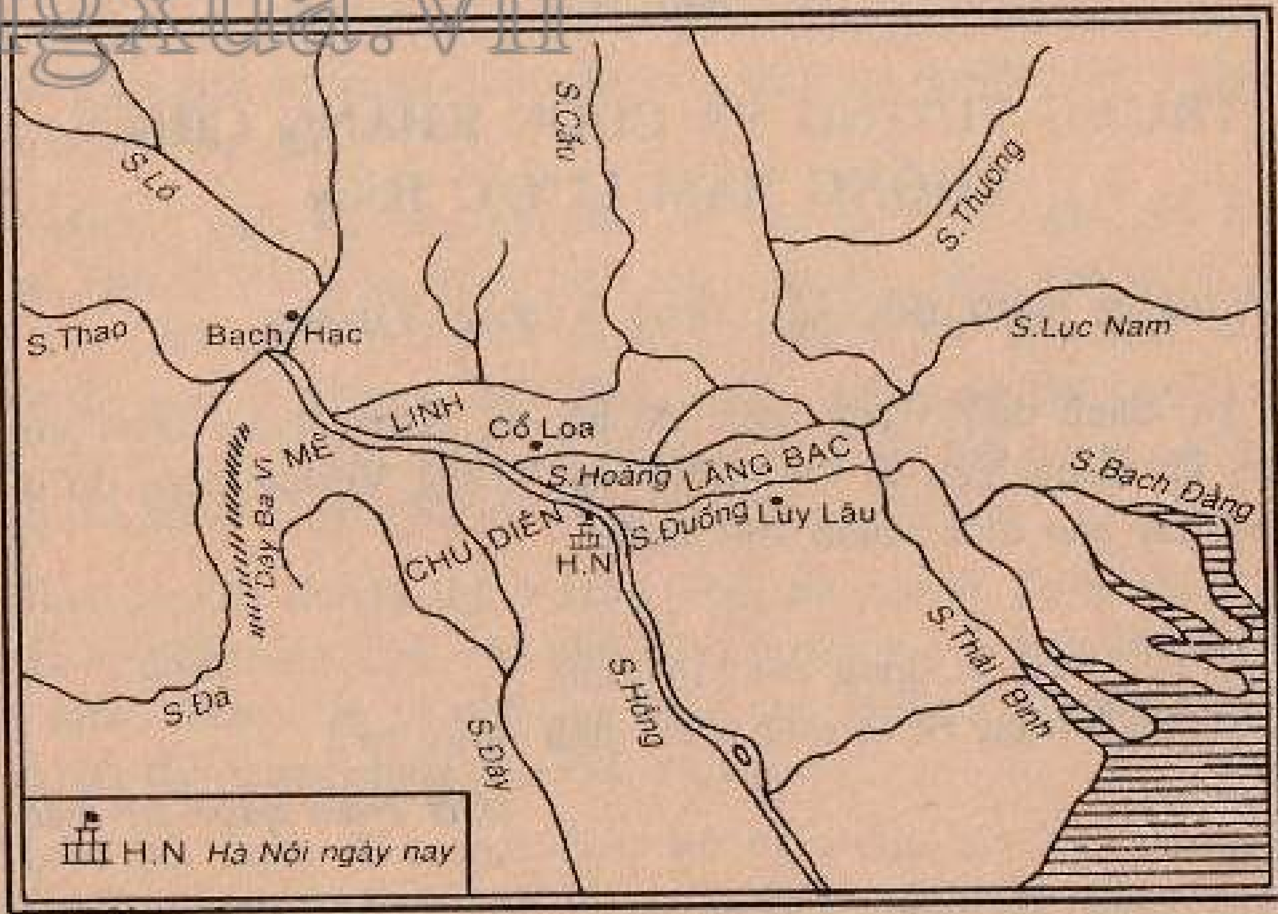

Hình 34 – Lược đồ : Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán

Nhân dân khắp nơi, kẻ trước người sau, nô nức một lòng đi theo Hai Bà. Bọn quan quân đô hộ bị đòn sét đánh, không dám chống cự, đã bỏ hết của cải vũ khí, lo chạy thoát thân. Tô Định vứt cả ấn tín, cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám loạn quân trốn về Trung Quốc.

Trong vòng không đầy một tháng, nghĩa quân đã thu phục được toàn bộ các thành trì bị quân đô hộ chiếm đóng.

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã thắng lợi hoàn toàn. Sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ, nhân dân ta đã giành lại được quyền độc lập.

?

1. Hãy tìm nguyên nhân của khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Hãy đọc kĩ cả mục 1).
2. Hãy thuật lại cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
3. Vì sao khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã thắng lợi hoàn toàn và nhanh chóng ?

Bài 16

thuongmaitr

TRƯNG VƯƠNG VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC HÁN

1. Những năm độc lập thời Trưng Vương

Sau khi đánh đuổi được quân đô hộ, bà Trưng Trắc được suy tôn làm vua, lấy danh hiệu là Trưng Vương. Trưng Vương đóng đô ở Mê Linh, bắt tay vào điều khiển việc nước.

Đô kì đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta !

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

Những người tài giỏi, có công trong cuộc khởi nghĩa được Trưng Vương phong chức tước, cất cử giữ những chức vụ quan trọng. Các lạc tướng lại được trao quyền cai quản các huyện. Trưng Vương xá

thuế hai năm liền cho dân. Luật pháp hà khắc cùng các thứ lao dịch nặng nề của chính quyền đô hộ cũ đều bị bãi bỏ.

- Hãy suy nghĩ xem việc Trưng Trắc được suy tôn làm Trưng Vương nói lên điều gì ?

Quân đô hộ Hán đã bị đánh đuổi, song nhà Hán chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược. Để giữ vững những nơi hiểm yếu, Trưng Vương cắt cử những người tin cậy và có tài cầm quân đóng giữ.

Theo truyền thuyết thì bà Thánh Thiên được lệnh đem quân để phòng mạn bắc, Đô Dương giữ Cửu Chân phòng mạn nam, bà Lê Chân được giao toàn bộ binh quyền ở Giao Chỉ.

? – Hãy nêu những việc làm để xây dựng đất nước, gìn giữ độc lập thời Trưng Vương ? Hãy phân tích tác dụng và ý nghĩa của từng việc.

2. Kháng chiến chống quân xâm lược Hán (42 – 43)

Tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa và Trưng Trắc xưng vương bay nhanh về Trung Quốc. Vua Hán nổi giận, song chưa thể đem quân sang đánh ta ngay vì nông dân Trung Quốc đang nổi dậy khởi nghĩa ở nhiều nơi. Tuy nhiên, vua Hán vẫn tức tốc hạ lệnh cho các quận miền Nam Trung Quốc giáp giới nước ta phải chuẩn bị gấp xe thuyền, làm thêm đường sá, trữ sẵn lúa gạo...

Tháng 4 năm 42, sau khi đàn áp các cuộc nổi dậy của nông dân Trung Quốc, Mã Viện được lệnh mở cuộc tấn công chiếm lại nước ta. Hai vạn quân tinh nhuệ, hai nghìn xe thuyền các loại cùng nhiều phu chiến đã được huy động. Mã Viện là một tướng già lão luyện, nổi tiếng gian ác, và lắm mưu, nhiều kế hiểm độc. Y đã tập trung cả quân thủy lẫn quân bộ ở Hợp Phố để cùng tiến sang đánh ta.

Theo truyền thuyết thì ở Hợp Phố, bà Thánh Thiên đã đem quân tập kích, giáng cho địch đòn phủ đầu choáng váng. Trên đường từ Hợp Phố sang, địch cũng bị quân ta đánh cản nhiều lần, song địch mới ra quân, lại tập trung đông nên còn mạnh.

Trên bộ, quân địch men theo bờ biển đẫn cây mở đường mà đi. Quân thủy dùng thuyền vượt biển vào cửa sông Bạch Đằng, ngược lên tới vùng Lục Đầu, rồi hợp với quân bộ cùng tiến về Lãng Bạc (đông Cổ Loa). Bấy giờ là vào khoảng cuối xuân, đầu hè năm 43.

Được tin cấp báo, Hai Bà Trưng và các tướng lĩnh tiến quân từ Mê Linh qua Cổ Loa, đến Lãng Bạc nghênh chiến. Quân ta chiến đấu dũng cảm ngoan cường, gây cho địch nhiều thiệt hại. Địch cũng gặp nhiều khó khăn về thời tiết khí hậu. Tướng địch là Bình Lạc hầu Hàn Vũ chết ở đây.

Lãng Bạc, nơi Mã Viện đóng quân là miền đồi đất cao, xung quanh là vùng đồng sâu, hồ nước mênh mông. Tình thế khốn quẫn của địch đã được Mã Viện sau này thú nhận :

"... Dưới nước lụt, trên mây mù, khí độc bốc lên ngùn ngụt, ngẩng trông lên thấy chim diều hâu đang bay đã sà rớt xuống nước chết".

Song, quân số của địch đông, có lực lượng thủy bộ phối hợp lại thạo lối đánh tập trung. Sau những trận giao chiến quyết liệt giữ Cổ Loa và Mê Linh, Trưng Vương nhận thấy chưa thể đánh thắng, đã quyết định cho quân lùi hẳn về Cấm Khê(1). Mã Viện thúc quân đuổi theo. Quân ta ra sức cản địch, giữ từng xóm làng, từng tấc đất. Hai Bà Trưng cùng các tướng sĩ đã chiến đấu oanh liệt và hi sinh trên đất Cấm Khê.

Hai Bà Trưng đã ngã xuống, song ở nhiều nơi, quân dân ta vẫn tiếp tục đánh địch. Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân trở về Trung Quốc, quân đi mười phần, về chỉ còn bốn, năm phần.

thuongmaitr

? – Hãy thuật lại cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Hán thời Trưng Vương. Những chi tiết nào nói lên tinh thần chiến đấu ngoan cường dũng cảm của quân dân ta ?

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và cuộc kháng chiến chống xâm lược Hán thời Trưng Vương tiêu biểu cho ý chí quật cường bất khuất của nhân dân ta. Tuy chưa thắng lợi hoàn toàn, Hai Bà đã nêu cao gương yêu nước quyết giành độc lập.

Uống nước nhớ nguồn, tưởng nhớ công ơn Hai Bà và các tướng của Hai Bà, nhân dân ta đã lập đền thờ ở nhiều nơi.

Bài tập : Hãy sưu tập tranh ảnh và truyện kể về Hai Bà Trưng và khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

---

(1) Theo những nhà nghiên cứu thì Cấm Khê có thể là vùng thung lũng Suối Vàng ở chân núi Vua Bà trong dãy Ba Vì.

Bài 17

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÍ NAM ĐẾ (GIỮA THẾ KỈ I - GIỮA THẾ KỈ VI)

I – PHONG KIẾN TRUNG QUỐC TĂNG CƯỜNG ÁCH THỐNG TRỊ VÀ BÓC LỘT NHÂN DÂN TA

1. Ách thống trị của các triều đại Trung Quốc

Sau thất bại của Trưng Vương, nước ta lại bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ. Nhà Hán biến nước ta thành những quận huyện của Trung Quốc và tổ chức bộ máy cai trị.

Các quận huyện này còn bị chia ra nhập vào nhiều lần, song nhìn chung miền đất Âu Lạc cũ gọi là châu Giao gồm có 3 quận là Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, khoảng 50 huyện.

uongxua.vn

Đứng đầu châu vẫn là chức thứ sử từ Trung Quốc cử sang. Thứ sử có quyền cắt đặt quan lại, điều động quân lính ở trong châu. Ở mỗi quận có chức thái thú và những chức quan khác giúp việc, cũng là người Hán. Bên dưới quận là các huyện. Chế độ lạc tướng cha truyền con nối của người Việt ở cấp huyện bị bãi bỏ. Thay cho các lạc tướng người Việt là những tên huyện lệnh (quan huyện) người Hán. Huyện lệnh đã cho xây thành lũy và đóng quân ở huyện lị. Chính quyền đô hộ còn ra sức sửa sang, làm thêm đường sá nối liền các quận lị, huyện lị với Long Biên (Bắc Ninh) là nơi tập trung các cơ quan cai trị và tập trung quân lính.

Dân ta buộc phải theo luật Hán.

Chính quyền đô hộ cũng ráo riết đẩy mạnh việc di dân Hán đến ở lẫn với dân ta, bắt người Việt sửa đổi phong tục, tập quán sống như người Hán. Chúng còn bắt dân ta học chữ Hán và tiếng Hán để truyền bá các tư tưởng "thần phục thiên tử", "quy phục thiên triều".

?

– Từ sau thất bại của cuộc kháng chiến thời Trưng Vương, chính quyền Trung Quốc đô hộ đã thi hành những biện pháp gì nhằm tăng cường ách thống trị đối với nhân dân ta ? (Hãy chú ý tới ý đồ của mỗi biện pháp)

2. Nỗi thống khổ của dân ta

Chính quyền Trung Quốc đô hộ vẫn bóc lột nhân dân ta chủ yếu bằng cách bắt cống nạp. Hàng năm, dân ta phải nộp cống nào sừng tê, ngà voi, gỗ trầm, lông chim trả ... nào ngọc trai, đồi mồi, san hô... Hoa quả quý của ta như vải, nhãn, quất, dừa... các thứ sản phẩm thủ công nổi tiếng như vải cát bá[1], giấy trầm hương, đường phèn, đồ khảm xà cừ... đều phải nộp cống. Cả đến những người thợ thủ công khéo tay cũng bị trở thành đồ cống. Bóc lột bằng cách bắt cống nạp là sự cướp đoạt, vơ vét tàn nhẫn.

So với miền Nam Trung Quốc lúc đó, đất nước ta là nơi "đất rộng người nhiều", "ruộng bãi phì nhiêu", "của lạ núi biển không đâu ví bằng". Chủ trương của chính quyền đô hộ là "tùy đất đó sản xuất vật gì thì tạm thời thu lấy thuế khóa vật đó, không có phép tắc luật lệ cố định"[2].

Sĩ Nhiếp mỗi năm thu hàng ngàn tấm vải cát bá, hàng trăm ngựa và nhiều thứ lâm thổ sản quý khác. Tôn Tư đã bắt hàng ngàn thợ thủ công sang xây kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh).

Cùng với việc nộp cống, nhân dân ta còn phải nộp nhiều thứ tô thuế nặng nề. Ruộng phải nộp tô. Người phải nộp thuế. Đặc biệt, muối và sắt là hai thứ bị đánh thuế rất nặng. Ngoài ra, mỗi năm nhân dân ta còn phải đi phu hàng tháng trời để đắp đường, đào kênh, xây thành... phục vụ bọn quan quân đô hộ.

Thuế má đã nặng, bọn quan lại còn vơ vét thêm cho đầy túi riêng. Chính sử sách Trung Quốc còn ghi lại "Ở đất Giao Chỉ... thứ sử trước sau đều không thanh liêm, trên thì bợ đỡ kẻ quyền quý, dưới thì vơ vét của cải của dân, đến khi đầy túi liền xin đổi về nước".

? – Chính sách bóc lột của các triều đại Trung Quốc đô hộ tàn bạo và phản động như thế nào ?

Ách thống trị và bóc lột tàn bạo, phản động của phong kiến Trung Quốc đô hộ nửa đầu thiên niên kỉ I đã xô đẩy tổ tiên ta vào một cuộc sống đầy rẫy hiểm nghèo. Nhân dân bị đè nén, chèn ép, bóc lột nặng

(1) Vải cát bá là vải dệt bằng sợi bông, có loại mịn rất thoáng vì sợi nhỏ và săn.
(2) Những đoạn trong ngoặc kép là trích lời tâu trình của những tên quan Trung Quốc.

thuongmaitr

nề. Sản xuất, văn hóa, xã hội bị kìm hãm nghiêm trọng. Mất nước là điều đau khổ nhất trong mọi điều đau khổ.

Song không chịu khuất phục, nhân dân ta không ngừng đấu tranh để duy trì cuộc sống, phát triển kinh tế, văn hóa và giành lại quyền độc lập.

Bài 18

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÍ NAM ĐẾ

(tiếp theo)

II – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ NƯỚC TA CÁC THẾ KỈ I – VI

1. Công cụ sắt và nghề nông

Từ thời An Dương Vương, tổ tiên ta đã nắm được kĩ thuật rèn đúc sắt, song đồ sắt lúc bấy giờ còn tương đối hiếm. Chiếm được nước ta, chính quyền đô hộ đã đặt ra các chức quan để kiểm soát gắt gao việc khai thác, chế tạo và mua bán đồ sắt. Chúng nắm độc quyền về sắt. Mặc dầu vậy, nhân dân ta vẫn rèn đúc được nhiều công cụ, vũ khí và đồ dùng bằng sắt.

Trong các mộ cổ thuộc thời kì này có rất ít vũ khí bằng đồng, công cụ bằng đồng thì hầu như không có. Như vậy, chủ yếu công cụ và vũ khí được chế tạo bằng sắt. Công cụ có rìu, mai, cuốc, dao... Vũ khí có kiếm, giáo, kích. Cả đến những đồ dùng trong nhà như kiềng, đèn, đinh cũng được làm bằng sắt. Cựa gà chọi cũng được bịt sắt.

?

– Vì sao chính quyền đô hộ nắm đặc quyền và kiểm soát đồ sắt một cách gắt gao ?

– Những chi tiết nào chứng tỏ rằng kĩ thuật rèn đúc sắt và đồ sắt ở nước ta thời kì này vẫn phát đạt ?

Cùng với việc sử dụng rộng rãi công cụ sản xuất bằng sắt, kĩ thuật dùng trâu bò làm sức kéo cũng được áp dụng phổ biến. Nhờ thế mà

diện tích đất trồng trọt được mở rộng, công trình thủy lợi phát triển. Dọc những con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, đã có đê để phòng lũ lụt. Nhiều kênh, ngòi, mương máng được đào thêm và nạo vét lại. Tổ tiên ta cũng đã biết dùng nhiều loại phân bón làm cho ruộng vườn thêm xanh tốt.

Trải qua nhiều vụ làm mùa, nắm vững thời tiết và cây trồng, nhân dân ta đã trồng được hai vụ lúa trong một năm. Năng suất lúa của ta vào loại cao ở Đông Nam Á lúc bấy giờ. Ngoài lúa, nhân dân ta còn trồng khoai, đậu và các loại cây có củ khác. Bên cạnh cây lương thực là các loại cây công nghiệp. Cây lấy sợi để dệt làm đồ mặc có bông, đay, gai. Đặc biệt, còn có cây dâu để nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa. Cây mía được trồng để ép nước lấy mật, làm đường. Mía Giao Chỉ nổi tiếng "gốc ngọn bằng nhau" vị ngọt, thơm, mát. Cây tre trồng để làm nhà, đan thuyền, làm các đồ dùng trong nhà...

Trong vườn thì trồng rau, cà và cây ăn quả : vải, nhãn, chuối, dừa, sấu, trám... Hồ ao thì nuôi cá, thả bè rau muống, thả sen.

Ngoài trâu bò, lợn gà, dê, chó, vịt, ngỗng..., nhân dân ta còn nuôi thêm nhiều ngựa và voi để lấy sức kéo và dùng trong chiến trận.

?

– Sản xuất nông nghiệp ở nước ta lúc này tiến bộ như thế nào ? Về những mặt nào ? Công cụ sắt đã có tác động như thế nào đối với sự phát triển của sản xuất nông nghiệp ?

2. Các nghề thủ công và buôn bán

Bên nghề khai quặng mỏ và rèn đúc đồng sắt đã nói ở trên, nhiều nghề thủ công khác vốn có từ trước của ta như nghề làm đồ gốm, nghề dệt đều phát triển mạnh mẽ.

Những người làm nghề gốm đã làm ra các loại đồ dùng trong nhà từ nồi, vò, bình, bát, đĩa đến mâm, xanh, chõ, đèn... ; có loại gốm thường, có loại tráng men, nửa sành nửa sứ. Gạch ngói cũng có nhiều thứ : gạch thường, gạch hình múi bưởi để xây vòm cuốn ; ngói có ngói bản, ngói ống... Bên các loại vải bông, vải gai, vải đay, có vải tơ tre, tơ chuối. Đặc biệt, vải cát bá loại mịn thoáng và lụa tơ tằm vừa đẹp vừa bền là những mặt hàng rất được ưa chuộng.

Qua buôn bán và trao đổi văn hóa với nước ngoài, nhân dân ta cũng tiếp thu được kĩ thuật mới và phát triển thêm một số ngành nghề khác như nghề làm giấy, nghề thổi thủy tinh, nghề làm đồ trang sức bằng vàng bạc.

Học cách làm giấy của nhân dân Trung Quốc, nhân dân ta đã dùng nhiều thứ vỏ cây để làm giấy (giấy dó, giấy rơm...). Đặc biệt, giấy mật

hương làm bằng vỏ, lá cây trầm hương, rất thơm và bền, màu trắng có vân rất đẹp. Cuối thế kỉ III, lái buôn La Mã đã mua 3 vạn tờ giấy này để dâng vua La Mã vì châu Âu lúc này chưa biết làm giấy.

Cùng với sự phát triển của nghề nông và các nghề thủ công, việc buôn bán ở trong nước và ngoài nước cũng phát triển. Một số nông phẩm và sản phẩm thủ công không bị sung làm đồ cống được đem trao đổi ở các chợ địa phương. Mạng lưới giao thông chuyên chở là các dòng sông, các đường đi ven đê, qua làng... Bên các chợ quê có các chợ huyện, chợ quận, chợ châu. Tại một vài nơi tập trung dân cư như Luy Lâu, Long Biên đã có nhiều người nước ngoài đến buôn bán. Ngoài người Hán có người Ấn Độ, người Giava...

Hàng mua vào có đồ sứ, thuốc bắc.

Hàng bán ra chủ yếu có lâm thổ sản và các đồ thủ công, mĩ nghệ. Việc mua bán nô tì cũng thịnh hành.

Bọn quan lại Trung Quốc nắm độc quyền ngoại thương. Chúng cấm nhân dân ta buôn bán trực tiếp với lái buôn nước ngoài. Đối với thuyền buôn các nước, chúng đánh thuế hạ neo rất nặng, bắt mở tiệc, vét hàng, mua rẻ... Tuy nhiên, việc trao đổi buôn bán với nước ngoài vẫn có tác dụng kích thích nhất định đối với sự phát triển của kinh tế và văn hóa nước ta.

uongxua.vn

? – Hãy nêu những biểu hiện phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp nước ta các thế kỉ I – VI.

Bài 19

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÍ NAM ĐẾ

(tiếp theo)

III – XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA NƯỚC TA CÁC THẾ KỈ I – VI

1. Những biến chuyển trong xã hội

Trước khi bị phong kiến Trung Quốc xâm lược và đô hộ, xã hội Âu Lạc đã có sự phân hóa (Hãy xem lại mục 2 của bài 12). Trong các thế kỉ I – VI mặc dù bị kìm hãm mạnh, nhân dân ta vẫn từng bước đẩy

mạnh sản xuất và phát triển kinh tế. Sự phát triển kinh tế tuy chậm chạp vẫn kéo theo những biến chuyển trong xã hội nước ta.

Từ khi bị đô hộ, toàn bộ ruộng đất của các làng xã bị coi là thuộc quyền sở hữu của chính quyền đô hộ. Đông đảo nông dân cày cấy ruộng của làng xã phải nộp tô, đóng thuế, phải đi lao dịch phục vụ chính quyền.

Cùng với việc bóc lột nông dân, chính quyền đô hộ còn chiếm ruộng đất của làng xã và bắt dân ta khai khẩn thêm ruộng hoang, lập ra các đồn điền. Bộ phận nông dân cày cấy ruộng đồn điền của nhà nước bị trói buộc vào đồn điền, trở thành nông nô đồn điền. Bọn quan lại cũng chiếm riêng ruộng đất lập ra các trang trại. Nông dân cày cấy ruộng đất trang trại này trở thành nông dân lệ thuộc. Họ phải nộp tô, đi phu, phục dịch, đi lính cho chủ.

Trong số nông dân các làng xã cũng có một số rất ít làm ăn khá giả, song nhiều người vì tô thuế nặng, vì thiên tai mất mùa hoặc bị tước đoạt ruộng đất nên đã rơi vào tình cảnh nợ nần túng thiếu. Một số phải bán vợ đợ con, hoặc phải bán mình làm nô tì cho những nhà giàu, có thế lực. Một số khác rơi xuống địa vị nông dân lệ thuộc. Nô tì phải sống trong nhà chủ, hầu hạ chủ.

Như vậy, trong xã hội, bên cạnh nông dân chiếm đa số, còn một số

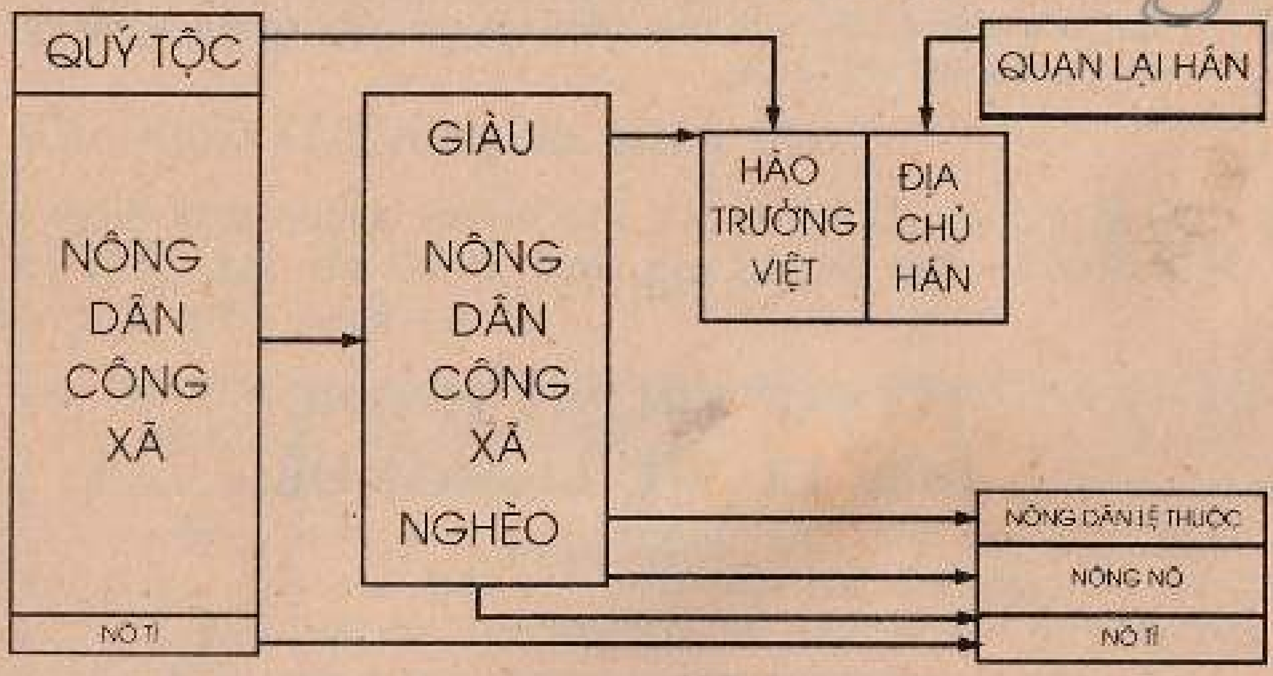

Hình 35 – Sơ đồ phân hóa xã hội

ít người có quyền thế, thu tô và hưởng lao dịch của các tầng lớp nông dân. Đó là tầng lớp quan lại địa chủ lớn người Hán. Họ là những người đã chiếm đoạt nhiều ruộng đất của nông dân các làng xóm, lập ra các

trang trại riêng. Bên tầng lớp quan lại địa chủ lớn người Hán là tầng lớp hào trưởng địa phương người Việt. Họ là những người giàu có, có thế lực ở các vùng. Song nhìn chung họ cũng bị chính quyền đô hộ chèn ép, khinh rẻ. Vì thế, họ sẽ là những người đứng ra lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi bọn đô hộ, giành lại quyền độc lập.

?

– Hãy trình bày những biến chuyển trong xã hội nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI (dựa vào sơ đồ và bài đọc).

2. Tiếng Việt, nghệ thuật và nếp sống của nhân dân

Với việc mở nhiều trường học ở các huyện, tiếng Hán và chữ Hán được đưa vào nước ta một cách ồ ạt. Những tư tưởng của đạo Nho và những luật lệ, phong tục tập quán của người Hán cũng được truyền vào nước ta.

Đạo Nho hay đạo Khổng do Khổng Tử (thế kỉ VI - V tr.CN) lập ra ở Trung Quốc. Theo đạo Nho, mọi người phải thần phục "Thiên tử" (con trời, vua) mọi dân tộc phải quy phục "Thiên triều" (triều đình Trung Quốc). Phong kiến Trung Quốc đô hộ đã mở trường học để phổ biến tư tưởng Nho giáo, phục vụ cho chính sách bành trướng và ý đồ đồng hóa nhân dân ta của chúng.

Song chỉ một số người thuộc tầng lớp trên sống ở các huyện lị đi học và chịu ảnh hưởng. Nhân dân lao động ở các làng xã nước ta vẫn nói tiếng nói của tổ tiên. Trải qua nhiều thế kỉ tiếp xúc, giao dịch với người Hán sang làm ăn sinh sống ở nước ta, nhân dân ta đã sử dụng những từ ngữ Hán. Nhưng với cách dùng, cách đọc của mình, tổ tiên ta đã biến nhiều từ Hán thành từ Việt, tạo thành từ mới (ta gọi là từ "Hán Việt") làm cho tiếng nói của mình thêm phong phú.

Bên những âm tiết thuần Việt (như một, hai) đã xuất hiện âm tiết Hán Việt (như nhất, nhì) vốn gốc Hán nhưng đã thay đổi cách phát âm (nên không giống tiếng Hán) và cả nghĩa của từ (một – hai chỉ số lượng, nhất – nhì chỉ thứ tự).

?

– Phong kiến đô hộ mở trường học bắt dân ta học chữ Hán, tiếng Hán nhằm mục đích gì ? Chúng có đạt được ý đồ đó không ? Vì sao ?

Hình 36 – Bình gốm (Bắc Ninh)

thuongmaitr

Nhân dân ta cũng biết chọn lọc cái hay cái đẹp của nghệ thuật Trung Quốc và Ấn Độ, những nền nghệ thuật đã đạt tới trình độ cao và có ảnh hưởng ở châu Á lúc bấy giờ.

Trong các mộ cổ đào được ở Thanh Hóa, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội thuộc thời kì này (thế kỉ I – VI) thấy nhiều hiện vật có hình dáng, cách trang trí hoa văn chứng minh rõ sự giao lưu văn hóa nói trên.

Trước hết phải nói đến trống đồng cải biên. Khi úp sấp, nó là trống đồng. Lật ngửa lại, nó là chậu thau có trang trí hình tiền đồng Hán và hình cá (hoa văn trang trí tiêu biểu của nghệ thuật Hán). Trên mâm bằng đất nung ta thấy chung quanh có dải trang trí hình vòng tròn với tiếp tuyến là hoa văn thường thấy của nghệ thuật Đông Sơn. Ở giữa mâm lại có hình ba con cá châu đầu vào nhau (hoa văn Hán). Cái bình hình con tiện là của người Hán, song mặt "hồ phù" đã được thay thế bằng hình đầu voi, vòi voi được sử dụng như vòi ấm.

Nhiều tượng người bằng đồng có mặt mũi, đầu tóc dáng dấp tương tự như người phương Nam.

uongxua.vn

Hình 37 – Tượng đồng (Lạch Trường, Thanh Hóa)

Bên những nhạc cụ độc đáo lâu đời của người Việt như trống đồng, khèn... có một số nhạc cụ chịu ảnh hưởng của Trung Quốc như khánh, chuông, hoặc ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Á như trống cơm, hồ cầm.

? – Nhân dân ta đã tiếp thu văn hóa nghệ thuật của nước ngoài như thế nào ? Để làm gì ?

Mặc dù bọn đô hộ cố sức đưa vào xã hội nước ta những lễ giáo và phong tục của người Hán, đông đảo nhân dân các làng xã vẫn sống theo nếp sống riêng của mình, với những phong tục cổ truyền như xăm mình, nhuộm răng ăn trầu, giã bánh giầy, gói bánh chưng.

Một trong những phong tục đặc sắc được giữ vững là tục sử dụng trống đồng. Trống đúc xong, cả làng được mời dự lễ mừng. Người được vinh dự đánh trống đầu tiên là một phụ nữ trong làng, trong khi lễ giáo phong kiến trọng nam khinh nữ được bọn đô hộ ra sức truyền bá.

Bất chấp sự ngăn chặn, cấm đoán của bọn quan lại cai trị, nhân dân ta vẫn tỏ lòng sùng kính, biết ơn những người có công với nước,

với dân. Đền thờ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu ... được dân ta xây dựng ở nhiều nơi.

Từ thế kỉ I, đạo Phật và đạo Lão cũng được truyền vào nước ta ngày một nhiều.

Đạo Lão sinh ra ở Trung Quốc cùng thời với đạo Nho. Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ vào khoảng cùng thời gian với đạo Lão. Phật Thích Ca khuyên mọi người thương yêu nhau, vui lòng chịu đựng những nỗi khổ cực đắng cay, làm điều lành, tránh điều ác... Các nhà sư thường là những người có chữ nghĩa, sống gần dân chúng. Đạo Phật vì thế dễ được những người lao động hiền lành, cực khổ tin theo.

Bọn đô hộ định lợi dụng các tôn giáo để nô dịch, đàn áp tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Song nhân dân ta vốn có lòng khoan dung, đùm bọc nhau, không vì tôn giáo khác nhau mà sinh chia rẽ, thù ghét lẫn nhau.

?

– Hãy nêu những sự việc chứng tỏ nhân dân ta vẫn giữ được nếp sống riêng của mình.

thuongmaitr

Bài 20

TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÍ NAM ĐẾ

(tiếp theo)

IV – PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

1. Nước Cham-pa độc lập ra đời

Quận Nhật Nam thuộc Giao châu gồm 5 huyện. Tượng Lâm là huyện ở cực nam, từ đèo Hải Vân đến đèo Đại Lãnh. Cư dân ở Nhật Nam gồm có người Chăm và tổ tiên các dân tộc Tây Nguyên ngày nay.

Người Chăm sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Họ cũng biết dùng công cụ bằng sắt, dùng trâu bò để kéo cày. Tuy nhiên, ở đây, đồng

bằng hẹp. Ngoài ruộng nước, người Chăm còn làm ruộng bậc thang ở sườn đồi núi. Họ đã sáng tạo ra xe guồng nước để đưa nước từ sông, suối lên ruộng và từ ruộng thấp lên ruộng cao. Họ trồng lúa mỗi năm hai vụ và còn trồng nhiều dừa, cau, dâu tằm, bông gòn. Ngoài ra, người Chăm còn khai thác lâm thổ sản quý như gỗ trầm hương, ngà voi, sừng tê... khai mỏ, nhất là mỏ vàng. Việc đánh cá và buôn bán bằng thuyền trên mặt biển với các nước Trung Quốc, Ấn Độ... khá phát đạt. Với

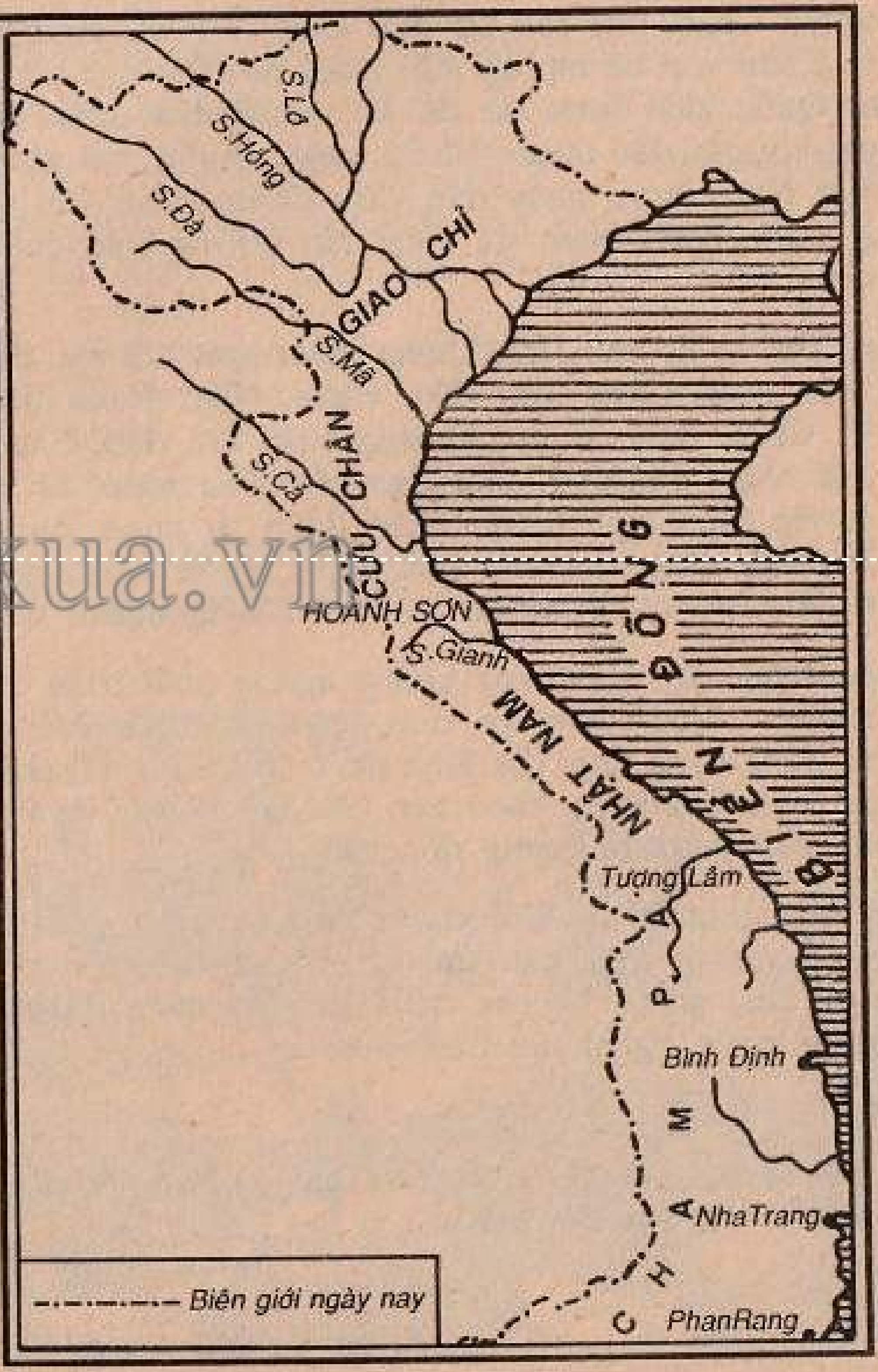

Hình 38 – Lược đồ : Giao châu và Cham–pa giữa thế kỉ IV

uongxua.vn

lực lượng thuyền bè mạnh, các lái buôn Chăm thường kiêm nghề cướp biển và buôn bán nô tì.

Người Chăm có chữ viết riêng từ khá sớm (trước thế kỉ III). Chữ viết của người Chăm gần giống như chữ Phạn của Ấn Độ. Nhân dân Chăm phần lớn theo đạo Phật. Tầng lớp quý tộc theo đạo Bà la môn như bên Ấn Độ. Người Chăm có tục hỏa táng người chết rồi ném tro xuống sông hay xuống biển. Họ cũng có tục ở nhà sàn, ăn trầu cau như người Việt.

Giữa người Chăm với các cư dân khác ở Nhật Nam và với người Việt ở Cửu Chân vốn có những mối quan hệ chặt chẽ từ lâu. Bị phong kiến Trung Quốc xâm lược và đô hộ, nhân dân quận Nhật Nam đã không ngừng nổi dậy đấu tranh. Nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân Tượng Lâm và Nhật Nam được nhân dân Cửu Chân, Giao Chỉ ủng hộ. Nhân dân Tượng Lâm, Nhật Nam đã vùng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Vào cuối thế kỉ II, nhà Hán không kiểm soát nổi các đất phụ thuộc. Nhân dân các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam luôn nổi dậy ở nhiều nơi[1]. Chớp thời cơ đó, khoảng năm 192, 193, dân Tượng Lâm ở nơi xa xôi nhất, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên đã vùng lên giết được tên huyện lệnh người Hán. Khu Liên tự xưng làm vua, đặt tên nước là Cham-pa (tên một loài hoa đẹp). Nước Cham-pa độc lập đã ra đời trên đất Tượng Lâm. Cư dân chủ yếu là người Chăm.

thuongmaitu

Sau ngày thành lập, Cham-pa không ngừng phát triển trở thành một nước lớn mạnh[2]. Vua Cham-pa chia nước ra thành nhiều khu vực dọc theo các dải đồng bằng hẹp, đặt kinh đô ở Trà Kiệu (Quảng Nam – Đà Nẵng). Nhân dân Cham-pa khéo tay, cần cù đã xây dựng được nhiều thành quách, đền tháp và tượng độc đáo.

Với lực lượng quân sự khá mạnh thời bấy giờ (đạo quân thường trực tới 4 – 5 vạn người), các vua Cham-pa nhiều lần tấn công đánh phá các nước láng giềng. Ngược lại, Cham-pa cũng thường bị các lực lượng quân sự nước ngoài tàn phá.

?

– Nước Cham-pa độc lập ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nhân dân Cham-pa đã để lại những công trình kiến trúc gì ?

(1) Theo sử sách Hán, thế kỉ II có 9 cuộc nổi dậy của nhân dân châu Giao.

(2) Biên giới phía bắc của Cham-pa đến tận Hoành Sơn, nơi Quảng Bình giáp Hà Tĩnh. Phía nam Cham-pa lần lượt chiếm được Khánh Hòa, Phan Rang.

2. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (248)

Bà Triệu chính tên là Triệu Thị Trinh. Bà là em gái Triệu Quốc Đạt, một hào trưởng lớn ở miền núi Quan Yên thuộc quận Cửu Chân (Thanh Hóa).

Triệu Thị Trinh là người có sức khỏe, rất gan dạ và mưu trí. Năm 19 tuổi, bà cùng người anh tập hợp nghĩa quân, lập căn cứ ở Phú Điền (Hậu Lộc – Thanh Hóa).

Đây là một thung lũng ở giữa hai dãy núi đá vôi, vừa gần biển lại vừa là cửa ngõ từ đồng bằng phía bắc vào xứ Thanh. Nghĩa quân ngày đêm mài gươm, luyện võ, chờ ngày nổi dậy. Nhân dân khắp vùng nô nức hưởng ứng tham gia. Lòng tôn kính và sự ủng hộ của nhân dân đối với Triệu Thị Trinh đã được ghi lại trong mấy câu ca :

"Ru con con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng".

Năm 248, nghĩa quân bắt đầu tấn công quân Ngô. Các thành ấp của quân Ngô đều bị đánh phá tan tành, bọn quan cai trị kẻ bị giết, kẻ chạy

uongxua.vn

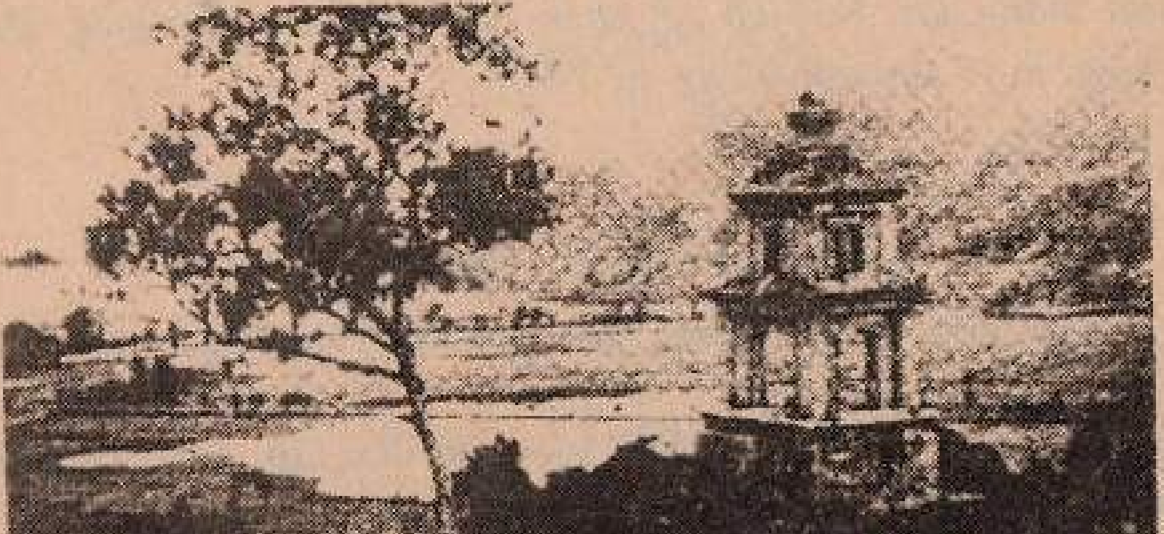

Hình 39 – Ảnh Lăng Bà Triệu (Hậu Lộc, Thanh Hóa)

trốn hết. Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa lan rộng nhanh chóng. Thứ sử châu Giao hoảng sợ bỏ chạy mất tích. Sử sách của nhà Ngô phải thú nhận : "Toàn thể châu Giao chấn động".

Triệu Thị Trinh thường mặc áo giáp đồng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi dẫn quân xông trận, oai phong lẫm liệt.

"Hoành qua đương hổ dị,
Đối diện Bà Vương nan"

Dịch nghĩa :

"Vung giáo chống hổ dễ,
Giáp mặt Vua Bà khó".

Nghe tin khởi nghĩa ở Cửu Chân và thứ sử châu Giao mất tích, vua Ngô phái ngay Lục Dận, một tướng rất xảo quyệt sang làm thứ sử. Lục Dận còn đem thêm 8000 quân sang để đàn áp. Một mặt dùng quân sự, mặt khác y đem của cải chức tước ra dụ dỗ, mua chuộc các thủ lĩnh người Việt. Một số người dao động, rồi mắc mưu theo địch. Triệu Thị Trinh không nao núng, tiếp tục cuộc chiến đấu, đã hi sinh trên núi Tùng (Hậu Lộc, Thanh Hóa) ; ở đó nay còn lăng mộ và đền thờ Bà.

thuongmaitr

Theo truyền thuyết, Bà Triệu đã chiến đấu chống quân Ngô trên ba mươi trận thắng lợi. Sau có kẻ phản bội, tiếp tay cho giặc. Bà không chống được mới lên núi Tùng tự vẫn.

?

– Hãy thuật lại cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

- Khởi nghĩa đã nổ ra trong hoàn cảnh nào ? Có ý nghĩa như thế nào ?

Tiếp theo sự ra đời của nước Cham–pa độc lập, cuộc khởi nghĩa Bà Triệu là một sự kiện có ý nghĩa to lớn.

Khởi nghĩa đã nổ ra trong thời kì bọn đô hộ có lực lượng mạnh đã đặt được ách thống trị trên đất nước ta, đẩy mạnh việc đồng hóa nhân dân ta. Khởi nghĩa mới chỉ giành được thắng lợi bước đầu, song đã cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.

Bài 21

KHỞI NGHĨA LÍ BÍ.
NƯỚC VẠN XUÂN (542 - 602)

1. Ách đô hộ của nhà Lương

Vào nửa đầu thế kỉ VI, đất nước ta bị phong kiến nhà Lương thống trị. Nhà Lương đã chia lại các khu vực hành chính lập thêm châu, đặt thêm quận, tuyển thêm quan lại để thu vét thuế. Trồng cây dâu cao một thước(1) cũng phải nộp thuế, thậm chí bán vợ đợ con cũng phải đóng thuế. Nhà Lương còn thi hành chính sách phân biệt đối xử rất gay gắt. Chỉ có con cháu nhà Lương và một số dòng họ lớn (họ Vương, họ Tạ...) mới được giao giữ chức vụ quan trọng. Thứ sử Giao châu bấy giờ là

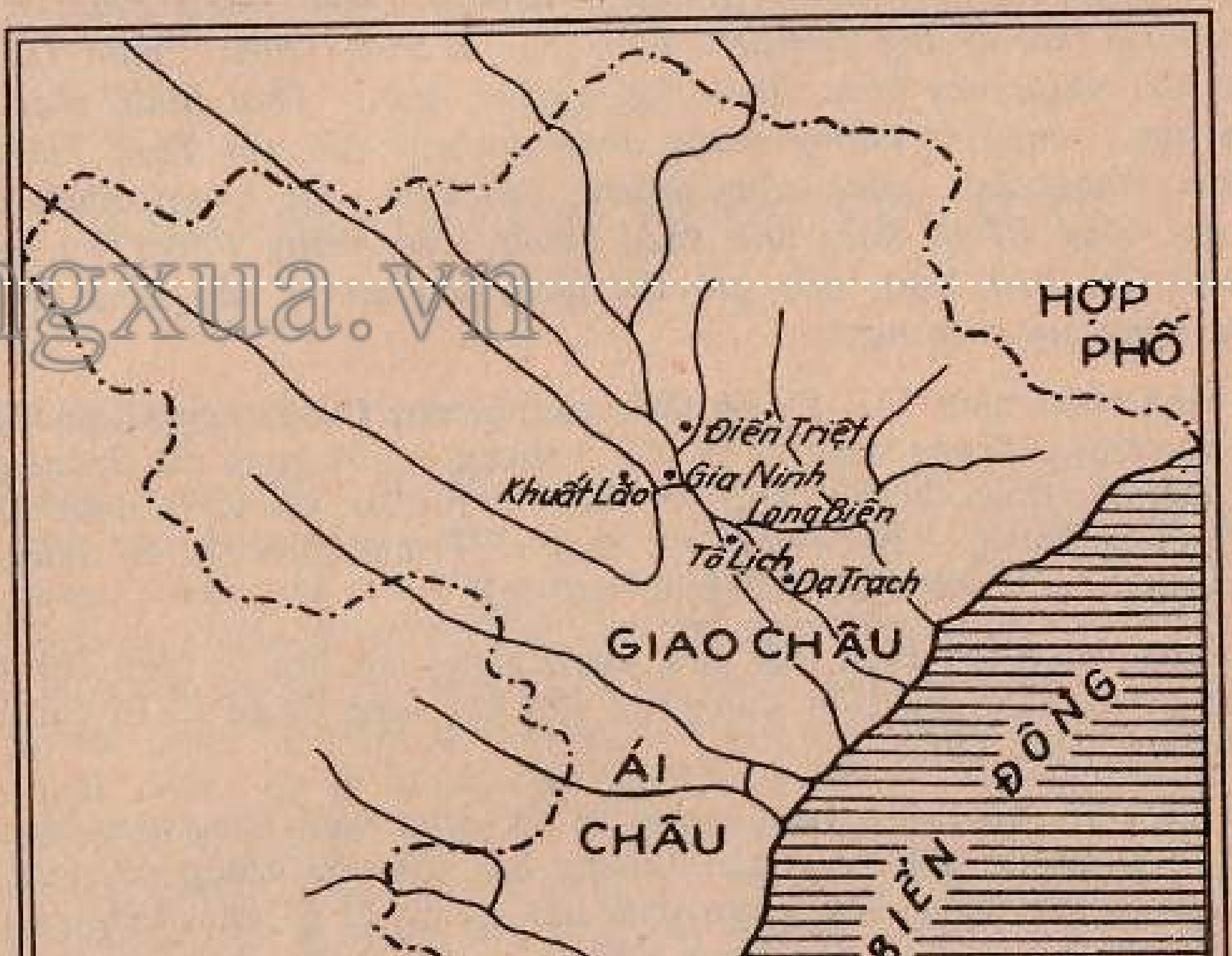

Hình 40 – Lược đồ : Khởi nghĩa Lí Bí

(1) Một thước bằng 40 cm.

Tiêu Tư, người cùng một họ với vua Lương, nổi tiếng tham lam gian ác. Nhân dân ta ai ai cũng đem lòng oán hận. Sử sách Trung Quốc cũng phải thú nhận Tiêu Tư "Tàn bạo mất lòng dân".

2. Khởi nghĩa Lí Bí

Lí Bí là một hào trưởng địa phương. Quê ông ở huyện Thái Bình (vùng hai bên bờ sông Hồng, phía trên thị xã Sơn Tây). Có tài võ giỏi mưu cao, ông còn là người rất mực yêu nước, thương dân.

Một thời gian, Lí Bí có giữ một chức quan nhỏ, coi việc quân ở Châu Đức (Hà Tĩnh). Nhận thấy tình cảnh cơ cực của dân, ông đem lòng chán ghét chính quyền đô hộ. Cuối cùng, ông từ chức về quê nhà, mưu tính việc lớn. Nhân lòng oán hận quân Lương của mọi người, Lí Bí đã chiêu mộ được nhiều quân, trữ được nhiều lương thực. Ông còn liên kết với hào kiệt các nơi chuẩn bị cùng nổi dậy.

Theo sử cũ, bấy giờ Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục ở vùng Chu Diên hưởng ứng đầu tiên. Tiếp theo là Tinh Thiều, Phạm Tu cùng hào kiệt nhiều nơi khác. Tinh Thiều cũng quê ở Thái Bình. Học giỏi, văn hay, nhưng vì không thuộc dòng dõi quý tộc nên Tinh Thiều chỉ được phong chức "canh cổng thành". Bất bình, ông không nhận chức, về quê cùng Lí Bí mưu tính khởi nghĩa. Lão tướng Phạm Tu, người Thanh Trì (Hà Nội), bấy giờ đã ngoài sáu mươi, vẫn cùng lớp trai làng hăng say việc nước.

Mùa xuân năm 542, Lí Bí phất cờ nổi dậy. Khởi nghĩa thành công nhanh chóng. Trong vòng chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện. Thứ sử Tiêu Tư run sợ, vội vã bỏ thành Long Biên (Yên Phong – Bắc Ninh) rút chạy về Trung Quốc. Lí Bí đem quân vào Long Biên, ổn định tình hình mọi mặt.

Được tin Long Biên thất thủ, vua Lương lập tức hạ lệnh cho quân phản công chiếm lại. Bọn xâm lược vừa kéo sang đã bị Lí Bí cho quân mai phục đánh tan.

Đầu năm sau (543), vua Lương lại lệnh cho quân sang xâm lược lần nữa. Bọn tướng chỉ huy quân Lương lúc này vừa khiếp sợ, vừa mệt mỏi, đang còn dùng dằng chưa dám tiến quân, Lí Bí chủ động ra quân đón đánh địch ở bán đảo Hợp Phố (bấy giờ thuộc châu Giao). Quân Lương mười phần chết đến bảy, tám. Tướng địch bị giết gần hết, kẻ sống sót cũng bị vua Lương bắt phải tự tử.

?

– Hãy nêu những nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Lí Bí.

– Khởi nghĩa đã diễn ra thắng lợi như thế nào ?

3. Dựng nước Vạn Xuân độc lập (544)

Mùa xuân năm 544, sau khi đánh đuổi được quân đô hộ và đánh lùi hai lần phản công xâm lược của nhà Lương, Lí Bí tự xưng hoàng đế tức Lí Nam Đế. Lí Nam Đế lấy tên nước là Vạn Xuân[1], đặt kinh đô ở miền cửa sông Tô Lịch (Hà Nội) và cho dựng điện Vạn Thọ[2] làm nơi vua quan họp bàn việc nước. Triều đình gồm có hai ban văn võ. Phạm Tu được cử đứng đầu hàng quan võ, Tinh Thiều đứng đầu quan văn, Triệu Túc làm thái phó (chức quan cao, cột trụ của triều đình), Triệu Quang Phục là tướng trẻ, có tài, cũng được trọng dụng. Lí Nam Đế lại cho dựng một ngôi chùa, đặt tên là chùa Khai Quốc[3].

?

– Lí Bí đã làm những việc gì sau khi đánh đuổi được quân Lương đô hộ ? Những việc làm đó nói lên điều gì ?

Bài 22

KHỞI NGHĨA LÍ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN

uongxua.vn

(tiếp theo)

4. Chống quân Lương xâm lược

Tháng 5 năm 545, vua Lương lại phái quân sang đánh Vạn Xuân. Bấy giờ, nhà Lương vừa đàn áp được những cuộc nổi dậy của nông dân Trung Quốc, đã dồn sức vào cuộc tấn công xâm lược lần thứ ba này. Dương Phiêu được cử làm thứ sử châu Giao cùng với Trần Bá Tiên, một viên tướng rất hiếu chiến, tổ chức cuộc xâm lược. Địch chia hai đường thủy, bộ phối hợp cùng tiến sâu vào nước ta. Lí Nam Đế đem quân chống cự ở vùng Lục Đầu (thuộc Hải Dương) nhưng không cản được địch. Vua cho quân lui về giữ thành ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội). Song thành bằng đất, lũy bằng tre gỗ mới dựng không giữ được lâu. Quân địch đang mạnh, tấn công rất ác liệt. Thành Tô Lịch vỡ, lão tướng Phạm Tu tử trận. Lí Nam Đế lại phải lui quân, ngược sông Hồng về giữ thành Gia Ninh (ở miền đồi núi Việt Trì). Quân Lương đuổi theo, vây hãm, chiếm được thành Gia Ninh (đầu năm 546).

---

(1) Vạn Xuân là vạn mùa xuân, có ý mong muốn đất nước bền vững lâu dài.

(2) Vạn Thọ là sống lâu hàng vạn năm, cũng có ý mong muốn vững chắc bền lâu.

(3) Khai Quốc là mở nước, nay là chùa Trấn Quốc ở bên Hồ Tây, Hà Nội.

Lí Nam Đế cùng với tướng sĩ chạy vào miền núi Phú Thọ. Được sự ủng hộ tích cực của nhân dân các dân tộc, chỉ vài tháng sau Lí Nam Đế đã khôi phục được lực lượng, quân số lên tới vài vạn người, Lí Nam Đế lại đem quân và thuyền bè ra đóng ở hồ Điển Triệt.

Hồ Điển Triệt nay thuộc xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, nằm bên bờ sông Lô, cách Bạch Hạc khoảng 15 km. Xưa có con ngòi thông sông với hồ, ba mặt đông, nam, bắc của hồ là các dải đồi cao, phía tây là những đồi thấp hơn và cánh đồng trũng. Từ sông Lô chỉ có một đường đi vào phía bắc của hồ.

Thấy quân Lí Nam Đế xuất hiện, quân Lương từ Gia Ninh ngược sông Lô kéo lên tấn công. Bị đánh cản kịch liệt, quân Lương không tiến lên được, phải đóng ở giữa đồng trống. Quân lính mỏi mệt, tướng chỉ huy nhiều tên cũng chán nản. Nhưng Trần Bá Tiên vừa hung hăng vừa xảo quyệt. Nhân một đêm trời mưa to gió lớn, y đã thúc quân tràn vào đánh úp nơi Lí Nam Đế đóng quân. Không trở tay kịp, quân ta tan vỡ nhanh chóng. Lí Nam Đế lại phải lui vào động Khuất Lão (Tam Nông, Vĩnh Phúc). Anh vua là Lí Thiên Bảo, cùng Lí Phật Tử (một người trong họ và là tướng của Lí Nam Đế) đem một cánh quân lui vào Thanh Hóa. Vua trao quyền cho Triệu Quang Phục tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Lương. Hai năm sau, Lí Nam Đế mất.

thuongmaitr

- Hãy nhớ lại xem Triệu Quang Phục là ai ? Theo em, vì sao ông được Lí Nam Đế trao cho nhiệm vụ tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Lương ?

5. Triệu Quang Phục và căn cứ Dạ Trạch

Trước tình hình địch lúc đó còn mạnh, Triệu Quang Phục liệu thế không thể đánh thắng ngay được. Ông cho quân lui về đồng bằng, tìm cách đánh địch. Dạ Trạch được chọn làm căn cứ kháng chiến.

Dạ Trạch (bãi Màn Trò, Hưng Yên) là một vùng đồng lầy rộng mênh mông, lau sậy um tùm. Ở giữa có một bãi đất cao khô ráo, có thể ở được. Đường vào bãi rất kín đáo, khó khăn, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc chống sào lướt nhẹ trên đám cỏ nước, theo mấy con lạch nhỏ mới tới được.

Theo sử cũ, Triệu Quang Phục đã bí mật đem quân vào đóng trên bãi nổi. Ban ngày tắt hết khói lửa, im hơi lặng tiếng như không có người. Đêm đến, nghĩa quân chèo thuyền ra đánh úp trại giặc, cướp vũ khí lương thực.

Quân Lương cố sức đánh vào vùng Dạ Trạch. Nhưng càng tập trung quân bao vây Dạ Trạch, quân lính càng bị giết hại nhiều, lương thực,

vũ khí hao cạn dần. Ngược lại, lực lượng nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. Khi Lí Nam Đế mất (548), Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương. Nhân dân còn gọi ông là Dạ Trạch Vương.

Năm 550, nhân lúc tình hình Trung Quốc rối loạn, Triệu Việt Vương tung quân mở một số cuộc tấn công lớn, đánh đuổi được quân xâm lược, giành lại chủ quyền đất nước.

? – Hãy nói những hiểu biết của em về căn cứ Dạ Trạch và cuộc kháng chiến do Triệu Quang Phục lãnh đạo – Cách đánh địch của Triệu Quang Phục ở đây có gì đặc biệt so với những cuộc kháng chiến khác mà em đã học ?

6. Chống cuộc xâm lược của nhà Tùy

Triệu Việt Vương làm vua được hơn hai mươi năm thì bị Lí Phật Tử cướp ngôi. Lí Phật Tử lên làm vua gọi là Hậu Lí Nam Đế. Nhà Tùy ổn định tình hình Trung Quốc xong, lại âm mưu xâm lược Vạn Xuân. Năm 602, Vua Tùy đòi Lí Phật Tử phải sang chầu để tỏ ý hàng phục. Lí Phật Tử thoái thác không đi, rồi cử tướng cất quân đóng giữ các thành trọng yếu như Long Biên (Bắc Ninh), Ô Diên (Hà Nội). Lí Phật Tử cầm quân giữ thành Cổ Loa. Vin cớ Lí Phật Tử không chịu tuân lệnh, nhà Tùy phái ngay một đạo quân lớn sang xâm lược. Đầu năm 603, mười vạn quân Tùy ồ ạt tấn công Vạn Xuân. Không cản được địch, Lí Phật Tử bị vây hãm ở Cổ Loa, rồi bị bắt và giải về Trung Quốc. Sau 60 năm độc lập, đất nước ta lại bị phong kiến nhà Tùy đô hộ.

uongxua.vn

Bài 23 – 24

ĐẤT NƯỚC TA TRONG CÁC THẾ KỈ VII - IX

1. Ách đô hộ của nhà Đường

Năm 618, nhà Đường thay nhà Tùy thống trị ở Trung Quốc. Đất nước ta lại rơi vào ách đô hộ của nhà Đường. Thời Đường, Trung Quốc lớn mạnh vì bóc lột thậm tệ nhân dân các nước nhỏ lệ thuộc. Nước ta có nhiều của quý, vật lạ, lại ở vị trí thuận tiện trên đường giao thông buôn bán với các nước nên nhà Đường tìm mọi cách chiếm đóng và thống trị.

Cùng với việc chia nhỏ các khu vực hành chính ở nước ta, nhà Đường đã lập ra An Nam đô hộ phủ(1) và sắp đặt bộ máy cai trị từ trên xuống dưới.

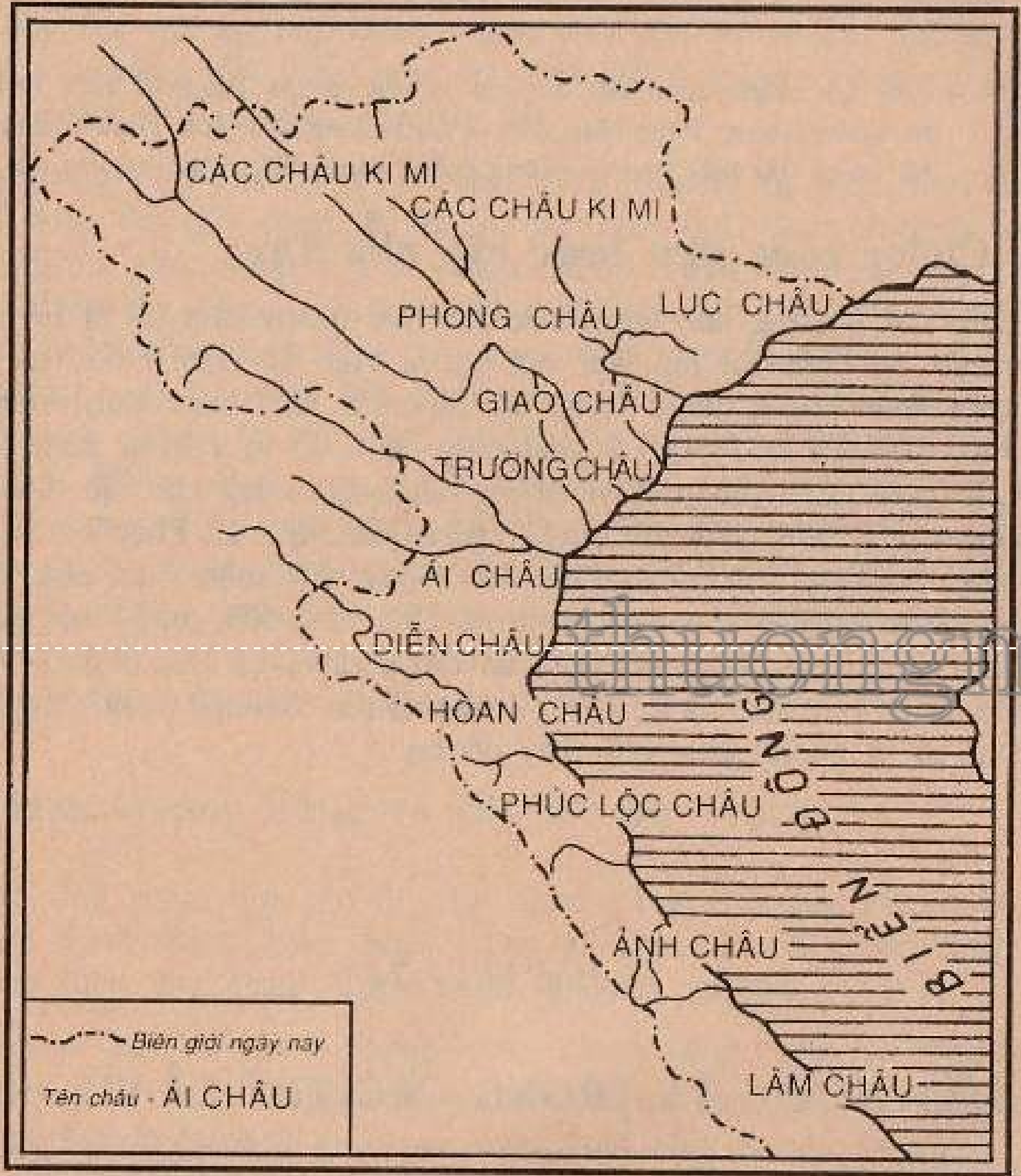

Hình 41 – Lược đồ nước ta thời thuộc Đường (thế kỉ VII – IX)

(1) Đô hộ phủ là cơ quan cai trị bằng bạo lực của nhà Đường ở các nước nhỏ lệ thuộc như An Tây đô hộ phủ khống chế miền Trung Á, An Bắc đô hộ phủ chế ngự Mông Cổ và các đất phía bắc, An Đông đô hộ phủ chế ngự miền đông bắc và bán đảo Triều Tiên.

Đất nước ta bị chia thành các châu, quận, huyện. Dưới huyện là hương và xã, song trên thực tế nhà Đường cũng chỉ với tay được đến các huyện. Đứng đầu phủ là một viên đô hộ thâu tóm mọi quyền hành. Đứng đầu mỗi châu là một viên thứ sử. Ở huyện có huyện lệnh... Ở miền núi, nhà Đường lập ra các châu ki mi[1], cho các tù trưởng địa phương cai quản.

Trụ sở của phủ đô hộ đặt ở Tống Bình (Hà Nội). Đường giao thông thủy bộ từ Tống Bình đi các địa phương và sang Trung Quốc được sửa sang, làm thêm. Ở Tống Bình, cũng như ở các châu và huyện quan trọng, bọn đô hộ cho xây thêm thành, đắp thêm lũy và không ngừng tăng số quân đóng giữ[2].

Nhà Đường vẫn bóc lột dân ta bằng cách bắt cống nạp những thứ quý như ngọc trai, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, da cá, trầm hương, vàng, bạc, tơ lụa...

Đặc biệt, vải là thứ quả ngon nổi tiếng được các vua Đường rất ưa chuộng. Hàng năm cứ đến mùa vải, nhân dân ta ở các nơi lại phải đi phu, thay nhau gánh vải sang Trung Quốc nộp cống.

uongxua.vn

Bên cạnh chế độ cống nạp, nhà Đường đã quy định các ngạch thuế một cách rõ ràng, chặt chẽ. Thuế chính đánh vào đầu người[3] và vào hộ gia đình[4]. Ngoài ra còn rất nhiều các thứ thuế khác như thuế muối, thuế sắt, thuế đay, gai, bông... Thuế đã nặng, bọn quan cai trị lại tự ý thu thêm làm của riêng. Theo quy định, các hộ người thiểu số chỉ nộp một nửa số thuế, song bọn quan đô hộ vẫn thường ép buộc họ phải nộp cả.

? –So với thời kì trước, ách đô hộ của nhà Đường nặng nề hơn như thế nào ?

---

(1) Ki mi có nghĩa là ràng buộc lỏng lẻo.
(2) Thành Đại La ở Tống Bình được đắp đi sửa lại 3 lần, số quân khoảng 5,5 ngàn, có lúc đến 1 vạn tên.
(3) Gồm có tô, dung, điệu. Tô nộp bằng lúa, dung là số ngày phải lao dịch và điệu nộp bằng sản phẩm thủ công nghiệp, thường là vải lụa.
(4) Tùy theo tài sản mà chia thành 3 loại hộ, nộp bằng lúa với các mức nhiều ít khác nhau.

2. Tình hình kinh tế, văn hóa nước ta các thế kỉ VII – IX

Tuy bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân ta vẫn cần cù lao động, phát triển sản xuất. Nền kinh tế nước ta vì thế nhìn chung bị kìm hãm, có lúc bị tàn phá nghiêm trọng, song vẫn có tiến bộ.

Việc trồng lúa hai mùa, trồng khoai và các loại hoa màu khác được mở rộng hơn. Việc trồng đay, bông, đặc biệt nghề trồng dâu, chăn tằm, ươm tơ, dệt lụa rất phát triển. Rau và cây ăn quả được trồng nhiều hơn. Đàn gia cầm, ngoài gà, vịt, chim bồ câu, còn có thêm công (nuôi để lấy lông làm quạt). Những nghề thủ công nổi tiếng từ xưa như dệt, làm đồ gốm, đặc biệt, nghề rèn sắt và khai mỏ đều phát triển hơn trước. Bên kĩ thuật cổ truyền, nhân dân ta đã tiếp thu một số yếu tố kĩ thuật mới của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước khác như việc bón phân bắc, làm guồng nước trong nông nghiệp, việc dệt gấm vóc, làm đồ sứ... trong thủ công nghiệp. Đồng thời, nhân dân ta cũng tiếp tục cuộc đấu tranh mãnh liệt chống đồng hóa, giữ vững nếp sống và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Văn hóa nghệ thuật thời Đường đạt tới đỉnh cao, đã ảnh hưởng tới nhiều nước. Bọn đô hộ mở nhiều trường học ở nước ta để thực hiện âm mưu tuyên truyền. Nhưng nhân dân ta chỉ chọn học cái hay để làm giàu thêm nền văn hóa của mình. Bằng cách cải tiến, vận dụng cách viết của chữ Hán, nhân dân ta dần dần đã tạo ra chữ viết riêng của mình là chữ Nôm sau này[1]. Phật giáo thời kì này phát triển rất mạnh (nhiều chùa lớn và cao tăng) vì các nhà sư ngoài việc chăm lo đời sống tinh thần còn giúp đỡ nhân dân trong cuộc sống hàng ngày : xem mạch bốc thuốc, ma chay... ; nhiều vị sư thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của nhân dân đã tham gia hoạt động xã hội, góp phần vào cuộc đấu tranh chống chính quyền đô hộ.

? – Tình hình kinh tế, văn hóa nước ta các thế kỉ VII – IX có những tiến bộ gì? Do đâu mà có những tiến bộ đó ?

(1) Nôm tức là Nam. Chữ Nôm là chữ của người Nam, theo nhiều nhà nghiên cứu có thể được hình thành trong thời kì này.

3. Phong trào đấu tranh giành độc lập

Trong suốt 3 thế kỉ bị nhà Đường đô hộ, những cuộc đấu tranh vũ trang giành lại độc lập của nhân dân ta vẫn không ngừng nổ ra.

Sau đây là những cuộc nổi dậy lớn, đã chiếm được phủ thành Tống Bình, giết hoặc đánh đuổi được viên đô hộ.

Năm diễn ra	Tên người lãnh đạo	Tên viên đô hộ bị giết hoặc phải chạy về Trung Quốc
687	Lí Tự Tiên Đinh Kiến	Lưu Diên Hựu
722	Mai Thúc Loan	Quang Sở Khách
khoảng 766 – 779	Phùng Hưng	Cao Chính Bình
801	Vương Quý Nguyên	Bùi Thái
819	Dương Thanh	Lí Tượng Cổ
828	Không rõ tên	Hàn Ước
843	—	Vũ Hồn
860	—	Lí Hộ
880	—	Tăng Cồn

uongxua.vn

Hai cuộc khởi nghĩa lớn nhất trong thời kì này là khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng.

KHỞI NGHĨA MAI THÚC LOAN (722)

Mai Thúc Loan quê ở Mai Phụ[1], một làng ven biển, sau theo mẹ, lại phải dời lên miền núi ở. Nhà nghèo, từ nhỏ, Mai Thúc Loan đã phải vào rừng lấy củi kiếm ăn ; lớn lên, phải đi ở cho nhà giàu, chăn trâu cày ruộng.

Người đen trũi, rất khỏe. Mai Thúc Loan nổi tiếng giỏi vật một vùng. Cũng như mọi người dân khác, ông phải đi phu phục dịch bọn quan quân đô hộ, rất vất vả mà còn bị đánh đập tàn nhẫn.

(1) Mai Phụ bấy giờ thuộc châu Hoan, nay là một làng chuyên làm muối ở miền ven biển Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Một ngày đầu hè oi ả năm 722, Mai Thúc Loan cùng đoàn phu phải gánh quả vải đi nộp cống. Đường xa, nắng gắt, càng mệt mỏi, lòng người càng oán giận quân đô hộ. Mai Thúc Loan bảo mọi người dừng chân, vào chỗ mát nghỉ. Ông lên tiếng kể tội bọn đô hộ, hô hào mọi người không đi nữa mà trở về nổi dậy chống lại chính quyền đô hộ. Mọi người đồng lòng nghe theo Mai Thúc Loan. Hàng trăm người ở các phường săn và trai tráng các làng quanh vùng cùng hưởng ứng. Thế lực của nghĩa quân ngày một mạnh. Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam có sông sâu, núi hiểm, làm nơi xây dựng căn cứ.

Dọc bờ sông Lam, nghĩa quân đắp một chiến lũy dài hơn 1000m. Đó là thành Vạn An, có núi Đụn (Hùng Sơn) làm chỗ dựa. Phía trong núi là dải thung lũng rộng vài chục mẫu, làm nơi trữ lương thực vũ khí. Bao quanh khu trung tâm là một hệ thống đồn trại, nương tựa lẫn nhau.

Chiếm được châu Hoan, Mai Thúc Loan xưng làm hoàng đế, đóng đô ở thành Vạn An. Người đời gọi ông là Mai Hắc Đế (vua đen họ Mai).

Mai Hắc Đế tìm cách liên kết với các thủ lĩnh và nhân dân các châu miền núi, nhân dân Cham-pa... để có thêm lực lượng chống quân Đường. Thế mạnh lên, người đông thêm, nghĩa quân tiến ra Bắc tấn công phủ thành Tống Bình. Bọn quan quân đô hộ hốt hoảng bỏ thành, tháo chạy về Trung Quốc. Đất nước ta được giải phóng. Nhân dân khắp nơi nô nức theo Mai Hắc Đế, lực lượng nghĩa quân lên tới hàng chục vạn người.

thuongmaitr

Nhưng lúc này, nhà Đường đang còn mạnh. Vua Đường lệnh ngay cho 10 vạn quân tập trung sức đàn áp cuộc khởi nghĩa. Quân Đường tấn công ồ ạt, theo đường hiểm đánh ập vào thành Vạn An. Mai Hắc Đế phải rút vào rừng, sau bị ốm rồi mất. Nghĩa quân tan vỡ. Quân Đường đã tàn sát nhân dân ta hết sức dã man, chất xác những người chết đắp thành gò cao. Tội ác tày trời này của giặc chỉ làm tăng thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với chúng.

Nhân dân ta đời đời nhớ ơn Mai Hắc Đế, đã lập đền thờ, để thơ ca tụng ông :

Bốn phương Mai Đế lừng uy đức,
Trăm trận Lí Đường phục võ công[(1)]
...
Cống vải từ nay Đường phải dứt,
Dân nước đời đời hưởng phúc chung

---

(1) Vua Đường họ Lí nên ở đây gọi là Lí Đường

?

1. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan đã nổ ra trong hoàn cảnh nào ?

2. Khởi nghĩa đã bùng nổ và phát triển thắng lợi nhanh chóng như thế nào ?

KHỞI NGHĨA PHÙNG HƯNG

(trong khoảng 766 – 779)

Từ giữa thế kỉ VIII, nhân lúc nhà Đường ở Trung Quốc bắt đầu suy yếu, bọn đô hộ ở nước ta ra sức đàn áp bóc lột nhân dân ta để tăng thêm uy thế.

Viên đô hộ Cao Chính Bình, vừa được cử sang đã bắt nhân dân ta đóng thuế rất nặng, ai cũng oán thán. Phùng Hưng và em là Phùng Hải ở Đường Lâm (nay là xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Tây) đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống lại. Sự việc này xảy ra trong khoảng những năm 766 – 779.

Đường Lâm là quê của Phùng Hưng. Họ Phùng đời đời làm thủ lĩnh gọi là quan lang. Năm Phùng Hưng 18 tuổi, cha mẹ mất. Ông nối nghiệp cha làm thủ lĩnh ở Đường Lâm. Là người rất khỏe, có sức vật nổi trâu, đánh được hổ, Phùng Hưng lại giàu lòng thương người, hay giúp đỡ kẻ gặp khó khăn. Nhân dân trong vùng ai cũng mến phục.

truongxua.vn

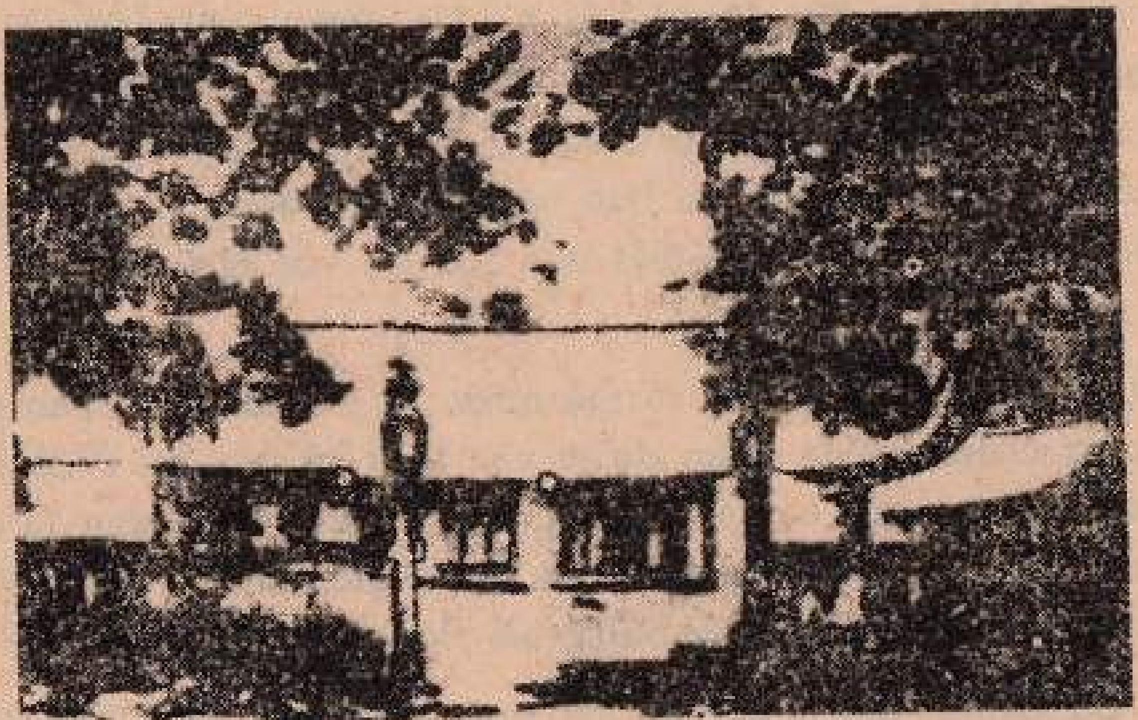

Hình 42 – Đình thờ Phùng Hưng ở Đường Lâm, Hà Tây

Từ nơi quê nhà nổi dậy, nghĩa quân dần dần chiếm được cả vùng rộng lớn chung quanh. Phùng Hưng cho mộ thêm quân, tích trữ thêm lúa gạo... Thế lực của nghĩa quân càng mạnh, uy tín càng cao.

Nhân lúc quân lính ở Tống Bình không chịu tuân lệnh bọn chỉ huy, anh em Phùng Hưng kéo quân xuống bao vây phủ thành. Đô hộ Cao Chính Bình đem quân ra chống cự. Cuộc giao chiến diễn ra rất ác liệt. Quân đô hộ thua to, xác chết đầy đồng. Cao Chính Bình phải rút vào thành cố thủ, sau lo sợ quá, sinh bệnh rồi chết. Phùng Hưng chiếm được phủ thành sắp đặt lại việc cai trị với ý định xây dựng nước nhà độc lập lâu dài (783).

Được bảy năm thì Phùng Hưng mất, Phùng An là con lên nối nghiệp cha. Nhưng Phùng An lại đem quân đánh nhau với Phùng Hải nên lực lượng bị suy yếu. Đến khi nhà Đường đưa quân sang đàn áp, đồng thời tìm cách dụ dỗ, Phùng An ra hàng.

?

– Hãy thuật lại cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng. Khởi nghĩa đã thu được kết quả như thế nào ?

thuongmaitr

4. Sơ kết chương III

Từ sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu của An Dương Vương thất bại cho đến đầu thế kỉ X, đất nước ta liên tiếp bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ. Đây là thời kì đen tối nhất trong lịch sử nước ta. Bằng cách tổ chức cai trị ngày càng chặt chẽ, thi hành những chính sách bóc lột tàn bạo và âm mưu đồng hóa hết sức nham hiểm, bọn đô hộ muốn tiêu diệt dân tộc ta, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới.

Song, hơn một nghìn năm đô hộ nước ta, kẻ thù chưa bao giờ khuất phục được nhân dân ta, nắm được các làng xã của ta. Phát huy ý chí tự lập tự cường thời các vua Hùng, vua Thục, nhân dân ta bám đất, bám làng, kiên trì và dũng cảm đấu tranh để duy trì cuộc sống, phát triển nền kinh tế, giữ gìn nếp sống và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Mặc dù chính quyền đô hộ tìm mọi cách kìm hãm, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông, buôn bán của nước ta đều có những bước phát triển so với thời kì trước.

• Hãy đọc lại các mục 1, 2 của bài 18, mục 1 của bài 23 và trả lời các câu hỏi sau đây :

– Các triều đại phong kiến Trung Quốc đã kìm hãm sự phát triển sản xuất của nước ta như thế nào ?

– Hãy nêu một vài ví dụ nói lên sự phát triển của kinh tế nước ta thời kì này.

Sự biến chuyển về kinh tế tuy chậm chạp vẫn là cơ sở đẩy tới những chuyển biến trong xã hội.

Đồng thời, trong quá trình tiếp xúc và trao đổi văn hóa, nhân dân ta cũng không ngừng đấu tranh để giữ vững nếp sống riêng, duy trì và phát triển tiếng nói, sáng tạo ra chữ viết của mình.

• Hãy xem lại bài 19 và đoạn cuối mục 1 của bài 23.

Những cuộc đấu tranh vũ trang đánh đuổi chính quyền đô hộ cũng bùng nổ liên tục và ngày càng mạnh mẽ. Anh hùng, hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Bí, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng... là những tấm gương chói lọi ngàn thu. Những cuộc khởi nghĩa đó mới thắng lợi trong một phạm vi nhất định, hoặc mới duy trì được thắng lợi trong một thời gian, song đã góp phần hun đúc thêm ý chí độc lập, tinh thần đoàn kết đánh địch của nhân dân ta, làm cho lực lượng dân tộc ta lớn mạnh lên, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trong thế kỉ X sau này.

truongxua.vn

Bài tập – Hãy làm bảng tóm tắt các cuộc khởi nghĩa lớn từ thế kỉ I đến thế kỉ X.

Chương IV

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ Ở ĐẦU THẾ KỈ X

Bài 25

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH QUYỀN TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC

1. Khúc Thừa Dụ dựng quyền tự chủ

thuongmaitr

Cuối thế kỉ IX, tình hình Trung Quốc rối loạn. Nhà Đường không thể kiểm soát nước ta như trước, đã đổi chức đô hộ thành chức tiết độ sứ. Thay mặt chính quyền nhà Đường, tiết độ sứ có quyền định đoạt mọi việc, kể cả việc lựa chọn người kế vị.

Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng, quê ở Cúc Bồ, Hồng Châu (Ninh Giang, Hải Dương). Họ Khúc là một họ lớn, lâu đời, rất có uy tín, Khúc Thừa Dụ tính khoan hòa, hay thương người, được dân trong vùng hết lòng mến phục.

Giữa năm 905, nhân lúc vua quan nhà Đường ở Trung Quốc lục đục và tiết độ sứ ở nước ta bị bãi chức, Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy chiếm được Tống Bình, rồi tự xưng là tiết độ sứ.

Nhà Đường buộc phải công nhận một việc đã rồi. Đầu năm sau (906), vua Đường chính thức phong Khúc Thừa Dụ làm tiết độ sứ. Từ đó, bề ngoài Khúc Thừa Dụ vẫn mang danh hiệu một chức quan của nhà Đường, nhưng trên thực tế, nền đô hộ của phong kiến Trung Quốc trên đất nước ta đã chấm dứt. Đất nước ta đã giành được quyền tự chủ. Đó là cơ sở bước đầu rất quan trọng để chuyển sang giành chủ quyền độc lập hoàn toàn.

Khúc Thừa Dụ làm tiết độ sứ được hai năm thì mất. Con ông là Khúc Hạo nối nghiệp cha, cũng xưng là tiết độ sứ. Ông bắt tay ngay vào việc xây dựng nước theo đường lối "Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị, nhân dân đều được yên vui". Khúc Hạo cho sửa đổi các khu vực hành chính, cắt đặt người trông coi mọi việc đến tận xã. Chính quyền mới đã xem xét và định lại mức thuế ruộng đất cho hợp lí hơn, đồng thời miễn bỏ các thứ lao dịch nặng nề. Khúc Hạo còn cho lập lại sổ hộ khẩu để làm cơ sở thu thuế và tuyển quân.

?

– Họ Khúc đã giành được quyền tự chủ như thế nào ?

– Những việc làm của Khúc Hạo nói lên điều gì ? Có tác dụng như thế nào đối với đời sống của nhân dân ta ?

2. Chống quân Nam Hán xâm lược. Họ Dương khôi phục quyền tự chủ (930 – 931)

Trong khi ở nước ta họ Khúc nổi dậy giành quyền tự chủ, thì ở Quảng Châu (Quảng Đông), một tiết độ sứ họ Lưu đã chiếm vùng này, lập ra nước Nam Hán. Lúc đầu, Nam Hán có quan hệ bình thường với ta, về sau lại âm mưu xâm chiếm nước ta.

uongxua.vn

Năm 917, Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay, vẫn xưng là tiết độ sứ. Trước kia, Khúc Thừa Mĩ đã sang ở Nam Hán một thời gian, đã thấy được ý đồ bành trướng của chúng, Khúc Thừa Mĩ sai sứ sang thần phục Hậu Lương (lúc này đã thay nhà Đường ở Trung Quốc) hòng mong có chỗ dựa chống quân Nam Hán.

Mượn cớ Khúc Thừa Mĩ không chịu thần phục, mùa thu năm 930, vua Nam Hán huy động một lực lượng lớn cả quân thủy lẫn quân bộ sang đánh ta. Khúc Thừa Mĩ chống cự không được, bị bắt đem về Quảng Châu. Quân Nam Hán tàn phá nước ta, rồi đem quân chiếm đóng thành Đại La (Hà Nội).

Mặc dù Khúc Thừa Mĩ bị bắt, nhân dân ta vẫn không chịu khuất phục. Một tướng cũ của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ quyết chí tiếp tục sự nghiệp giải phóng đất nước.

Dương Đình Nghệ quê ở làng Ràng (Dương Xá – Thanh Hóa). Họ Dương cũng là một họ lớn. Là người khảng khái, có lòng yêu nước thương dân, Dương Đình Nghệ đã mở lò võ, chiêu mộ nhân tài. Ông

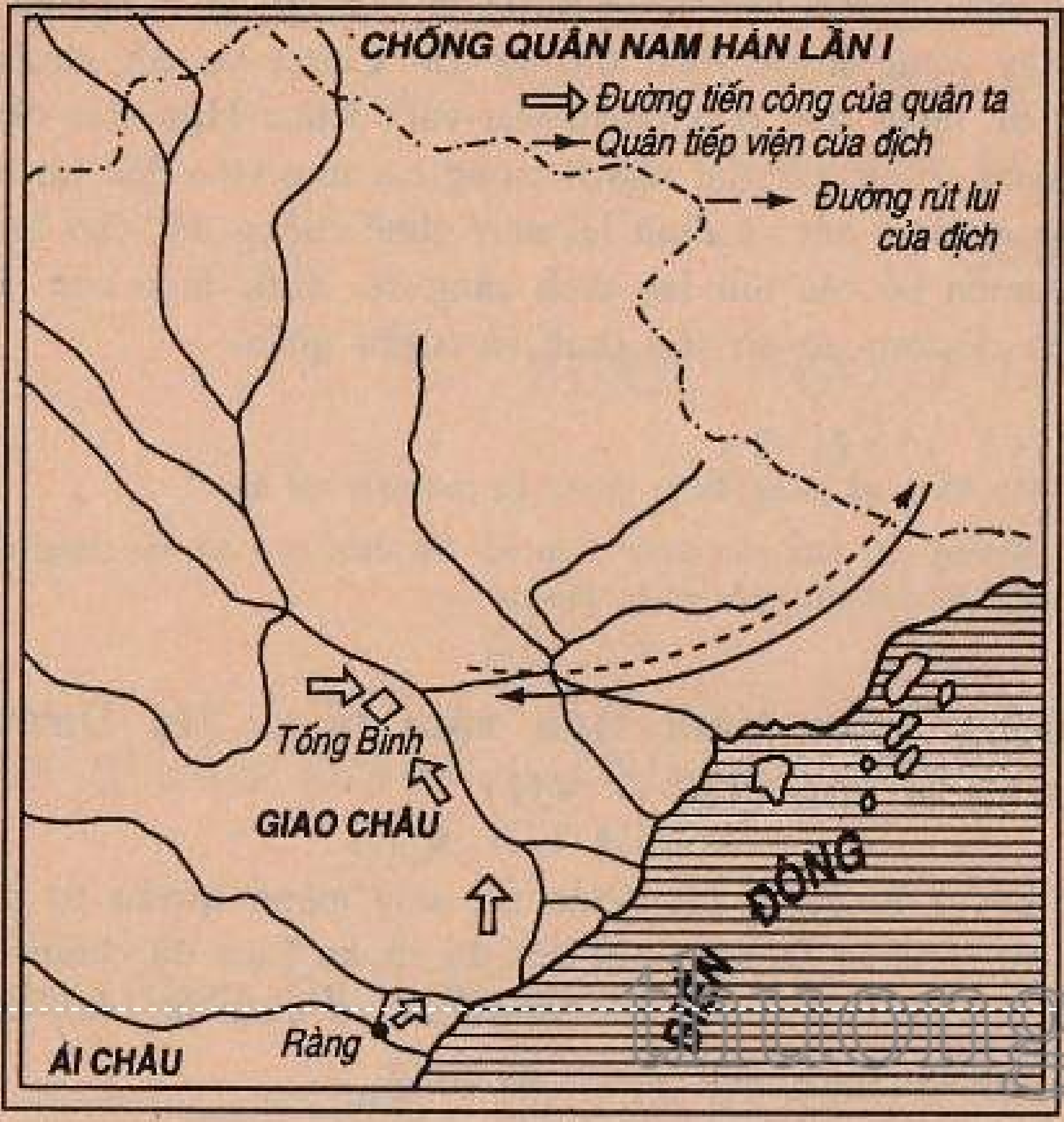

Hình 43 – Lược đồ : Kháng chiến chống quân Nam Hán lần I (930 – 931)

nuôi luyện được 3000 quân giỏi võ nghệ. Làng Ràng dần dần trở thành nơi tập hợp các lực lượng yêu nước. Ngô Quyền từ Đường Lâm (Hà Tây), Đinh Công Trứ từ Hoa Lư (Ninh Bình) đã tới đây. Quân Nam Hán biết nhưng không làm gì được.

Mùa xuân năm 931, từ làng Ràng, Dương Đình Nghệ đem quân ra Bắc, bao vây, tấn công thành Đại La.

Quân Nam Hán lo sợ, phải cho người về nước cầu cứu. Viện binh của địch chưa đến nơi, thì Dương Đình Nghệ đã thúc quân bao vây ráo riết và chiếm được thành Đại La. Sau đó, ông bắt tay ngay vào việc tổ chức cuộc chiến đấu đón đánh quân Nam Hán tiếp viện. Quân tiếp viện của địch vừa tới liền bị đánh tan tác. Tướng chỉ huy của địch bị giết tại trận.

Một lần nữa, quân giặc lại bị đuổi ra khỏi nước ta. Dương Đình Nghệ xưng là tiết độ sứ. Quyền tự chủ của nước ta được khôi phục.

? –Dương Đình Nghệ đã đánh đuổi được quân Nam Hán xâm lược như thế nào?

Bài 26

NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 938

1. Cuộc xâm lược của Nam Hán. Kế hoạch đánh địch của Ngô Quyền

Tháng 4 năm 937, Dương Đình Nghệ bị một tướng dưới quyền là Kiều Công Tiễn giết để đoạt chức tiết độ sứ. Hành động đó đã gây nên sự phẫn nộ mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân ta. Ngô Quyền bấy giờ đang trấn giữ Ái châu (Thanh Hóa) đã kéo quân ra Bắc trị tội tên phản bội.

uongxua.vn

Ngô Quyền là người cùng quê với Phùng Hưng. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần trước, Ngô Quyền đã đem quân theo Dương Đình Nghệ. Là một tướng giỏi, lại có nhiều công lao, ông được Dương Đình Nghệ tin yêu và gả con gái cho. Khi Dương Đình Nghệ là tiết độ sứ, Ngô Quyền được cử làm thứ sử Ái châu.

Kiều Công Tiễn hoảng sợ, sai người mang vàng bạc, châu báu sang đút lót cho vua Nam Hán để cầu xin cứu viện. Vốn ôm mộng xâm chiếm nước ta, cuối năm 938, vua Nam Hán sai ngay con là Vạn Vương Lưu Hoằng Tháo đem thủy quân sang đánh ta. Vua Nam Hán tự mình cầm quân đóng ở sát biên giới, sẵn sàng tiếp ứng cho Hoằng Tháo.

Khi quân Nam Hán còn đang ngấp nghé ngoài bờ cõi, Ngô Quyền đã hạ được thành Đại La và giết được tên phản bội, phản quốc Kiều Công Tiễn. Ngô Quyền lo tổ chức ngay việc chống ngoại xâm.

Nghe tin Hoằng Tháo hung hăng đem thủy quân sang đánh ta, Ngô Quyền đã họp các tướng, động viên quân lính : "Hoằng Tháo là một đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính mỏi mệt, lại nghe tin Công Tiễn bị giết không có người làm nội ứng đã mất vía trước rồi, tất phá được".

Nắm vững tình hình quân địch sẽ kéo vào nước ta theo đường sông Bạch Đằng, Ngô Quyền bàn với các tướng : "Nếu ta sai người đem cọc lớn, đẽo nhọn đầu và bịt sắt đóng ngầm ở cửa biển trước, nhân khi nước triều lên, thuyền của họ tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề chế ngự. Không có kế gì hơn kế ấy cả". Mọi người đồng lòng nghe theo. Thế là hàng ngàn cây gỗ dài, đầu đẽo nhọn và bịt sắt được chuyển về và đóng xuống lòng sông Bạch Đằng ở những nơi hiểm yếu gần cửa biển. Hai bên bờ sông, phía trên bãi cọc ngầm, Ngô Quyền cho quân mai phục, sẵn sàng chờ đón đánh địch. Ngô Quyền tự mình chỉ huy thủy quân trên sông Bạch Đằng.

Sông Bạch Đằng có tên nôm là sông Rừng vì hai bờ sông nhất là phía tả ngạn toàn là rừng rậm. Hạ lưu sông thấp, độ dốc không cao, nên ảnh hưởng của thủy triều lên xuống khá mạnh. Mực nước sông lúc triều lên, xuống, chênh nhau đến 3 m. Khi triều lên, lòng sông rộng mênh mông đến hàng nghìn mét, sâu hơn chục mét.

?

– Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nam Hán đã diễn ra trong hoàn cảnh nào ?

– Ngô Quyền đã lãnh đạo nhân dân ta chuẩn bị chống quân xâm lược Nam Hán như thế nào ?

thuongmaitr

2. Chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại năm 938

Vào một ngày mưa rét giữa mùa đông năm 938, Lưu Hoằng Tháo cầm đầu thủy quân Nam Hán kéo sang đánh ta.

Ngô Quyền cho thuyền nhẹ ra vịnh Hạ Long đánh nhử quân Nam Hán vào cửa Bạch Đằng. Bấy giờ đang lúc nước cường, thủy triều dâng lên tràn ngập bãi cọc. Quân ta vờ rút chạy, Hoằng Tháo hăm hở thúc quân đuổi theo, vượt qua trận địa cọc ngầm của ta. Ngô Quyền chỉ huy quân ta cầm cự với giặc. Khi nước triều bắt đầu rút, Ngô Quyền bèn hạ lệnh cho thủy quân ta đánh quật trở lại. Thủy quân Nam Hán hốt hoảng, quay đầu tháo chạy. Ra đến gần cửa sông, đúng lúc nước triều rút mạnh. Bãi cọc ngầm nhô lên. Quân ta dồn sức tấn công. Quân từ phía thượng lưu đánh xuống, quân mai phục từ hai bên bờ đánh tạt ngang. Đội hình thuyền địch rối loạn, thuyền xô vào nhau, va phải cọc nhọn bị thủng vỡ, đắm rất nhiều. Thuyền địch không sao thoát ra biển được. Quân địch bỏ cả chèo lái, nhảy

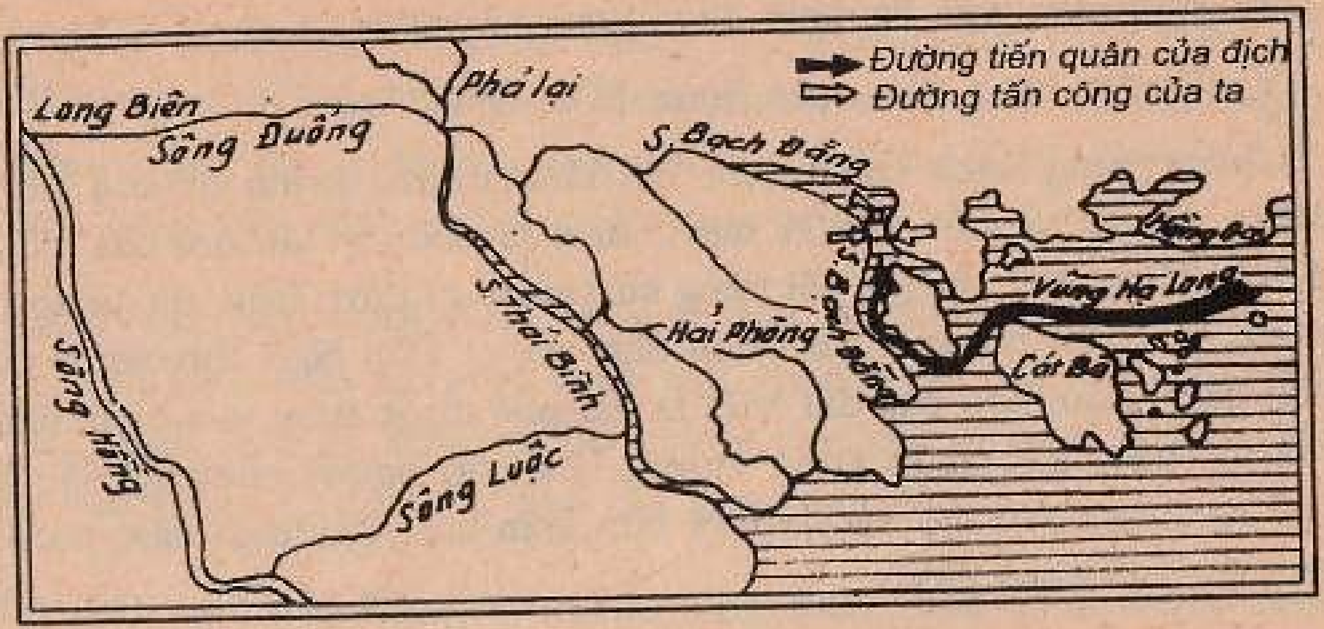

Hình 44 – Lược đồ : Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

xuống sông, phần bị giết, phần chết đuối, thiệt hại đến quá nửa. Hoằng Tháo cũng bỏ mạng nơi đây. Vua Nam Hán đang điều quân tiếp viện cho con, nửa đường nghe tin quân bị hãm, con bị giết, hốt

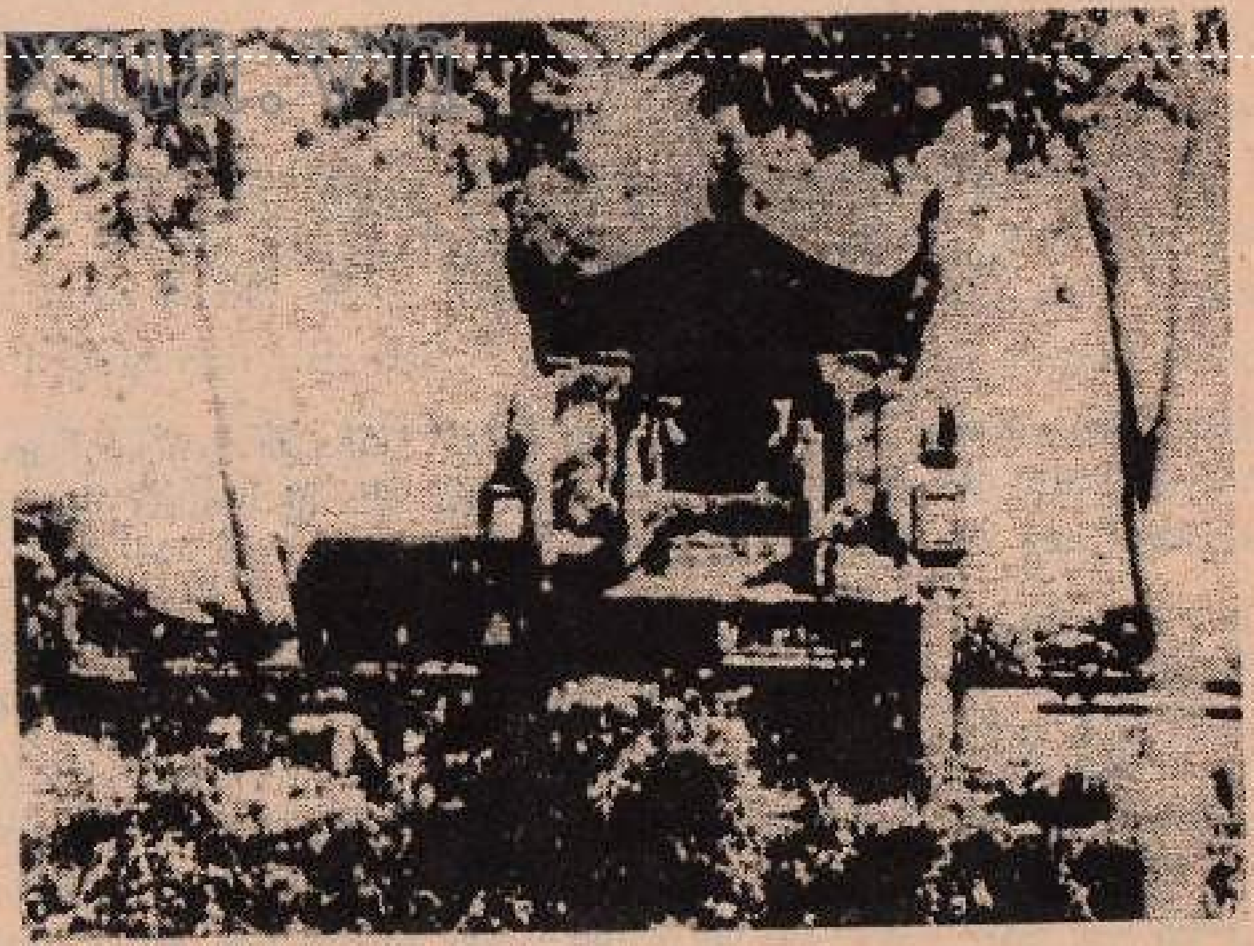

Hình 45 – Lăng Ngô Quyền ở Đường Lâm, Hà Tây

hoảng rụng rời, vội hạ lệnh thu quân về nước.

Ý đồ xâm lược của quân Nam Hán bị đè bẹp.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 khẳng định quyền tự chủ của nhân dân ta và mở ra một thời kì mới : thời kì độc lập lâu dài của Tổ quốc. Lê Văn Hưu, nhà sử học nổi tiếng của nước ta thời Trần, đã ca ngợi Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng như sau : "Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới nhóm họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương làm cho người phương Bắc không dám sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu cũng giỏi mà đánh cũng giỏi".

?

1. Ngô Quyền là ai và đã có công như thế nào trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ hai ?
2. Hãy thuật lại chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
3. Chiến thắng Bạch Đằng có ý nghĩa to lớn như thế nào trong lịch sử nước ta?

Bài 27 thuongmaitr

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ CỘI NGUỒN ĐẾN THẾ KỈ X

Các em vừa học xong những thời kì rất dài của lịch sử dân tộc từ cội nguồn đến thế kỉ X. Giờ đây nhìn lại những bài đã học em cần nắm vững mấy kết luận chính sau :

1. Đất nước ta nằm trong vùng Đông Nam Á, là miền nhiệt đới ẩm và có gió mùa, có rất nhiều loài động vật và nhất là thực vật. Con người đã xuất hiện sớm ở đây.

Các di cốt người tối cổ và di tích văn hóa thời đá cũ góp phần chứng minh đất nước ta nằm trong khu vực chiếc nôi của loài người. Lối sống của người thời đá cũ là hái lượm và săn bắt, kiếm sống bằng nhiều loại thức ăn khác nhau. Hái lượm trội vượt hơn săn bắt.

2. Cách đây trên dưới một vạn năm, cư dân cổ trên đất nước ta đã

bắt đầu biết trồng trọt và chăn nuôi. Trồng trọt trội vượt hơn chăn nuôi. Đông Nam Á là một trong những cái nôi trồng trọt của loài người. Nghề nông trồng lúa nước nảy sinh ở nơi đây cách ngày nay trên dưới 6000 năm cùng với những xóm làng nông nghiệp.

3. Cách đây trên dưới 4000 năm tổ tiên ta đã biết luyện kim (đúc đồng rồi rèn sắt). Với sự phát triển của nghề luyện kim và nghề nông trồng lúa nước, lịch sử nước ta bước vào thời đại dựng nước đầu tiên với các vua Hùng và các thủ lĩnh địa phương.

Tiếp theo các vua Hùng và nước Văn Lang, vua Thục dựng nước Âu Lạc và xây thành Cổ Loa, phát triển trung tâm kinh tế chính trị văn hóa từ miền trung du xuống miền đồng bằng châu thổ.

Đấy cũng là lúc phong kiến Trung Quốc bành trướng xuống phía Nam. Quá trình dựng nước Âu Lạc cũng là quá trình đánh Tần, chống Triệu để bảo vệ lãnh thổ Âu Lạc của người Việt cổ.

4. Từ cuối thế kỉ II tr.CN, các triều đại phong kiến Trung Quốc thống trị đất nước ta trong hơn một nghìn năm. Sử quen gọi là thời Bắc thuộc. Song đó cũng là thời kì tổ tiên ta liên tục tiến hành cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc : khởi nghĩa đánh đuổi chính quyền đô hộ để giành lại chủ quyền đất nước, đấu tranh để duy trì cuộc sống, phát triển nền kinh tế, để bảo vệ tiếng nói và di sản văn hóa đã đạt được từ trước ; đồng thời tiếp thu có chọn lọc nhiều thành tựu văn hóa của Trung Quốc (chữ Hán, văn học nghệ thuật, tổ chức chính quyền), Ấn Độ (đạo Phật, kiến trúc, âm nhạc) và các nước khác để làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc.

Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Nam Đế, Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng là những người anh hùng của đất nước. Nhân dân đã thổi bùng lên ngọn lửa quật cường bất khuất, kiên quyết không chịu làm nô lệ, không chịu để đất nước biến thành quận huyện của Trung Quốc, không chịu để người Việt biến thành người Hán. Lối sống riêng xác lập từ xa xưa và những ảnh hưởng văn hóa mới tiếp thu đã làm thất bại âm mưu đồng hóa của các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ.

5. Tới thế kỉ X, phong trào đấu tranh của tổ tiên ta chống bành trướng và đô hộ đã trưởng thành lên. Tình hình Trung Quốc rối loạn, nhà Đường suy yếu. Dòng họ Khúc, họ Dương và Ngô Quyền đã kế tiếp nhau xác lập quyền tự chủ, độc lập của nước ta.

Chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại năm 938 đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn thời kì bị phong kiến Trung Quốc đô hộ, mở ra một thời kì mới của lịch sử Việt Nam : thời kì độc lập lâu dài và phát triển rực rỡ của đất nước.

Ngô Quyền, người anh hùng làm nên chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại, được coi là ông Tổ phục hưng nền độc lập dân tộc của Việt Nam.

?

1. Lịch sử Việt Nam từ cội nguồn đến thế kỉ X đã trải qua những thời kì lớn nào ?
2. Hãy trình bày nội dung chính của mỗi thời kì.

Bài tập : Hãy ghi lại trên băng thời gian những mốc đánh dấu sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ cội nguồn đến thế kỉ X.

thuongmaitr

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU

Bài 1. Vài điều sơ lược về môn lịch sử 3

Bài 2. Cách tính niên đại trong lịch sử 5

Chương I

VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY

Bài 3. Bầy người nguyên thủy 8

Bài 4. Thị tộc và bộ lạc nguyên thủy 13

Bài 5. Những công cụ sản xuất mới
và sự xuất hiện của xóm làng 15

Chương II

THỜI DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC
ĐẦU TIÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

A - Quá trình thành lập nước Văn Lang

Bài 6. Cội nguồn dân tộc 17

Bài 7. Những biến đổi trong sản xuất 22

Bài 8. Những biến đổi trong xã hội 29

Bài 9. Nhà nước Văn Lang và các vua Hùng 31

Bài 10. Lối sống và ý thức của xã hội Văn Lang 33

B - Nước Âu Lạc

Bài 11. Nước Âu Lạc ra đời 36

Bài 12. Sự phát triển của nước Âu Lạc 39

truongxua.vn

Bài 13. Sự phát triển của nước Âu Lạc (tiếp theo) 41
Bài 14. Sơ kết chương I và II 45

Chương III
HƠN MỘT NGÀN NĂM ĐẤU TRANH
GIÀNH LẠI NƯỚC

Bài 15. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) 48
Bài 16. Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống xâm lược Hán 52
Bài 17. Từ sau Trưng Vương đến trước Lí Nam Đế (giữa thế kỉ I – giữa thế kỉ VI) 55
Bài 18. Từ sau Trưng Vương đến trước Lí Nam Đế (tiếp theo) 57
Bài 19. Từ sau Trưng Vương đến trước Lí Nam Đế (tiếp theo) 59
Bài 20. Từ sau Trưng Vương đến trước Lí Nam Đế (tiếp theo) 64
Bài 21. Khởi nghĩa Lí Bí. Nước Vạn Xuân (542 - 602) 69
Bài 22. Khởi nghĩa Lí Bí. Nước Vạn Xuân (tiếp theo) 71
Bài 23-24. Đất nước ta trong các thế kỉ VII – IX 73

Chương IV
BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ Ở ĐẦU THẾ KỈ X

Bài 25. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc 82
Bài 26. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 85
Bài 27. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ cội nguồn đến thế kỉ X . . 88

Sách này được viết lại trên cơ sở cuốn Lịch sử 6 in thí điểm năm 1984, do Trần Quốc Vượng và Nguyễn Cao Lũy biên soạn.

10 bài đầu trong sách này Nguyễn Kiên viết thay thế Trần Quốc Vượng (vì tác giả đi công tác vắng).

thuongmaitr

ruongxua.vn

45
1957-2002
NĂM
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitruongxua.vn

8 934980 001356

LỊCH SỬ 6

Mã số : 2H606t1
In 100.000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm. In tại **Xí Nghiệp In Sách Giáo Khoa** 240 Trần Bình Trọng – Quận 5 – Tp. HCM.
Số in : 150. Số XB : 1105/135 – 00.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2001.

Giá : 2.200 đ